



Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Về việc Thông báo mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên đơn vị : Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS)
- Mã chứng khoán : PVX
- Trụ sở chính : Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 04.37689291 Fax: 04.37689290
- Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thu Hoài
- Địa chỉ thường trú: khu tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04.37689291 Fax: 04.37689290
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- Nội dung của thông tin công bố:

Ngày 26/4/2024, Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam có Thông báo số 42/TB-XLTK về việc Mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Thời gian: bắt đầu từ 8h00; thứ năm, ngày 23/5/2024. Các thông tin khác được thông báo chi tiết tại Thông báo. Các tài liệu liên quan đến đại hội, PETROCONS đã đăng tải trên website của Tổng công ty.

10. Địa chỉ Website đăng tải thông tin: <http://pvc.vn> và <http://petrocons.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PETROCONS, Ban KS (b/c);
- Tổng giám đốc PETROCONS (b/c);
- Người quản trị kiêm thư ký Công ty;
- Phòng Pháp chế (ph/h);
- Lưu: VT, TCKT-KT.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT

Ngô Thị Thu Hoài

Hà Nội, ngày *26* tháng *4* năm 2024

THÔNG BÁO

V/v: Mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Quý Cổ đông Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONs) trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (Đại hội) của PETROCONs, cụ thể như sau:

1. Thời gian: **8h00, ngày 23/5/2024 (Thứ năm)**
2. Địa điểm: Tầng 12, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.
3. Điều kiện tham dự: Các Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông hoặc Đại diện ủy quyền của các Cổ đông theo danh sách chốt ngày 24/4/2024 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
4. Nội dung chính của Đại hội:
 - 4.1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
 - 4.2. Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 4.3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
 - 4.4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
 - 4.5. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023;
 - 4.6. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;
 - 4.7. Tờ trình về việc quyết toán lương, thù lao năm 2023 và phương án lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - 4.8. Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2023 (Đính kèm Báo cáo về tình hình quản trị Công ty (Bản rút gọn) năm 2023 số 11/BC-XLKD ngày 24/01/2024 đã được Công bố thông tin định kỳ số 131/XLKD-TCKT ngày 24/01/2024 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, báo cáo để cổ đông biết);
 - 4.9. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có).

5. Xác nhận tham dự Đại hội:

- Các đề xuất của Quý Cổ đông hoặc người được ủy quyền về nội dung Đại hội xin vui lòng gửi về Ban tổ chức Đại hội trước **15h00 Thứ năm ngày 16/5/2024**.
- Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý Cổ đông thực hiện thủ tục xác nhận trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (theo mẫu gửi kèm Thư mời họp hoặc mẫu trên website của PETROCONS) và gửi về PETROCONS theo đường bưu điện hoặc gửi Fax số 0243.7689290 trước **15h00 Thứ năm ngày 16/5/2024**.

6. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền đến Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp/Thư mời họp;
- Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản gốc);
- Giấy ủy quyền (bản chữ ký gốc) có các nội dung chính theo mẫu do PETROCONS ban hành (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội).

7. Các tài liệu liên quan đến Đại hội, các mẫu giấy xác nhận/ủy quyền và các tài liệu khác được đăng tải trên website của PETROCONS theo địa chỉ: <http://pvc.vn> hoặc <http://petrocons.vn>. Để bảo vệ môi trường, tất cả các tài liệu tại Đại hội sẽ sử dụng bản mềm, PETROCONS hạn chế về số lượng in tài liệu bản cứng.

8. Mọi chi tiết liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:

- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
- Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
- Địa chỉ: Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

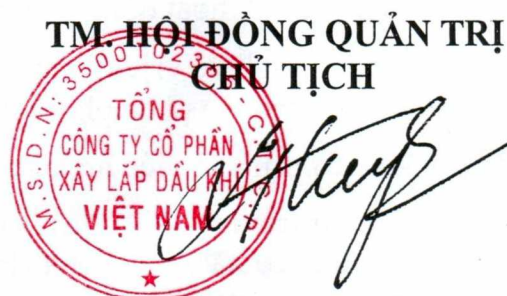
Mọi chi phí ăn ở, đi lại, các chi phí khác do Cổ đông tự trang trải.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị, BKS (để biết);
- BTC ĐHĐCĐ PETROCONS (để t/h);
- Lưu: VT, HĐQT, PC.

nam



Nghiêm Quang Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

GIẤY XÁC NHẬN

THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ

Về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Kính gửi: Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Tên cổ đông:

CMND/CCCD/GPĐKKD số:

Địa chỉ thường trú/Trụ sở:

Điện thoại:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:))

1. Xác nhận tham dự

Tôi xác nhận sẽ tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

2. Ủy quyền tham dự Đại hội:

2.1. Ủy quyền cho Ông/bà:

CMND/CCCD số: cấp ngày tại

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số cổ phần ủy quyền: cổ phần (Bằng chữ:))

2.2. Hoặc ủy quyền toàn bộ số cổ phần mà cổ đông sở hữu cho một trong bốn thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam có tên dưới đây:

Ông: **Nghiêm Quang Huy** - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: **Chu Thanh Hải** - Thành viên Hội đồng quản trị

Ông: **Trần Hải Bằng** - Thành viên Hội đồng quản trị

Ông: **Nguyễn Hoài Nam** - Thành viên Hội đồng quản trị

2.3. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần ủy quyền.

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ hoạt động và tổ chức của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2024
CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

Người được ủy quyền khi đi dự Đại hội cần mang theo Thư mời họp/Thông báo mời họp, Bản gốc Giấy ủy quyền và bản gốc CCCD/hộ chiếu.

Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền 01 lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Mã cổ đông/đại diện cổ đông:

Tên cổ đông/đại diện cổ đông:

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần.

Sau khi nghiên cứu nội dung tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tôi có ý kiến biểu quyết từng vấn đề như sau:

STT	Nội dung biểu quyết (đánh dấu X hoặc ✓ vào ô tương ứng)	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Báo cáo hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và kế hoạch năm 2024; Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2023, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tờ trình về việc Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Lưu ý: Cổ đông chỉ đánh dấu vào 01 ô duy nhất tại từng vấn đề cần biểu quyết

Chữ ký cổ đông/đại diện cổ đông

**DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024 CỦA PETROCONs**

STT	Nội dung	Trang
1	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2
2	Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3
3	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.	9
4	Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT	31
5	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.	34
6	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024.	49
7	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.	66
8	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	68
9	Tờ trình về việc thông qua quyết toán lương, thù lao năm 2023 và phương án lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.	69
10	Dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	71
11	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	77
12	Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2023 (Bản rút gọn) năm 2023 số 11/BC-XLKD ngày 24/01/2024 đã được Công bố thông tin định kỳ số 131/XLKD-TCKT ngày 24/01/2024 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, báo cáo để cổ đông biết	Từ 81- Hết
13	Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2023	
14	Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 của PETROCONs	

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

TT	Thời gian	Nội dung
1	7:30 - 8:30	- Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
2	8:30 - 8:50	- Chào cờ, giới thiệu đại biểu; - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc biên bản kiểm tra, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội; - Khai mạc ĐHĐCĐ; - Giới thiệu Đoàn Chủ tịch Đại hội;
3	8:50 - 9:00	- Giới thiệu và thông qua Ban Thư ký đại hội; - Giới thiệu và thông qua Ban Kiểm phiếu đại hội; - Thông qua chương trình và Quy chế Tổ chức của Đại hội.
4	9:00 - 11:30	- Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024; Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT. - Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 - Nội dung 3: Báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 - Nội dung 4: Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 - Nội dung 5: Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024 - Nội dung 6: Tờ trình về việc Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát - Biểu quyết thông qua các nội dung từ số 1 đến số 6 - Cổ đông thảo luận và trả lời câu hỏi
5	11:30 - 11:40	- Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu - Đại hội nghỉ giải lao
6	11:40 - 11:50	- Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung - Đại diện Cổ đông Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phát biểu
7	11:50 - 12:00	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
8	12:00	- Bế mạc Đại hội

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (sau đây gọi là Đại hội) của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi là Tổng Công ty).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

4.1. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 24/4/2024) được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

4.2. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.
- Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai: toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông.
- Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
 - Thông báo mời họp/Thư mời họp;

- Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản gốc);
- Giấy ủy quyền bản gốc có các nội dung chính theo mẫu do Tổng Công ty ban hành (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội);

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

Cổ đông, đại diện cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một (01) Thẻ biểu quyết, một (01) Phiếu biểu quyết (trên các phiếu có ghi mã số cổ đông, nội dung biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình). Giá trị biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện cổ đông có mặt tại Đại hội.

- e. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.
- f. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

4.3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

- a. Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Tổng Công ty.
- b. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.
- c. Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức Đại hội.
- d. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Tổng Công ty thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; Phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra

tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

- 6.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT) là chủ tọa cuộc họp.
- 6.2. Chủ tọa cuộc họp đề cử Ban Tổ chức (gồm: Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu) để Đại hội thông qua.
- 6.3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.
- 6.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc;
 - b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- 6.5. Đoàn Chủ tịch được bầu ra tại Đại hội, có nhiệm vụ:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua; Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận;
 - c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

- a. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- b. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch, bao gồm:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;
 - Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc Đoàn Chủ tịch.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 8.1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là các cổ đông của Tổng Công ty.
- 8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết;
 - Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông tại Đại hội;
 - Thực hiện kiểm Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết khi thông qua các vấn đề được đưa ra Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua;
 - Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội;

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

- 9.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 24/4/2024.
- 9.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 24/4/2024.
- 9.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 9.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định; Tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức Đại hội.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định chung về khai báo y tế, đảm bảo khoảng cách, sát khuẩn trước khi vào phòng họp, đeo khẩu trang trong suốt quá trình dự họp.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11. Cách thức tiến hành đại hội

- 11.1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung (theo nội dung đã gửi các cổ đông).
- 11.2. Biểu quyết tại Đại hội
 - Mỗi cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông được phát 01 Thẻ biểu quyết (Màu trắng) và 01 Phiếu biểu quyết (Màu vàng), trên đó có ghi mã số cổ đông cùng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết.
 - **Thẻ biểu quyết:** được in trên giấy **màu trắng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung:

- ✓ Thông qua Đoàn Chủ tịch;
- ✓ Thông qua thành phần Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu;
- ✓ Thông qua Chương trình của Đại hội;
- ✓ Thông qua Quy chế Tổ chức Đại hội;
- ✓ Thông qua nội dung Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thông qua các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

Cổ đông chỉ được sử dụng Thẻ biểu quyết để thông qua một lần cho một nội dung cụ thể. Cổ đông giao Thẻ biểu quyết mỗi khi Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến cho mỗi vấn đề cần xin ý kiến. Thẻ biểu quyết này được sử dụng khi cổ đông muốn phát biểu ý kiến và khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề nêu trên.

- **Phiếu biểu quyết:** được in trên giấy **màu vàng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung chính sau:

- ✓ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
- ✓ Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;
- ✓ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
- ✓ Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
- ✓ Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023;
- ✓ Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;
- ✓ Tờ trình về việc quyết toán lương, thù lao năm 2023 và phương án lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

Đối với Phiếu biểu quyết, mỗi vấn đề trên Phiếu biểu quyết có 3 ô trống thể hiện nội dung Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn một tình trạng biểu quyết. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về việc: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty; Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; được thông qua nếu số cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác (trừ nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát) trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

CHƯƠNG IV
KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào thành Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Biên bản, Nghị quyết cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại hệ thống văn thư của Tổng Công ty.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này gồm 5 Chương 14 Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nghiêm Quang Huy

DỰ THẢO

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
(PETROCONs/Tổng công ty)

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2023, tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; tỷ giá hối đoái, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động tiêu cực gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của các doanh nghiệp ngành xây dựng nói chung và PETROCONs nói riêng. Ngoài ra, PETROCONs còn chịu ảnh hưởng từ những khó khăn trong công tác thu xếp vốn đầu tư, thu xếp mặt bằng của các chủ đầu tư dẫn đến nguồn hợp đồng xây dựng mới trên thị trường bị hạn chế. Bên cạnh những khó khăn khách quan của nền kinh tế, PETROCONs còn tồn tại nhiều vướng mắc nội tại như: thiếu vốn, năng lực cạnh tranh thấp, hạn chế trong công tác quản trị,... dẫn đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 của PETROCONs chưa đạt được yêu cầu đề ra.

Trong năm 2023, thực hiện các chỉ đạo của Tập đoàn tại các Nghị quyết, Chỉ thị và tại Thông báo kết luận tại các cuộc họp giao ban CEO hàng tháng, PETROCONs đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ đề ra, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Tập trung triển khai các công tác thi công tại dự án nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) Thái Bình 2, đưa dự án hoàn thành đi vào hoạt động. Hiện PETROCONs đang tập trung triển khai các công tác chuẩn bị quyết toán song song với việc thực hiện những công việc còn lại tại dự án.
- Trên cơ sở kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022, PETROCONs đã thực hiện kiện toàn công tác Người đại diện vốn của PETROCONs tại các đơn vị còn yếu kém nhằm củng cố và nâng cao hiệu quả công tác quản trị tại các đơn vị, triển khai phương án tái cơ cấu/phục hồi hoạt động SXKD của các đơn vị PVC-HN, PVC-ME, PVC-ID, CTCP Khách sạn Lam Kinh.
- Tích cực tìm kiếm phát triển nguồn việc mới thông qua làm việc chặt chẽ với các đối tác, chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng nhân lực, vật lực để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực của PETROCONs. Tích cực bám sát quá trình thực hiện mời thầu của các Chủ đầu tư để tham gia dự thầu các gói thầu như: Nâng cấp hệ thống

DCS tổ máy S7 - NMNĐ Uông Bí, Nhà máy xử lý rác Yên Bình, Nhà máy SX Polypropylene Phú Mỹ, Nhà máy nhiệt điện Na Dương 2, Dự án nhà máy sản xuất Oxy già, khu nhà ở CBCNV NMNĐ Thái Bình 2, khu nhà ở CNCNV NMNĐ Sông Hậu 1,...

- Rà soát, cập nhật và xây dựng phương án xử lý các khó khăn vướng mắc đối với các công nợ tồn đọng báo cáo kiến nghị cổ đông lớn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ giải quyết tại văn bản số 775/XLDK-KHĐT&TCC ngày 03/4/2023.
- Quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ khó đòi, thực hiện tham gia các thủ tục tố tụng, tranh chấp, hòa giải nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp, tối đa cho PETROCONS.
- Xây dựng và thực hiện phương án định biên nhân sự cơ quan Tổng công ty, sắp xếp lao động của Ban điều hành dự án (ĐHDA) NMNĐ Thái Bình 2 khi kết thúc công việc tại dự án, đảm bảo dự nguồn cán bộ cho dự án tiếp theo và tăng cường bổ sung cho các vị trí còn thiếu của các Ban chuyên môn.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ HTKH 2023	Tỷ lệ 2023/2022
			Kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện		
A	B	I	2	3	4=3/2	5=3/1
1	Giá trị SXKD	1.494,59	1.500,00	912,38	61%	61%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>956,30</i>	<i>770,00</i>	<i>441,36</i>	<i>57%</i>	<i>46%</i>
2	Tổng doanh thu	1.821,56	1.886,00	1.237,96	65%	68%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>1.287,53</i>	<i>1.230,00</i>	<i>765,73</i>	<i>62%</i>	<i>59%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	2,70	(184,73)	(267,12)		
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>53,00</i>	<i>(113,11)</i>	<i>(162,65)</i>		
4	Lợi nhuận sau thuế	2,93	(184,73)	(265,22)		
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>52,30</i>	<i>(113,11)</i>	<i>(162,65)</i>		
5	Nộp NSNN	57,20	72,00	41,05	57%	72%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>33,12</i>	<i>26,00</i>	<i>10,67</i>	<i>41%</i>	<i>32%</i>
6	Thu nhập bình quân (tr.đ/ng/ tháng)	10,86	11,14	10,58	95%	97,4%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>15,95</i>	<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	<i>100%</i>	<i>83%</i>

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 912,38 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch năm 2023 và bằng 61% so với năm 2022; Riêng Công ty mẹ thực hiện 441,36 tỷ đồng, đạt 57% kế hoạch năm 2023 và bằng 46% so với năm 2022.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 1.237,96 tỷ đồng, đạt 65% kế hoạch năm 2023 và bằng 68% so với năm 2022; Riêng Công ty mẹ thực hiện 765,73 tỷ đồng, đạt 62% kế hoạch năm 2023 và bằng 59% so với năm 2022.
- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lỗ 267,15 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lỗ 265,22 tỷ đồng. Công ty mẹ lỗ trước thuế 162,65 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONs tại thời điểm 31/12/2023 là 307,4 tỷ đồng, giảm 34,5% so với thời điểm đầu năm. Hệ số bảo toàn vốn của Công ty mẹ PETROCONs đạt 0,65.
- Lỗ lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2023 là 3.770 tỷ đồng.

(Chi tiết được thể hiện trong báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán)

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2023

2.1. Tổng kết các cuộc họp của HDQT và các quyết định của HDQT

Đến thời điểm hiện tại HDQT PETROCONs bao gồm 05 thành viên, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONs.

Trong năm 2023, HDQT họp 06 phiên họp thường kỳ và 99 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 42 Nghị quyết, 38 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PETROCONs. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2023 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 10/BC-XLKD ngày 24/01/2024 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

TT	Thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nghiêm Quang Huy	05/06	83%	Ủy quyền cho UV.HDQT
2	Ông Chu Thanh Hải	06/06	100%	
3	Ông Phạm Văn Khánh	06/06	100%	
4	Ông Nguyễn Hoài Nam	06/06	100%	
5	Ông Trần Hải Bằng	06/06	100%	

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, trong năm 2023, HDQT đã cử các Thành viên HDQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HDQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình triển khai thực hiện công việc tại dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2.

2.2. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin về các Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) tại thời điểm 31/12/2023:

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	04/11/2021	
2	Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	24/6/2020	
3	Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	30/6/2021	
4	Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	30/6/2021	
5	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	20/01/2022	

Các thành viên HĐQT đã thực hiện vai trò và nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của PETROCONs, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONs cũng như giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Tham gia tất cả các hoạt động của HĐQT;
- Có ý kiến tại các phiếu lấy ý kiến để HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của HĐQT;
- Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONs và trực tiếp phụ trách một số đơn vị thành viên của PETROCONs theo phân công nhiệm vụ trong HĐQT PETROCONs.

2.3. Báo cáo tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2023

- Tiền lương/thù lao của HĐQT năm 2023 là 2.096.281.896 đồng. Cụ thể như sau:

TT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao thực hiện năm 2023
1	Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	502.839.735
2	Trần Hải Bằng	UV HĐQT	469.833.370
3	Nguyễn Hoài Nam	UV HĐQT	461.174.660
4	Chu Thanh Hải	UV HĐQT	431.149.130
5	Phạm Văn Khánh	UV HĐQT	231.285.000
	Tổng cộng		2.096.281.896

- Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2023 là: 352.665.932 đồng. Tuân thủ theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ của PETROCONs và các quy định hiện hành.

2.4. Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí của HĐQT năm 2023

- Tiền lương và thù lao của Thành viên HĐQT là Người đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PETROCONS: Thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và thực tế kết quả SXKD của PETROCONS.
- Tiền lương, thù lao của Thành viên độc lập HĐQT: i) Trường hợp thành viên làm việc theo chế độ thường xuyên tại Cơ quan PETROCONS theo quy định của PETROCONS thì được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với Thành viên HĐQT chuyên trách là Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PETROCONS; ii) Trường hợp thành viên làm việc không thường xuyên tại Cơ quan PETROCONS (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao bằng 70% mức lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.
- Thù lao kiêm nhiệm của Thành viên HĐQT không chuyên trách tối đa bằng 20% mức tiền lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.

2.5. Báo cáo về các giao dịch của Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó

- Trong năm 2023, giao dịch giữa các thành viên HĐQT và những người có liên quan với PETROCONS, Công ty con, các Công ty thành viên do PETROCONS nắm giữ quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ được thể hiện tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của PETROCONS. Các giao dịch này tuân thủ đúng quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ của Tổng công ty.
- Trong năm 2023, PETROCONS không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2.6. Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

- Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong năm 2023:
 - + Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên;
 - + Thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, trả đầy đủ các phiếu xin ý kiến của HĐQT;
 - + Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ của PETROCONS, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

2.7. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các Thành viên trong Ban Tổng giám đốc

- HĐQT theo sát và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết HĐQT đã đề ra. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ của PETROCONs, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng giám đốc làm việc, tổ chức họp giao Ban thường xuyên với các đơn vị thành viên trực thuộc để chấn chỉnh các hoạt động SXKD theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD và đầu tư của từng đơn vị.
- Ban Tổng giám đốc đã quyết liệt có các giải pháp để tháo gỡ tồn tại vướng mắc trong công tác nghiệm thu, tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, vướng mắc trong triển khai thực hiện hợp đồng với Chủ đầu tư cũng như với các nhà thầu phụ, đặc biệt tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2, đã đảm bảo hoàn thành bàn giao Dự án và Chủ đầu tư đã khánh thành Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 vào ngày 27/4/2023
- Ban Tổng giám đốc đã rà soát thực hiện lại quy chế/quy định nội bộ của PETROCONs và thực hiện điều chỉnh nhằm phù hợp với tình hình SXKD thực tế của PETROCONs và trình Hội đồng quản trị PETROCONs xem xét, phê duyệt.

2.8. Đánh giá chung

a. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của PETROCONs vào ngày 06/6/2023 và hoàn thành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với việc Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONs tại Nghị quyết số 232/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 02/10/2023.
- Thẩm tra tài liệu, hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức đại hội cổ đông thường niên, đại hội cổ đông bất thường.
- Về kết quả sản xuất kinh doanh: PETROCONs không hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2023, năm 2023 toàn tổ hợp PETROCONs lỗ trước thuế 267,11 tỷ đồng, Công ty mẹ PETROCONs lỗ trước thuế 162,65 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONs tại thời điểm 31/12/2023 là 307,4 tỷ đồng, giảm 35% so với thời điểm đầu năm.
- Tại Dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2: Trong năm 2023, đã hoàn thành chạy thử và bàn giao cho Chủ đầu tư tổ chức khánh thành nhà máy vào ngày 27/4/2023 và đưa vào sử dụng 2 tổ máy dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Hiện PETROCONs vẫn tiếp tục thực hiện các hạng mục phụ còn lại tại dự án, xử lý các tồn đọng (punchlist) phát sinh trong quá trình chạy thử/vận hành. Rà soát, đơn đốc nhà thầu hoàn thiện hồ sơ hai tổ máy với Chủ đầu tư phục vụ bàn giao nhà máy.
- Công tác thoái vốn, tái cơ cấu:
Thực hiện kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 đã được Tập đoàn và ĐHĐCĐ thông qua, trong năm 2023 PETROCONs đã triển khai các công việc cụ thể như sau:
 - Kiện toàn công tác Người đại diện vốn của PETROCONs tại các đơn vị còn yếu kém nhằm củng cố và nâng cao hiệu quả công tác quản trị tại các đơn vị.
 - Giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn (NDDPV) của Tổng công ty tại PVC-MS và DOBC triển khai kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở đánh

giá thực trạng, phương án tái cơ cấu đã xây dựng nhằm đảm bảo các mục tiêu là đơn vị nòng cốt của PETROCONs.

- Triển khai phương án tái cơ cấu/phục hồi hoạt động SXKD của các đơn vị:
 - + Tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường tại các đơn vị PVC-HN, PVC-ME, PVC-ID thực hiện kiện toàn nhân sự đối với các chức danh chủ chốt tại đơn vị
 - + Khôi phục hoạt động Khách sạn Lam Kinh: từng bước khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua công tác sửa chữa, duy tu lại các hạng mục của khách sạn và đưa khách sạn hoạt động trở lại.
 - + Hỗ trợ PVC-Duyên Hải tháo gỡ một số vướng mắc và thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên khu đất số 441 đường Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Tp. Hải Phòng nhằm hoàn thiện tính pháp lý của tài sản. Hiện PVC-Duyên Hải đã chuyển hồ sơ tài liệu cho Sở TNMT-Tp Hải Phòng chờ ý kiến phản hồi.
 - + Tái cơ cấu Công ty CP Truyền thông liên minh Dầu khí (Petrolink): PETROCONs đang làm việc với đơn vị để thực hiện các thủ tục điều chỉnh/hoàn thiện loại hình doanh nghiệp, điều chỉnh ĐKKD theo đúng cơ cấu cổ đông hiện tại (02 cổ đông). Đồng thời xem xét hỗ trợ đơn vị mở rộng nguồn việc nhằm tăng giá trị doanh nghiệp, từ đó tăng cơ hội thoái vốn.

- Về công tác thu hồi/xử lý công nợ:

Trong năm 2023 Tổng công ty đã xử lý thu hồi được tổng số tiền 11,766 tỷ đồng, cụ thể: PVC-HN (0,214 tỷ đồng), PVNC (10,468 tỷ đồng thông qua thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 và bù trừ tiền mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2), PETROCON-Đông Đô (1,083 tỷ đồng)

Trong năm 2023 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng cho khoản bảo lãnh. Hiện nay, PETROCONs vẫn còn có các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn là 155,04 tỷ đồng (PVC-HN: 73,67 tỷ đồng; PVC-ME: 64,27 tỷ đồng; PVC-SG: 17,10 tỷ đồng). Các khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PETROCONs đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả 137,94 tỷ đồng. Các đơn vị được PETROCONs bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức tín dụng đều đang rất khó khăn về tài chính, kết quả kinh doanh thua lỗ, tiềm ẩn rủi ro không trả được nợ vay ngân hàng. Trong các năm qua, PETROCONs đã làm việc với tổ chức tín dụng, yêu cầu NĐDPV của PETROCONs tại các đơn vị tìm giải pháp, thu xếp nguồn vốn để trả nợ ngân hàng, tuy nhiên chưa xử lý được các khoản bảo lãnh nêu trên.

Bên cạnh đó, PETROCONs hiện đang đứng tên bảo lãnh thanh toán cho PVC-TB với giá trị 111,8 tỷ đồng để cam kết và bảo đảm đối với các nghĩa vụ thanh toán của PVC-TB với PVEP theo quy định tại hợp đồng chuyển nhượng dự án Đầu tư xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình giữa PVEP và PVC-TB

- Đối với các khoản vay vốn ủy thác của Tập đoàn:

Dư nợ gốc ủy thác tại thời điểm 31/12/2023 là 575,6 tỷ đồng trong đó PETROCONs phải thu các đơn vị: 344,6 tỷ đồng (bao gồm: KS Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 128,3 tỷ đồng; PVNC: 16,3 tỷ đồng); khoản PETROCONs sử dụng: 230,99 tỷ đồng.

Lãi vay PETROCONs còn phải trả PVN tính đến thời điểm 31/12/2023 là: 162,5 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn chưa thanh toán: 90 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả lãi, gốc 72,5 tỷ đồng. Kể từ ngày 01/01/2018 đến nay PVN đang tính lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (tương đương 1,5%/năm). Định kỳ PETROCONs đều có văn bản đôn đốc, yêu cầu Người đại diện vốn của PETROCONs tại các đơn vị thành viên sử dụng các khoản vay ủy thác như: PVNC, Khách sạn Lam Kinh, PVC-SG rà soát các nguồn tiền, tài sản cân đối nguồn vốn để trả nợ vay ủy thác cho Tập đoàn

- Đầu tư tài chính:
 - + Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty mẹ PETROCONs có vốn góp tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.326,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735,45 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (07 đơn vị) 206,20 tỷ đồng.
 - + Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2023 là 1.797,36 tỷ đồng bằng 77% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONs, trong đó số trích lập 132,6 tỷ, hoàn nhập 0,758 tỷ.
- Công tác lao động, tiền lương:
 - + Tổng số CBCNV đến thời điểm cuối năm 2023 của toàn PETROCONs (bao gồm Công ty mẹ và 07 đơn vị chi phối) là 1.257 người, riêng lao động tại Công ty mẹ là 222 người.
 - + Năm 2023, PETROCONs có kết quả kinh doanh lỗi, năng suất lao động giảm, do vậy, thu nhập bình quân năm 2023 của lao động định biên toàn PETROCONs được tính bằng mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động. Thu nhập bình quân hợp nhất là 10,58 triệu đồng/người/tháng, bằng 94,9% kế hoạch năm và bằng 97,4% so với năm 2023. Thu nhập bình quân Công ty mẹ là: 13,25 triệu đồng/người/tháng, bằng 100% kế hoạch năm và bằng 83% so với năm 2022.

b. Một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong năm 2023 nêu trên, PETROCONs cũng gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc từ các nguyên nhân khách quan và chủ quan làm tác động tiêu cực đến công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, cụ thể:

- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 được PETROCONs xây dựng và trình Tập đoàn vào thời điểm cuối năm 2022 với dự kiến tham gia, trúng thầu và thực hiện khởi công các dự án: Khu nhà ở CBCNV dự án NMNĐ Sông Hậu 1, Nhà máy Polypropylene Phú Mỹ, Nhà máy LPG Yên Hưng, công trình mở rộng một số hạng mục nhà máy Đạm Cà Mau. Tuy nhiên, do nhiều vướng mắc về tài chính, pháp lý của phía Chủ đầu tư, đến nay các dự án trên vẫn chưa thể triển khai đấu thầu và giãn thời hạn đấu thầu/ khởi công sang năm 2024. Do vậy, toàn bộ kế hoạch giá trị sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của PETROCONs tại các dự án nêu trên đều không thực hiện được trong năm 2023.
- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 không hoàn thành kế hoạch doanh thu đề ra do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan như: nhiều hạng mục chưa có dự toán/ đơn giá, công tác hoàn thiện hồ sơ còn chậm, việc triển khai ký phụ lục hợp đồng, triển

khai thi công chậm tiến độ.

- Tại các dự án hoàn thành đã lâu còn tồn đọng, quá trình thanh quyết toán kéo dài như dự án NMNĐ Vũng Áng 1, NMNĐ Quảng Trạch, LHD Nghi Sơn, PVTex đến nay vẫn còn nhiều vướng mắc như chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt giá trị phát sinh, các nhà thầu phụ không hợp tác, thiếu nhân sự để phối hợp thực hiện quyết toán,... dẫn đến chưa thể quyết toán, thu hồi vốn.
- Tình hình tài chính của PETROCONs và các đơn vị thành viên rất hạn chế, hầu hết các đơn vị đều thiếu vốn, khó khăn trong công tác huy động vốn do lỗ lũy kế lớn dẫn đến không có đủ kinh phí để triển khai các công việc thi công trên công trường/dự án, công tác thi công cầm chừng, cũng như thiếu năng lực để có thể tham gia dự thầu các dự án/ công trình mới.
- Công tác xử lý nợ, thu hồi các khoản công nợ đến hạn/ quá hạn của PETROCONs và các đơn vị còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PETROCONs hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PETROCONs.
- Công tác thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm. Trong quá trình thực hiện, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PETROCONs đều thua lỗ/có giá trị lỗ lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn.

III. BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM ỦY QUYỀN KÝ KẾT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG EPC DỰ ÁN NMNĐ THÁI BÌNH 2

Thực hiện nội dung được Đại hội đồng cổ đông PETROCONs đã ủy quyền cho HĐQT trong việc ký kết và triển khai thực hiện Hợp đồng EPC Dự án NMNĐ Thái Bình 2 tại các Nghị quyết: số 543/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 07/6/2014, số 1104/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 15/12/2017 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên các năm 2018 đến 2022, HĐQT thực hiện báo cáo các nội dung liên quan đến công tác ký kết và triển khai thực hiện Hợp đồng EPC Dự án NMNĐ Thái Bình 2 như sau:

1. Công tác ký kết Hợp đồng và các Phụ lục bổ sung Hợp đồng:

a. Hợp đồng EPC số 9256/HĐ-DKVN

Trong năm 2023, PETROCONs đã ký kết một số Phụ lục bổ sung hợp đồng EPC như sau:

Ngày 03/02/2022, PETROCONs đã ký kết Phụ lục bổ sung số 43 về việc Sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Khoản 10.1 Điều 10 thuộc Điều khoản và Điều kiện của Hợp đồng EPC.

Ngày 13/4/2023, PETROCONs đã ký kết Phụ lục bổ sung số 44 về việc Tối ưu hóa thời gian chạy tin cậy Tổ máy 2 – Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.

Ngày 14/04/2023, PETROCONs đã ký kết Phụ lục bổ sung số 45 về việc Bổ sung phạm vi và giá trị công việc thử nghiệm các tổ máy theo Thông tư số 25/2016/TT-BCT.

Ngày 14/4/2023, PETROCONs đã ký kết Phụ lục bổ sung số 46 về việc Bổ sung công việc xin cấp phép môi trường và vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

Ngày 08/5/2023, PETROCONs đã ký kết Phụ lục bổ sung số 47 về việc Bổ sung các hạng mục Phòng cháy chữa cháy theo yêu cầu của Cục PCCC và CHCN.

Ngày 12/5/2023, PETROCONs đã ký kết Phụ lục bổ sung số 48 về việc Điều chỉnh, sửa đổi nội dung liên quan đến thu hồi ứng.

Ngày 16/5/2023, PETROCONs đã ký kết Phụ lục bổ sung số 49 về việc Bàn giao công trình và các Tổ máy thuộc hợp đồng EPC.

Ngày 25/5/2023, PETROCONs đã ký kết Phụ lục bổ sung số 50 về việc Chấp thuận nội dung cơ cấu giá và biểu giá của Hợp đồng EPC.

Ngày 01/11/2023, PETROCONs đã ký kết Phụ lục bổ sung số 51 về việc Điều chỉnh nội dung thưởng/phạt của Hợp đồng EPC.

Ngày 13/12/2023, PETROCONs đã ký kết Phụ lục bổ sung số 52 về việc Điều chỉnh các nội dung liên quan đến thí nghiệm .

Ngày 27/12/2023, PETROCONs đã ký kết Phụ lục bổ sung số 53 về việc Điều chỉnh thông tin tài khoản VNĐ của Tổng thầu.

Các nội dung sửa đổi hợp đồng EPC trong giai đoạn tiếp theo sẽ được HĐQT cập nhật và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

b. Hợp đồng số 30/HDKT/2012/PVC-SDC về việc cung cấp thiết bị chính của NMNĐ Thái Bình 2 giữa PETROCONs với Liên danh nhà thầu SDC (gọi tắt là Hợp đồng EPS)

Trong năm 2023, PETROCONs không phát sinh ký phụ lục bổ sung hợp đồng với Liên danh Nhà thầu SDC. Các trong giai đoạn tiếp theo nếu có phát sinh các nội dung sửa đổi Hợp đồng EPS, HĐQT sẽ kịp thời cập nhật và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Việc Nhà thầu Daelim kiện PETROCONs:

Trong thời gian qua, Liên danh Nhà thầu SDC đã phát hành nhiều công văn khiếu nại liên quan đến việc Thanh toán công nợ quá hạn và lãi chậm thanh toán; Hoàn trả chi phí giữ lại cho nghĩa vụ bảo hành; Chi phí do kéo dài thời gian hoàn thành dự án; Khiếu nại khác liên quan đến các thay đổi/phát sinh công việc với giá trị yêu cầu thanh toán tạm tính đến thời điểm hiện tại.

Để giải quyết các vướng mắc nêu trên, PETROCONs và Liên danh Nhà thầu SDC đã có nhiều công văn trao đổi và cũng đã tổ chức nhiều cuộc họp trực tiếp để trao đổi, làm rõ các ý kiến/quan điểm của các Bên. Tuy nhiên, các Bên vẫn không thống nhất được phương án xử lý.

Ngày 25/01/2024 Liên danh SDC đã có công văn số TB2-SDC-PEB-L-5433 gửi cho PETROCONs thông báo: Nhà thầu đã nộp Đơn khởi kiện (Request for Arbitration, gọi tắt là RFA) tới Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) để khởi kiện Tổng thầu PETROCONs về các vi phạm liên quan đến Hợp đồng EPS. Đính kèm theo Biên nhận tài liệu ngày 25/01/2024 ký bởi đại diện Daelim Industrial Co., Ltd và Ban điều hành VIAC thể hiện Công ty Daelim Industrial Co., Ltd đã nộp Đơn khởi kiện cùng với Danh mục bằng

chứng pháp lý của Nguyên đơn (List of Claimant’s legal exhibits) và Danh mục bằng chứng sự việc của Nguyên đơn (List of Claimant’s fact exhibits).

Ngày 01/3/2024, PETROCONs nhận được Thư thông báo số 478/VIAC ký ngày 26/02/2024 của VIAC thông báo về việc nhận nhận được Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo Đơn kiện của Nhà thầu Daelim vào ngày 25/01/2024.

Hiện nay, PETROCONs đã lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty Luật Bizlink để hỗ trợ pháp lý cho PETROCONs bao gồm: chuẩn bị Bản tự bảo vệ cũng như các khiếu nại lại Liên danh SDC (nếu có), tham gia quá trình tố tụng khi VIAC mở phiên xét xử.

IV. BÁO CÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ HOẠT ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CỦA PETROCONS

- Thực hiện Nghị quyết số 232/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 02/10/2023 của Đại hội đồng cổ đông, ngày 05/10/2023, PETROCONs đã hoàn thành việc sửa đổi và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONs.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

Trên cơ sở các nguồn lực hiện có, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu kinh tế chính như sau:

1. Kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế năm 2024:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH	
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	1.500,00	912,38	61%	1.532,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>770,00</i>	<i>441,36</i>	<i>57%</i>	<i>884,00</i>
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.886,00	1.237,96	66%	1.704,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>1.230,00</i>	<i>765,74</i>	<i>62%</i>	<i>1.055,00</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-	(267,12)	-	3,70
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	-	<i>(162,65)</i>	-	<i>9,48</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-	(265,22)	-	3,70
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	-	<i>(162,65)</i>	-	<i>9,48</i>
5	Số phải nộp NSNN	tỷ đồng	72,00	41,05	57%	47,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>26,00</i>	<i>10,67</i>	<i>41%</i>	<i>14,00</i>
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/người /tháng	11,14	10,58	95%	10,84
	<i>Công ty mẹ</i>		<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	<i>100%</i>	<i>13,25</i>

Kế hoạch năm 2024 của Công ty mẹ PETROCONs được xây dựng trên cơ sở hoàn thành và nghiệm thu các công việc còn lại tại dự án NMNĐ Thái Bình, quyết toán hợp đồng C15- dự án NMNĐ Sông Hậu 1 và dự kiến thực hiện các công trình/ dự án hiện đang trong quá trình triển khai tiếp thị đấu thầu như: Khu nhà ở CBCNV NMNĐ Sông

Hậu 1, Khu nhà ở CBCNV NMNĐ Thái Bình 2, NM Xử lý rác Yên Bình, NMNĐ Long Phú 1, NMNĐ Ô Môn 4, NMSX Oxy già, Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy số 7- NMNĐ Uông Bí 7, NMSX Polypropylene Phú Mỹ, dự án NMNĐ Quảng Trạch 1 và hoàn thành các nhiệm vụ về giải pháp tài chính, thu hồi công nợ. Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch đề ra như trên còn tiềm ẩn rủi ro trong trường hợp không trúng thầu các dự án kể trên.

Để phân đầu hoàn thành kế hoạch đề ra, PETROCONs đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2024, cụ thể:

2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2024, HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chỉ đạo triển khai đồng bộ, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu theo kế hoạch đề ra, phấn đấu toàn bộ các đơn vị trong PETROCONs có lợi nhuận trong năm 2024, đồng thời tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nhằm khắc phục triệt để các khó khăn, vướng mắc còn tồn đọng;
- Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 và thực hiện các giải pháp khắc phục tồn tại, khó khăn đã đánh giá.
- Triển khai tái cấu trúc tổ hợp PETROCONs trên cơ sở Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đến hết năm 2025 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1243/QĐ-TTg ngày 25/10/2023 và Nghị quyết số 3143/NQ-DKVN ngày 10/6/2022 của Tập đoàn về việc Phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2021-2025.
- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác quản lý tài chính, tiếp thị, đấu thầu. Tập trung hoàn thiện, bổ sung hồ sơ năng lực của PETROCONs theo quy định của Nhà nước để tham gia đấu thầu các công trình.
- Đẩy mạnh tìm kiếm thông tin, tiếp thị, đấu thầu cung cấp dịch vụ xây lắp các dự án trong ngành, mở rộng thị trường ngoài ngành. Tích cực làm việc chặt chẽ với các Chủ đầu tư dự án, các đối tác, chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng nhân lực vật lực để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực Tổng công ty. Phấn đấu trong năm 2024 trúng thầu 4-6 dự án/ công trình lớn đảm bảo nguồn công việc cho PETROCONs trong năm 2024 và gói đầu cho các năm tiếp theo.
- Tập trung các điều kiện về nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công,... tại các công trình, dự án để có thể triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.
- Thực hiện công tác quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2. Hoàn thành quyết toán các gói thầu đã thi công xong tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1. Tiếp tục rà soát, đánh giá, đàm phán với các nhà thầu phụ nhằm giảm công nợ phải trả của PETROCONs trong quá trình thực hiện quyết toán với nhà thầu tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 và NMNĐ Sông Hậu 1.
- Tập trung rà soát, đối chiếu, xử lý thu hồi công nợ của từng hợp đồng, dự án PETROCONs thực hiện theo đúng quy định. Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Tiếp tục thu xếp nguồn và đôn đốc các đơn vị thu xếp nguồn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank. Thống nhất phương án xử lý các vướng mắc giữa PVCombank; PVC-Thanh Hóa và CTCP Khách sạn Lam Kinh, trên cơ sở thống nhất và đảm bảo quyền và lợi ích tối đa của các bên liên quan để thu hồi và trả khoản vay ủy thác của Tập đoàn liên quan đến khách sạn Lam Kinh.
- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại các đơn vị vay vốn ngân hàng được PETROCONs bảo lãnh làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết đối với các khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONs cho các đơn vị.
- Chủ động làm việc và thực hiện các yêu cầu của các cấp có thẩm quyền để sớm thu hồi tối đa chi phí đã đầu tư tại dự án Khu công nghiệp Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Tập trung củng cố, hoàn thiện công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Tổng công ty đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Tập đoàn và Tổng công ty. Tăng cường giám sát công tác quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh, quản lý hợp đồng, quản lý chi phí đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONs.
- Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PETROCONs nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của PETROCONs.
- Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát hoạt động SXKD tại các đơn vị thành viên; nâng cao vai trò và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn của PETROCONs trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên.
- Quan tâm, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có lực lượng cán bộ, công nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của PETROCONs.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT PETROCONs tổng kết hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Thay mặt HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ, tín nhiệm của toàn thể Quý vị Cổ đông trong thời gian qua. Chúng tôi mong muốn các Quý Cổ đông sẽ đóng góp ý kiến thiết thực giúp HĐQT PETROCONs nhiệm kỳ tới hoạt động ngày càng tốt hơn và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của PETROCONs.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT; BKS; Ban TGD (e-copy);
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nghiêm Quang Huy

Phụ lục
CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	16/NQ-XLTK	07/02/2023	Nghị quyết v.v Chấp thuận để Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại PVC-IC thực hiện việc cơ cấu, sắp xếp Phòng/Ban của đơn vị	5/5
2	33/NQ-XLTK	24/02/2023	Nghị quyết v/v chấp thuận để Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại PVC-MS thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại Phòng chức năng, Đơn vị trực thuộc	5/5
3	38/NQ-XLTK	16/3/2023	Nghị quyết về việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5/5
4	39/NQ-XLTK	21/3/2023	Nghị quyết về việc sửa đổi bảo lãnh đảm bảo hoàn công nợ (lần 2) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông	5/5
5	56/NQ-XLTK	06/4/2023	Nghị Quyết v.v Công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí	5/5
6	58/NQ-XLTK	10/4/2023	Nghị quyết về việc Thông qua kế hoạch tổ chức và nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5/5
7	70/NQ-XLTK	17/4/2023	Nghị Quyết v.v Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	5/5
8	82/NQ-XLTK	21/4/2023	Nghị Quyết v.v Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	5/5

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
9	88/NQ-XLKD	24/4/2023	Nghị Quyết v.v Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PETROCONS-Đông Đô)	5/5
10	89/NQ-XLKD	24/4/2023	Nghị Quyết v.v Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	5/5
11	90/NQ-XLKD	25/4/2023	Nghị Quyết v.v Chấp thuận giới thiệu thay đổi nhân sự Thành viên độc lập Hội đồng quản trị PVC-MS	5/5
12	92/NQ-XLKD	25/4/2023	Nghị Quyết v.v kiện toàn công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại Công ty CP Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	1.4/4 2.5/5
13	97/NQ-XLKD	25/4/2023	Nghị Quyết v.v Chấp thuận kiện toàn nhân sự Người đại diện phần vốn của PETROCONS, Thành viên Hội đồng Quản trị DOBC từ nguồn tại chỗ	5/5
14	106/NQ-XLKD	05/5/2023	Nghị Quyết v.v Điều chỉnh điều kiện của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/2084729/HĐTD giữa Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Đông	5/5
15	114/NQ-XLKD	11/5/2023	Nghị Quyết v.v Chấp thuận công tác cán bộ tại Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	5/5
16	123/NQ-XLKD	26/5/2023	Nghị Quyết v.v Giới thiệu nhân sự làm Thành viên Ban kiểm soát và giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát PVC-HN	5/5
17	125/NQ-XLKD	26/5/2023	Nghị quyết v/v thay đổi công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại Công ty CP Đầu tư	5/5

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	
18	146/NQ-XLKD	06/6/2023	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	ĐH thông qua
19	159/NQ-XLKD	14/6/2023	Nghị quyết về việc giới thiệu thay đổi công tác cán bộ/ Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại PVC-ME và PVC-ID	5/5
20	168/NQ-XLKD	16/6/2023	Nghị Quyết v/v Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC - Bình Sơn)	5/5
21	183/NQ-XLKD	26/6/2023	Nghị quyết về việc nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	5/5
22	184/NQ-XLKD	27/6/2023	Nghị quyết Về việc: Sửa đổi bảo lãnh bảo đảm hoàn công nợ (lần 3) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Đông	5/5
23	187/NQ-XLKD	28/6/2023	Nghị quyết Về việc thay đổi công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại PVC-Mekong	5/5
24	191/NQ-XLKD	29/6/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận công tác cán bộ tại PVC-Bình Sơn	5/5
25	199/NQ-XLKD	20/7/2023	Nghị quyết v/v giới thiệu nhân sự giữ chức giám đốc PVC-HN	5/5
26	203/NQ-XLKD	01/8/2023	Nghị quyết về việc thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Nguyễn Trung Trí	5/5
27	205/NQ-XLKD	01/8/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận để Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại PVC Duyên Hải thực hiện bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty	5/5

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
28	209/NQ-XLKD	21/8/2023	Nghị quyết v/v thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4/5
29	214/NQ-XLKD	30/8/2023	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5/5
30	218/NQ-XLKD	07/9/2023	Nghị quyết v/v giới thiệu/thông qua nhân sự tham gia Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát PVC-ME	5/5
31	225/NQ-XLKD	15/9/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận tiếp nhận và bổ nhiệm Trưởng Ban Kỹ thuật - An toàn Tổng công ty	5/5
32	232/NQ-XLKD	02/10/2023	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	ĐH thông qua
33	234/NQ-XLKD	02/10/2023	Nghị quyết v/v Chấp thuận bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Phạm Trung Kiên	5/5
34	236/NQ-XLKD	4/10/2023	Nghị quyết v/v Chấp thuận để Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí (PVC-ID) biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung nhân sự Thành viên Ban kiểm soát Công ty	5/5
35	243/NQ-XLKD	25/10/2023	Nghị quyết Về việc chấp thuận bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Tổng công ty ông Nguyễn Văn Đồng	5/5
36	250/NQ-XLKD	6/11/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Hoàng Quyết Thắng	5/5
37	252/NQ-XLKD	22/11/2023	Nghị quyết v/v Chấp thuận bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Bùi Sơn Trường	5/5

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
38	254/NQ-XLKD	22/11/2023	Nghị quyết v/v Giới thiệu thay đổi nhân giữ chức Chủ tịch HĐQT PVC-MS	5/5
39	258/NQ-XLKD	30/11/2023	Nghị quyết v/v thay đổi Người đại diện phần vốn và giới thiệu thay đổi nhân sự giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị PVC Thái Bình	5/5
40	262/NQ-XLKD	05/12/2023	Nghị quyết v/v cử Người đại diện phần vốn của PETROCONs và giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát PVC-SG	5/5
41	266/NQ-XLKD	06/12/2023	Nghị quyết v/v Thay đổi nhân sự giữ chức Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	4/5
42	272/NQ-XLKD	28/12/2023	Nghị Quyết v/v Chấp thuận công tác cán bộ Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4/4
II	Quyết định			
1	02/QĐ-XLKD	05/01/2023	Quyết định v.v Phê duyệt và ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5/5
2	03/QĐ-XLKD	06/01/2023	Quyết định v.v Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty PETROCONs	5/5
3	9/QĐ-XLKD	16/01/2023	Quyết định v.v Phê duyệt và ban hành Quy chế đào tạo của Công ty mẹ Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5/5
4	31/QĐ-XLKD	22/02/2023	Quyết định v.v Chấp thuận cử ông Phan Tử Giang - Tổng Giám đốc Tổng công ty đi công tác nước ngoài	5/5
5	35/QĐ-XLKD	28/02/2023	Quyết định về việc tạm chấp thuận kế hoạch chi phí quản lý năm 2023 của Công ty mẹ Tổng công ty và dự toán chi phí quản lý năm 2023 của Cơ quan Tổng công ty	4/5

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	47/QĐ-XLKD	28/3/2023	Quyết định v.v Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5/5
7	67/QĐ-XLKD	14/4/2023	Quyết định về việc Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Cơ quan Tổng công ty	5/5
8	68/QĐ-XLKD	14/4/2023	Quyết định về việc phê duyệt Phương án định biên lao động tại cơ quan Tổng công ty năm 2023	5/5
9	71/QĐ-XLKD	17/4/2023	Quyết định v.v Phê duyệt điều chỉnh nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5/5
10	93/QĐ-XLKD	25/4/2023	Quyết định v.v Giao quản lý phần vốn góp của PETROCONS cho Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	4/4
11	98/QĐ-XLKD	25/4/2023	Quyết định v.v Giao quản lý phần vốn góp của PETROCONS cho Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	5/5
12	126/QĐ-XLKD	26/5/2023	Quyết định v/v giao quản lý phần vốn góp của PETROCONS cho Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	5/5
13	147/QĐ-XLKD	07/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý vật tư máy móc thiết bị của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5/5
14	150/QĐ-XLKD	08/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Ban điều hành dự án Vũng áng - Quảng Trạch	5/5
15	151/QĐ-XLKD	08/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Ban	5/5

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			điều hành dự án Nhà máy sản xuất Ethanol	
16	152/QĐ-XLKD	08/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Ban điều hành dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester	5/5
17	153/QĐ-XLKD	09/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Ban điều hành các dự án PVC tại Phía Nam	5/5
18	160/QĐ-XLKD	14/6/2023	Quyết định về việc giao quản lý phần vốn góp của PETROCONs cho Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí (PVC-ID)	5/5
19	161/QĐ-XLKD	14/6/2023	Quyết định về việc thay đổi Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	5/5
20	166/QĐ-XLKD	15/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Ban điều hành dự án NMNĐ Thái Bình 2	5/5
21	172/QĐ-XLKD	20/6/2023	Quyết định về việc Phê duyệt kết quả đánh giá mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ Người đại diện của PETROCONs tại Doanh nghiệp khác năm 2022	5/5
22	176/QĐ-XLKD	22/6/2023	Quyết định v/v Áp dụng mức thù lao đối với Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam	5/5
23	182/QĐ-XLKD	23/6/2023	Quyết định V/v: Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2023	5/5
24	188/QĐ-XLKD	28/6/2023	Quyết định Về việc giao quản lý phần vốn góp của PETROCONs cho	5/5

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Người đại diện phần vốn tại PVC-Mekong	
25	204/QĐ-XLKD	01/8/2023	Quyết định về việc thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	5/5
26	207/QĐ-XLKD	07/8/2023	Quyết định phê duyệt kế hoạch chi phí quản lý năm 2023 của Công ty mẹ Tổng công ty và dự toán chi phí quản lý năm 2023 của Cơ quan Tổng công ty	5/5
27	235/QĐ-XLKD	2/10/2023	Quyết định v/v Chấp thuận bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Phạm Trung Kiên	5/5
28	240/QĐ-XLKD	06/10/2023	Quyết định v/v sửa đổi và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty PETROCONs	5/5
29	241/QĐ-XLKD	06/10/2023	Quyết định v/v phê duyệt và ban hành "Sổ tay văn hóa PETROCONs"	5/5
30	242/QĐ-XLKD	10/10/2023	Quyết định về việc cử cán bộ tham gia lớp Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 2 khóa 121 năm 2023	5/5
31	244/QĐ-XLKD	25/10/2023	Quyết định Về việc chấp thuận bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Tổng công ty ông Nguyễn Văn Đồng	5/5
32	251/QĐ-XLKD	06/11/2023	Quyết định về việc chấp thuận thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Hoàng Quyết Thắng	5/5
33	253/QĐ-XLKD	22/11/2023	Quyết định v/v Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Bùi Sơn Trường	5/5
34	255/QĐ-XLKD	22/11/2023	Quyết định v/v Phân bổ lại nguồn vốn của NĐDPV của Tổng công ty tại PVC-MS	5/5
35	259/QĐ-XLKD	30/11/2023	Quyết định v/v Giao quản lý phần vốn góp của PETROCONs cho	5/5

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Người đại diện phần vốn tại PVC Thái Bình	
36	263/QĐ-XLKD	05/12/2023	Quyết định v/v Cử Người đại diện quản lý phần vốn của PETROCONs tại PVC-SG	5/5
37	273/QĐ-XLKD	28/12/2023	Quyết định v/v Thôi giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam đối với ông Phan Tử Giang	4/4
38	274/QĐ-XLKD	28/12/2023	Quyết định v/v Tiếp nhận và bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam đối với ông Trần Quốc Hoàn	4/4

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

**BÁO CÁO
CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
(PETROCONS/Tổng công ty)

Tôi tên là Phạm Văn Khánh, sinh ngày 03/02/1960, trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành địa chất công trình, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Tiến sỹ Kinh tế.

Tôi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của PETROCONS ngày 24/6/2020 bầu làm Thành viên độc lập HĐQT (HĐQT) nhiệm kỳ 2020-2025.

Thực hiện nhiệm vụ Thành viên độc lập HĐQT PETROCONS, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT PETROCONS và các công việc tôi đã thực hiện từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023, cụ thể như sau:

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT PETROCONS

- HĐQT PETROCONS hoạt động/làm việc theo: i) Điều lệ PETROCONS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; ii) Quy chế nội bộ về quản trị PETROCONS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; iii) Quy chế hoạt động của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; iv) các quy định nội bộ PETROCONS và các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Nguyên tắc làm việc của HĐQT: i) HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; ii) Các thành viên HĐQT tự chịu trách nhiệm về phần việc được giao của mình, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về mọi Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong hoạt động quản lý Tổng công ty; iii) HĐQT phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của PETROCONS.
- HĐQT thực hiện phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các Quy chế/Quy định nội bộ PETROCONS. Các Tờ trình/văn bản của Tổng giám đốc trình HĐQT phê duyệt được thực hiện xin ý kiến từng Thành viên Hội đồng quản trị tại Phiếu lấy ý kiến hoặc trao đổi/thảo luận tại cuộc họp HĐQT.
- Cuộc họp HĐQT được tổ chức định kỳ theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị, HĐQT tổ chức các cuộc họp bất thường theo tính chất công việc cần xử lý/phê duyệt. Ngoài ra, HĐQT đã cùng Tổng giám đốc tổ chức các cuộc họp giao ban

hàng tháng với các Ban/Phòng chuyên môn, các đơn vị thành viên, cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện tại các Dự án NMNĐ Thái Bình 2, kiểm điểm công tác tái cơ cấu, thu hồi công nợ, các cuộc họp với các đối tác/hợp tác. Bên cạnh đó, HĐQT cử các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc, hiện tại, Tổng công ty có 01 Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Tổng công ty.
- HĐQT chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát PETROCONs, các Nghị quyết/Quyết định/Văn bản của HĐQT đều được gửi Ban Kiểm soát.
- Đến thời điểm 31/12/2023, HĐQT PETROCONs có 05 thành viên, trong đó 01 thành viên độc lập HĐQT, đầy đủ số lượng và cơ cấu theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty.
- Trong năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONs tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn do các tồn tại từ giai đoạn các năm trước để lại, thiếu vốn để thực hiện các dự án trọng điểm, khó khăn trong việc tiếp thị, tìm kiếm công việc/dự án mới. Tổng công ty đã hoàn thành xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Chủ đầu tư đã khánh thành Nhà máy vào ngày 27/4/2023.

2. Báo cáo các công việc tôi đã thực hiện trong năm 2023

- Về chế độ làm việc:
 - + Tôi làm việc theo chế độ không thường xuyên tại trụ sở PETROCONs hoặc đi công tác theo sự phân công nhiệm vụ của HĐQT.
 - + Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và trả đầy đủ ý kiến tại các Phiếu lấy ý kiến.
- Về chế độ thù lao: Đến thời điểm hiện tại, PETROCONs thanh toán đầy đủ thù lao của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng chế độ thù lao hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Trong năm vừa qua tôi đã cố gắng thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình, thực hiện đầy đủ vai trò và nhiệm vụ của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONs.
- Theo phân công nhiệm vụ của HĐQT thì ngoài việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chung của Thành viên HĐQT, tôi còn được giao phụ trách trực tiếp các lĩnh vực sau:
 - + Giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Tổng công ty trên cơ sở các báo cáo định kỳ/đột xuất của Tổng giám đốc trình HĐQT;
 - + Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT;
 - + Theo dõi, giám sát lĩnh vực công tác đơn giá, định mức, kinh tế;

Trên đây là báo cáo của Thành viên Độc lập HĐQT Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Kính báo cáo Đại hội!

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT PETROCONs (báo cáo).

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Phạm Văn Khánh

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2023 tiếp tục là một năm đầy thách thức trở ngại đối với việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/Tổng công ty). Toàn bộ hệ thống bao gồm Công ty mẹ và các đơn vị thành viên phải đối mặt với ảnh hưởng từ tình hình thế giới, kinh tế trong nước nói chung và hoạt động đầu tư xây dựng nói riêng, cụ thể:

- Trên thế giới, những bất ổn địa chính trị như xung đột Nga-Ukraine leo thang, cuộc khủng hoảng toàn diện tại Dải Gaza đã gây biến động về thị trường tài chính, gia tăng giá hàng hóa toàn cầu như năng lượng, lương thực,... tác động tiêu cực đến kinh tế thế giới. Kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn khi tỷ lệ lạm phát cao, cản trở đà phục hồi tăng trưởng hậu Covid-19 ở hầu hết các nước.
- Việt Nam là một nền kinh tế có độ mở cao, bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều bất ổn đã có tác động tiêu cực nhất định, cả trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động xuất, nhập khẩu, đầu tư,... Trên thực tế, xây dựng vẫn là ngành gặp khó khăn nhất trong năm vừa qua. Thị trường bất động sản gần như “đóng băng”, chi phí nhân công, sự cạnh tranh gay gắt trong tìm kiếm việc làm, vật liệu đầu vào tiếp tục tăng, trong khi các hợp đồng đã ký với chủ đầu tư trước đó đều có đơn giá cố định, khiến hiệu quả kinh tế các dự án sụt giảm, các doanh nghiệp ngành xây dựng gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Những tác động nêu trên đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động SXKD năm 2023 của PETROCONS, bên cạnh đó PETROCONS phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt đến từ các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực cũng đã tác động nặng nề đến công tác tìm kiếm nguồn việc mới của PETROCONS; Chi phí tài chính của nhiều đơn vị tăng do các Ngân hàng/tổ chức tín dụng điều chỉnh tăng lãi suất cho vay, nguồn lực tài chính không thể trả nợ các khoản nợ vay nên tiếp tục chịu lãi

vay, lãi phạt quá hạn; Tại các công trình/dự án Tổng công ty đã và đang thi công, Tổng thầu/Chủ đầu tư phải đối mặt khó khăn từ công tác thu xếp vốn cũng ảnh hưởng đến quá trình thu hồi vốn của Tổng công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 146/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 06/6/2023, toàn tổ hợp PETROCONS đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ SXKD với kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ hoàn thành KH (%)	Tỷ lệ 2023/2022 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.494,59	1.500,00	912,38	61%	61%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>956,30</i>	<i>770,00</i>	<i>441,36</i>	<i>57%</i>	<i>46%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.821,56	1.886,00	1.237,96	66%	68%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.287,53</i>	<i>1.230,00</i>	<i>765,74</i>	<i>62%</i>	<i>59%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,70	-	(267,12)	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>53,00</i>	-	<i>(162,65)</i>	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,93	-	(265,22)	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>52,30</i>	-	<i>(162,65)</i>	-	-
5	Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	57,20	72,00	41,05	57%	72%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>33,12</i>	<i>26,00</i>	<i>10,67</i>	<i>41%</i>	<i>32%</i>
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,86	11,14	10,58	95%	97%
	<i>Công ty mẹ</i>		<i>15,95</i>	<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	<i>100%</i>	<i>83%</i>

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 912,38 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch năm 2023 và bằng 61% so với năm 2022; Riêng Công ty mẹ thực hiện 441,36 tỷ đồng, đạt 57% kế hoạch năm 2023 và bằng 46% so với năm 2022.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 1.237,96 tỷ đồng, đạt 66% kế hoạch năm 2023 và bằng 68% so với năm 2022; Riêng Công ty mẹ thực hiện 765,74 tỷ đồng, đạt 62% kế hoạch năm 2023 và bằng 59% so với năm 2022.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lỗ 267,12 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lỗ 265,22 tỷ đồng. Công ty mẹ lỗ 162,65 tỷ đồng, chủ yếu từ chi phí trích lập dự phòng đầu tư tài chính 131,85 tỷ đồng, chi phí quản lý Công ty mẹ 50,52 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONs tại thời điểm 31/12/2023 là 307,40 tỷ đồng, giảm 35% so với thời điểm đầu năm.
- Lỗ lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2022 là 3.770,05 tỷ đồng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC KHÁC

1. Công tác thi công các công trình/dự án trọng điểm

Tình hình triển khai thi công tại một số công trình/dự án trọng điểm của PETROCONs cụ thể như sau:

➤ Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:

Trong năm 2023, đã hoàn thành chạy thử và bàn giao cho Chủ đầu tư tổ chức khánh thành nhà máy vào ngày 27/4/2023 và đưa vào sử dụng 2 tổ máy dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Hiện PETROCONs vẫn tiếp tục thực hiện các hạng mục phụ trợ còn lại tại dự án, xử lý các tồn đọng (punchlist) phát sinh trong quá trình chạy thử/vận hành. Rà soát, đơn đốc nhà thầu hoàn thiện hồ sơ hai tổ máy với Chủ đầu tư phục vụ bàn giao nhà máy.

➤ Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1:

+ Hợp đồng về việc Thi công xử lý nền: Đã hoàn thành công tác thi công, phê duyệt đơn giá chính thức và bảo hành hạng mục công trình. Hiện chờ Tổng thầu Lilama hoàn thành công tác quyết toán hợp đồng EPC với Chủ đầu tư sau đó sẽ quyết toán Hợp đồng.

+ Hợp đồng C15/SH1-LLM-PVC về việc Thi công các hạng mục xây dựng: Đã hoàn thành công tác thi công và hồ sơ chất lượng, PETROCONs đã phối hợp với Lilama làm việc với Chủ đầu tư thống nhất khối lượng quyết toán hạng mục Hệ thống cảng, các hạng mục còn lại chờ báo cáo phê duyệt dự toán của Chủ đầu tư để thực hiện (*Đơn vị tư vấn thẩm tra đang thẩm tra dự toán hạng mục Kho than và các hạng mục xây dựng trong khu vực Nhà máy chính. Hiện nay, nhân sự của Chủ đầu tư thay đổi nhiều và thiếu người nên tiến độ thực hiện công việc kéo dài*).

➤ Dự án Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam:

- *Giai đoạn 1:* Chủ đầu tư đã ký hồ sơ quyết toán, hiện đang chờ phê duyệt quyết toán cho cả dự án bao gồm giai đoạn 1 và giai đoạn 2.
- *Giai đoạn 2:* Trong năm 2023 đã hoàn thành công tác sửa chữa và được Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành sửa chữa và bảo hành công trình ngày 25/10/2023. Hiện các bên đang trong quá trình hòa giải, thống nhất về phương pháp tính giá trị phạt chậm tiến độ hợp đồng, giá trị hỗ trợ do thanh toán chậm.

2. Công tác tái cơ cấu

2.1. Công tác tái cơ cấu công ty mẹ

PETROCONs đã thực hiện các nội dung tái cấu trúc Công ty mẹ cụ thể như sau:

- Hoàn thành xây dựng và thực hiện công tác định biên nhân sự Cơ quan Công ty mẹ năm 2023;
- Chuyển chức năng, nhiệm vụ công tác xử lý và thu hồi công nợ thuộc phòng Pháp chế - Thu hồi công nợ sang Ban Tài chính Kế toán - Kiểm toán; Phê duyệt chức năng, nhiệm vụ của Phòng pháp chế theo hướng chuyên trách thực hiện công tác pháp chế doanh nghiệp của Tổng công ty;
- Kiện toàn mô hình tổ chức các Phòng thuộc Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (từ 08 phòng thành 03 phòng);
- Hoàn thành Phương án sắp xếp lao động của Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

2.2. Công tác sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên

Thực hiện kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 đã được ĐHCĐ thông qua, trong năm 2023 PETROCONs đã triển khai các công việc cụ thể như sau:

- Kiện toàn công tác Người đại diện vốn của PETROCONs tại các đơn vị còn yếu kém nhằm củng cố và nâng cao hiệu quả công tác quản trị tại các đơn vị.
- Giao nhiệm vụ cho NĐDPV của Tổng công ty tại PVC-MS và DOBC triển khai kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở đánh giá thực trạng, phương án tái cơ cấu đã xây dựng nhằm đảm bảo các mục tiêu là đơn vị nòng cốt của PETROCONs.
- Triển khai phương án tái cơ cấu/phục hồi hoạt động SXKD của các đơn vị:
 - + Tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường tại các đơn vị PVC-HN, PVC-ME, PVC-ID, PVC-SG thực hiện kiện toàn nhân sự đối với các chức danh chủ chốt tại đơn vị
 - + Khôi phục hoạt động Khách sạn Lam Kinh: từng bước khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua công tác sửa chữa, duy tu lại các hạng mục của khách sạn và đưa khách sạn hoạt động trở lại.
 - + Hỗ trợ PVC-Duyên Hải tháo gỡ một số vướng mắc và thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên khu đất số 441 đường Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Tp. Hải Phòng nhằm hoàn thiện tính pháp lý của tài sản. Hiện PVC-Duyên Hải đã chuyển hồ sơ tài liệu cho Sở TNMT-Tp Hải Phòng chờ ý kiến phản hồi.

3. Công tác hợp đồng kinh tế, tài chính, kế toán và kiểm toán

3.1. Công tác tiếp thị đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế:

- ❖ *Công tác ký kết các dự án/hợp đồng:*

Trong năm 2023, PETROCONs đã liên danh với VCAPITAL ký được 01 hợp đồng với Chủ đầu tư là Tổng công ty Phát điện 1 với giá trị hợp đồng 106 tỷ trong đó phạm vi công việc của PETROCONs là 6,6 tỷ đồng tại hạng mục Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy 7- NMNĐ Uông Bí, dự kiến triển khai phần việc của PETROCONs trong quý III/2024. Hiện tại, PETROCONs chủ yếu tổ chức triển khai các công việc còn lại từ các hợp đồng chuyển tiếp từ các năm trước, bám sát, đôn đốc các Chủ đầu tư, Tổng thầu để hoàn thành quyết toán các hợp đồng đã thi công xong đang còn vướng mắc.

Tại các đơn vị thành viên trong năm 2023 đã ký được một số hợp đồng mới bổ sung nguồn việc bao gồm: PVC-MS ký mới 17 hợp đồng với tổng giá trị 537,9 tỷ đồng (trong đó có 2 dự án lớn là Topside Đại Hùng 2 giá trị 129,4 tỷ đồng và Cung cấp dịch vụ chế tạo chân đế điện gió Osterd giá trị 291,4 tỷ đồng); DOBC ký mới 7 hợp đồng với tổng giá trị 26,86 tỷ đồng; PVC-Bình Sơn ký mới 3 hợp đồng với tổng giá trị 19,84 tỷ đồng; PETROCONs- Mekong ký mới 2 hợp đồng với tổng giá trị 19,72 tỷ đồng; PVC-Duyên Hải ký mới 2 hợp đồng với tổng giá trị 23,85 tỷ đồng và PVC-TH ký mới 2 hợp đồng với tổng giá trị 8,6 tỷ đồng.

❖ *Công tác tiếp thị đấu thầu:*

PETROCONs tiếp tục theo dõi và tiếp cận/ phát triển nguồn việc từ các công trình/dự án: Khu nhà ở CBCNV vận hành NMNĐ Thái Bình 2; Khu nhà ở CBCNV vận hành Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1; gói thầu Khu nhà ở cho Cán bộ Công nhân viên Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau-LC; Cung cấp và lắp đặt biển tần điều khiển các quạt khói tổ máy S2; Gói thầu EPC số 10 (HH01-OM4): Thiết kế, cung cấp thiết bị và xây dựng nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV; Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1; Dự án Mở rộng mái che kho than NMNĐ Vĩnh Tân 4; Thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình (EPC) – Dự án Xây dựng mở rộng trung tâm dữ liệu và dịch vụ bang rộng tại KCN Nam Thăng Long, Hà Nội; Thay thế hệ thống DCS Nhà máy thủy điện Bắc Bình, dự án LPG Yên Hưng;....

Ngoài ra, PETROCONs thường xuyên bám sát, làm việc với các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đang chuẩn bị đấu thầu, đồng thời tìm kiếm lựa chọn những đối tác có tiềm năng có thể hợp tác cho các dự án trong tương lai.

Tuy nhiên, do nhiều Chủ đầu tư khó khăn trong việc thu xếp vốn, vướng mắc về thủ tục hành chính pháp lý đã dừng/giãn tiến độ thực hiện các dự án, bên cạnh đó năng lực của PETROCONs còn nhiều hạn chế nên công tác tiếp thị đấu thầu trong năm 2023 của PETROCONs còn hạn chế.

3.2. Công tác tài chính, kế toán, kiểm toán:

- Hoàn thành phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Cơ quan Tổng công ty và các Ban ĐHDA thuộc Công ty mẹ, về cơ bản chi phí quản lý bám sát dự toán đã được phê duyệt. Phê duyệt kế hoạch CPQL năm 2023 của Công ty mẹ Tổng công ty.

- Cân đối dòng tiền, thu xếp vốn các dự án và các khoản chi thường xuyên. Cân đối nguồn, thực hiện các thủ tục gia hạn/ phát hành bảo lãnh tại các tổ chức tín dụng cho Ban ĐHDA Thái Bình 2 thực hiện công việc trên công trường.
- Trong năm 2023, PETROCONs và các đơn vị thành viên đã trả một phần nợ gốc vay ủy thác cho PVN với số tiền 3,55 tỷ đồng. Dư nợ gốc ủy thác tại thời điểm 31/12/2023 là 575,6 tỷ đồng trong đó PETROCONs phải thu các đơn vị: 344,6 tỷ đồng (bao gồm: Khách sạn Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 128,3 tỷ đồng; PVNC: 16,3 tỷ đồng); khoản PETROCONs sử dụng: 230,99 tỷ đồng. Lãi vay PETROCONs còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đến thời điểm 31/12/2023 là 162,5 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn chưa thanh toán: 90 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả gốc, phạt lãi: 72,5 tỷ đồng. Hiện PETROCONs vẫn đang tiếp tục kiến nghị PVN trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận miễn giảm các khoản chi phí lãi vay trong hạn/quá hạn này.
- Đến hết năm 2023, PETROCONs còn các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn 155,04 tỷ đồng (trong đó, PVC-HN: 73,67 tỷ đồng; PVC-ME: 64,27 tỷ đồng; PVC-SG: 17,10 tỷ đồng). Các khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PETROCONs đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả đến thời điểm hiện tại là: 137,94 tỷ đồng. Trong năm 2023 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh.
- Tổng công nợ phải thu Công ty Mẹ PETROCONs tại 31/12/2023 là 2.668,57 tỷ đồng, lũy kế trích lập dự phòng 925,89 tỷ đồng. Số trích lập dự phòng thời điểm cuối năm 2023 đã giảm 1,62 tỷ so với đầu năm. Trong năm 2023 Tổng công ty đã xử lý thu hồi được tổng số tiền 11,766 tỷ đồng, cụ thể: PVC-HN (0,214 tỷ đồng), PVNC (10,468 tỷ đồng thông qua thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 và bù trừ tiền mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2), PETROCONs-Đông Đô (1,083 tỷ đồng).

4. Công tác đầu tư

4.1. Đầu tư tài chính

- Năm 2023, PETROCONs không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty mẹ PETROCONs có vốn góp tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.326,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735,45 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (07 đơn vị) 206,20 tỷ đồng.
- Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2023 là 1.797,36 tỷ đồng bằng 77% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONs. Tổng giá trị trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong năm 2023 là 131,85 tỷ đồng.

4.2. Đầu tư bất động sản, Xây dựng cơ bản, hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị

- Năm 2023, Công ty mẹ PETROCONs và các Công ty con không thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị.

5. Công tác thoái/ thu hồi vốn/ quản lý tài sản, các dự án của Công ty mẹ:

- *Công tác chuyển giao dự án Soài Rạp – Tiền Giang:* PETROCONs tiếp tục nghiên cứu các quy định của pháp luật về đấu thầu dự án nhằm xúc tiến tìm kiếm đối tác phù hợp tham gia cùng với PETROCONs để đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyền lợi của PETROCONs/PVN liên quan đến phương án thu hồi vốn/hoặc tiếp tục đầu tư tại dự án.

Liên quan đến công tác phục vụ thanh tra, PETROCONs đã báo cáo gửi Thanh tra tỉnh Tiền Giang về việc Giải trình các nội dung dự thảo kết luận thanh tra chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai tại KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang, việc thu hồi đất và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của PETROCONs. Đến nay, Thanh tra tỉnh Tiền Giang vẫn chưa có ý kiến chính thức về kết luận thanh tra dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang. Ngày 24/3/2024, Thủ Tướng Chính phủ đã chủ trì hội nghị xúc tiến đầu tư tại tỉnh Tiền Giang. Tại cuộc họp, Thủ tướng Chính phủ đã giao Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tổ chức họp với các Bộ/ngành để xử lý các vấn đề liên quan đến dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên hoàn thành trong quý II/2024. Trên cơ sở chỉ đạo của TTCP, PETROCONs đang xây dựng phương án xử lý dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang để thu hồi vốn đã đầu tư.

- *Dự án Xưởng cơ khí Miền Trung:* PETROCONs đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty Thái Thành để khai thác 5.000m² mặt bằng hạ tầng. Hiện PETROCONs đang xây dựng phương án sửa chữa cải tạo Xưởng gia công kết cấu thép và san gạt mặt bằng ngoài phạm vi Công ty Thái Thành thuê. Hình thức thực hiện dự kiến sẽ giao cho PVC-Bình Sơn khảo sát lập dự toán và tạm ứng chi phí để thực hiện, khai thác Xưởng cơ khí Miền Trung sau khi hết thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Thái Thành.
- *Khu đất tại Chùa Hà:* Ngày 11/7/2023, Sở TNMT đã ký xác nhận vào bản đồ vẽ hiện trạng. Hiện PETROCONs đang thực hiện các thủ tục xin chỉ giới đường đỏ và thông tin quy hoạch tổng thể để phục vụ cho việc làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất.
- *Đối với khu đất 3.400m² tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc:* Theo bản án hình sự phúc thẩm số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 của TAND cấp cao thành phố Hà Nội và Quyết định số 905/QĐ-CTHADS ngày 01/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; trong đó Công ty Mai Phương phải trả lại cho PETROCONs quyền sử dụng 3.400m² đất tại thửa đất số 6, bản đồ số 20 tại Thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, số BE 416871, số

vào sổ cấp giấy chứng nhận CT03371 ngày 31/8/2011 cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương.

PETROCONs đang làm việc với TAND cấp cao và Cục THADS Tp. Hà Nội nhằm yêu cầu thực hiện bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất nói trên và có biện pháp để Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương thực hiện thi hành án. Hiện Công ty Mai Phương đã có văn bản đề nghị PETROCONs nghiên cứu và đưa ra phương án hợp lý để Công ty Mai Phương có thể nhận chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất 3.400m² từ PETROCONs.

- *Thanh lý tài sản là máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng*: Thực hiện Quyết định số 336/QĐ-XLTK ngày 13/10/2022 của HĐQT về việc Phê duyệt Kế hoạch thanh lý tài sản là máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng của PETROCONs. Công ty đấu giá Hợp danh Lam Sơn Sài Gòn (LSA) là đơn vị tổ chức thực hiện công tác đấu giá tài sản. LSA đã thực hiện 05 phiên đấu giá tài sản trong đó có 03 phiên đấu giá không thành do không có khách hàng quan tâm do vậy hiện PETROCONs đang tạm dừng công tác đấu giá để xem xét phương án xử lý phù hợp.

6. Công tác khác

- Hoàn thành đánh giá chính thức mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ Người đại diện của PETROCONs tại doanh nghiệp khác năm 2022; Kiện toàn Người đại diện phần vốn tại các đơn vị thành viên, đảm bảo phù hợp với tình hình SXKD của các đơn vị.
- Phối hợp với đơn vị tư vấn luật, toà án, các đơn vị liên quan tham gia tranh tụng đối với các khiếu kiện, khiếu nại nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của PETROCONs cũng như khởi kiện đối với các đơn vị còn thiếu nợ PETROCONs.
- Thực hiện nâng cấp chuyển đổi phần mềm từ Eoffice sang phần mềm IDOC, thực hiện sử dụng chữ ký số giúp chuyển đổi từ giấy tờ sang số hóa giảm thiểu được thời gian xử lý công việc và tiết kiệm được chi phí văn phòng phẩm, góp phần vào công tác chuyển đổi văn phòng làm việc sang văn phòng số và công tác chuyển đổi số của PETROCONs. Hiện PETROCONs đang hợp tác với các đơn vị tư vấn hàng đầu (FPT Digital, Viettel Solutions) để xây dựng phương hướng, kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với đơn vị.
- Công tác ký kết hợp đồng lao động và giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động được thực hiện theo đúng quy định của PETROCONs và Pháp luật hiện hành. Tổng số CBCNV đến thời điểm 31/12/2023 của toàn Tổng công ty (bao gồm Công ty mẹ và 07 đơn vị chi phối) là 1.257 người, riêng lao động tại Công ty mẹ là 222 người. Thu nhập bình quân thực hiện năm 2023 toàn tổ hợp là 10,58 triệu đồng/người/tháng, bằng 95% kế hoạch và giảm 2,58% so với thu nhập bình quân năm 2022. Trong đó Công ty mẹ 13,25 triệu đồng/người/tháng (tương ứng

với mức lương theo HĐLĐ) bằng 100% kế hoạch và bằng 83% so với thực hiện năm 2022.

IV. NGUYÊN NHÂN, HẠN CHẾ

Hiện nay, PETROCONs và các đơn vị thành viên có những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động SXKD, như:

- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 được PETROCONs xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 trên cơ sở dự kiến tham gia, trúng thầu và thực hiện khởi công các dự án: Khu nhà ở CBCNV dự án NMNĐ Sông Hậu 1, Nhà máy Polypropylene Phú Mỹ, Nhà máy LPG Yên Hưng, công trình mở rộng một số hạng mục nhà máy Đạm Cà Mau. Tuy nhiên, do nhiều vướng mắc về tài chính, pháp lý của phía Chủ đầu tư, đến nay các dự án trên vẫn chưa thể triển khai đấu thầu và giãn thời hạn đấu thầu/ khởi công sang năm 2024. Do vậy, toàn bộ kế hoạch giá trị sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của PETROCONs tại các dự án nêu trên đều không thực hiện được trong năm 2023.
- Tình hình tài chính của PETROCONs và các đơn vị thành viên rất hạn chế, hầu hết các đơn vị đều thiếu vốn, khó khăn trong công tác huy động vốn do lỗ lũy kế lớn dẫn đến không có đủ kinh phí để triển khai các công việc thi công trên công trường/dự án, công tác thi công cầm chừng.
- Mặt khác với bức tranh tài chính hiện tại, hồ sơ năng lực/báo cáo tài chính không đáp ứng được yêu cầu của phần lớn các gói thầu mà PETROCONs và các đơn vị thành viên mong muốn tham gia dẫn đến khó khăn trong công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm nguồn việc mới;
- Lực lượng lao động kỹ thuật còn yếu và thiếu. Trong một thời gian dài PETROCONs không tham gia công tác tiếp thị đấu thầu mà chủ yếu được chỉ định thầu nên năng lực tiếp thị, đấu thầu kém, đặc biệt giá chào thầu không được cập nhật và thiếu cạnh tranh.
- Công tác quyết toán các hợp đồng giữa PETROCONs với Chủ đầu tư cũng như giữa PETROCONs với các nhà thầu phụ tại các dự án/công trình đã thi công xong còn rất chậm, gặp nhiều vướng mắc như chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt giá trị phát sinh (NMNĐ Vũng Áng 1, Trung tâm Điện lực Quảng Trạch), các nhà thầu phụ không hợp tác, thiếu nhân sự để phối hợp thực hiện quyết toán....
- Do ảnh hưởng từ biến động chính trị, kinh tế thế giới, nguồn nguyên vật liệu đầu vào như: sắt, thép, năng lượng... tăng cao, nhiều công trình chưa ký được phụ lục điều chỉnh giá hợp đồng dẫn đến các đơn vị triển khai thi công còn cầm chừng.
- Nhiều đơn vị thành viên của PETROCONs còn tồn đọng các khoản nợ vay từ các dự án bất động sản hiện rất khó khăn trong công tác tái cơ cấu các khoản vay, thoái vốn tài sản, hàng tháng phải chịu chi phí khấu hao, chi phí lãi vay rất lớn trong khi

hiệu quả khai thác thấp dẫn đến kết quả kinh doanh thua lỗ lớn. Công ty mẹ PETROCONS phải thực hiện trích lập giảm giá đầu tư tài chính tại các đơn vị.

- Công tác xử lý nợ, thu hồi các khoản công nợ đến hạn/ quá hạn của PETROCONS và các đơn vị còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PETROCONS hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PETROCONS.
- Công tác thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm. Trong quá trình thực hiện, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PETROCONS đều thua lỗ/có giá trị lỗ lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2024, PETROCONSs tiếp tục phải đối diện với các thách thức trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD, khó khăn về việc tìm kiếm nguồn công việc cũng như các rủi ro tiềm ẩn tiếp tục bộc lộ. Tổng Công ty PETROCONS đã xây dựng mục tiêu kế hoạch năm 2024 kính trình ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH	
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	1.500,00	912,38	61%	1.532,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>770,00</i>	<i>441,36</i>	<i>57%</i>	<i>884,00</i>
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.886,00	1.237,96	66%	1.704,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>1.230,00</i>	<i>765,74</i>	<i>62%</i>	<i>1.055,00</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-	(267,12)	-	3,70
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	-	<i>(162,65)</i>	-	<i>9,48</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-	(265,22)	-	3,70
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	-	<i>(162,65)</i>	-	<i>9,48</i>
5	Số phải nộp NSNN	tỷ đồng	72,00	41,05	57%	47,00

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH	
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	26,00	10,67	41%	14,00
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/người	11,14	10,58	95%	10,84
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>/tháng</i>	13,25	13,25	100%	13,25

Kế hoạch năm 2024 của Công ty mẹ PETROCONs được xây dựng trên cơ sở hoàn thành và nghiệm thu các công việc còn lại tại dự án NMNĐ Thái Bình, quyết toán hợp đồng C15- dự án NMNĐ Sông Hậu 1 và dự kiến thực hiện các công trình/ dự án hiện đang trong quá trình triển khai tiếp thị đấu thầu như: Khu nhà ở CBCNV NMNĐ Sông Hậu 1, Khu nhà ở CBCNV NMNĐ Thái Bình 2, NM Xử lý rác Yên Bình, NMNĐ Long Phú 1, NMNĐ Ô Môn 4, NMSX Oxy già, Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy số 7- NMNĐ Uông Bí 7, NMSX Polypropylene Phú Mỹ, dự án NMNĐ Quảng Trạch 1 và hoàn thành các nhiệm vụ về giải pháp tài chính, thu hồi công nợ. Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch đề ra như trên còn tiềm ẩn rủi ro trong trường hợp không trúng thầu các dự án kể trên.

Để phân đầu hoàn thành kế hoạch đề ra, PETROCONs đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2024, cụ thể:

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 và thực hiện các giải pháp khắc phục tồn tại, khó khăn đã đánh giá.
- Tiếp tục triển khai tái cấu trúc tổ hợp PETROCONs trên cơ sở Kế hoạch tái cơ cấu PETROCONs giai đoạn 2021-2025 đã được Đại hội đồng cổ đông PETROCONs thông qua tại Nghị quyết số 332/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 11/10/2022.
- Tập trung nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác quản lý tài chính, tiếp thị, đấu thầu. Hoàn thiện, bổ sung hồ sơ năng lực của PETROCONs theo quy định của Nhà nước để tham gia đấu thầu các công trình.
- Đẩy mạnh tìm kiếm thông tin, tiếp thị, đấu thầu cung cấp dịch vụ xây lắp các dự án trong ngành, mở rộng thị trường ngoài ngành. Tích cực làm việc chặt chẽ với các Chủ đầu tư dự án, các đối tác, chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng nhân lực vật lực để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực Tổng công ty. Phân đấu trong năm 2024 trúng thầu 4-6 dự án/ công trình lớn đảm bảo nguồn công việc cho PETROCONs trong năm 2024 và gói đầu cho các năm tiếp theo.
- Tập trung các điều kiện về nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công,... tại các công trình, dự án để có thể triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

- Thực hiện công tác quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2. Hoàn thành quyết toán các gói thầu đã thi công xong tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1. Tiếp tục rà soát, đánh giá, đàm phán với các nhà thầu phụ nhằm giảm công nợ phải trả của PETROCONs trong quá trình thực hiện quyết toán với nhà thầu tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 và NMNĐ Sông Hậu 1.
- Tập trung rà soát, đối chiếu, xử lý thu hồi công nợ của từng hợp đồng, dự án PETROCONs thực hiện theo đúng quy định. Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo,... nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Tiếp tục thu xếp nguồn và đôn đốc các đơn vị thu xếp nguồn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank. Thống nhất phương án xử lý các vướng mắc giữa PVCombank; PVC-Thanh Hóa và CTCP Khách sạn Lam Kinh, trên cơ sở thống nhất và đảm bảo quyền và lợi ích tối đa của các bên liên quan để thu hồi và trả khoản vay ủy thác của Tập đoàn liên quan đến khách sạn Lam Kinh.
- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại các đơn vị vay vốn ngân hàng được PETROCONs bảo lãnh làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết đối với các khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONs cho các đơn vị.
- Chủ động làm việc và thực hiện các yêu cầu của cấp thẩm quyền để nhanh chóng thu hồi chi phí đã đầu tư tại dự án Khu công nghiệp Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Tập trung củng cố, hoàn thiện công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Tập đoàn và PETROCONs. Tăng cường giám sát công tác quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh, quản lý hợp đồng, quản lý chi phí đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ hoạt động SXKD.
- Kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động SXKD của PETROCONs.
- Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PETROCONs nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của PETROCONs.
- Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát hoạt động SXKD tại các đơn vị thành viên; nâng cao vai trò và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn của PETROCONs trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên.
- Quan tâm, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có lực lượng cán bộ, công nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, đáp ứng nhiệm vụ SXKD của PETROCONs.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

1. Công tác tái cấu trúc

- Tiếp tục triển khai thực hiện phương án tái cấu trúc của PETROCONs đoạn 2021-2025, theo đó tập trung:
 - (i) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của 02 đơn vị nòng cốt là PVC-MS và DOBC;
 - (ii) Xây dựng phương án thoái phần vốn góp của PETROCONs cho từng đơn vị khi đủ điều kiện và đúng quy định của pháp luật đảm bảo theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch bảo toàn tối đa vốn đầu tư.
- Trong quá trình thực hiện, thường xuyên rà soát, đánh giá và trong trường hợp cần thiết đề xuất điều chỉnh phương án tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tình hình thực tế.
- Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thành viên đẩy mạnh và chú trọng triển khai công tác thoái vốn tại các dự án bất động sản nhằm tập trung nguồn lực cho hoạt động xây lắp tại các dự án.

2. Công tác triển khai tại các công trình/ dự án

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PETROCONs.
- Quyết liệt thực hiện công tác quyết toán tại các công trình/ dự án đã hoàn thành công tác thi công như: dự án NMNĐ Thái Bình 2, các gói thầu dự án NMNĐ Sông Hậu 1, dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình,...

3. Công tác tiếp thị đấu thầu

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác đấu thầu. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nguồn dữ liệu, trong đó bao gồm dữ liệu và hồ sơ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự, Hồ sơ năng lực nhân sự, hồ sơ máy móc thiết bị, dữ liệu về nhà cung cấp, định mức, đơn giá nội bộ của Tổng công ty,...
- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, đẩy mạnh thực hiện công tác tìm kiếm thông tin, tiếp cận thông tin các gói thầu trong ngành Dầu khí. Xác định rõ khả năng, vị trí của PETROCONs để tiếp cận các gói thầu phù hợp.

- Hợp tác với các Tổng công ty xây dựng có thế mạnh trong nước, đồng thời hợp tác với các đối tác nước ngoài tạo sự cộng hưởng và tăng năng lực thực hiện dự án của PETROCONs.

4. Công tác quản lý và khai thác tài sản

- Tích cực bám sát, làm việc với các Ban/ ngành, tỉnh Tiền Giang thống nhất và thu hồi chi phí đầu tư dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp cho PVN/PETROCONs.
- Thực hiện thẩm định giá khu đất Tam Đảo, xử lý nhận lại quyền sở hữu khu đất theo bản án và tìm kiếm đối tác chuyên nhượng/ hợp tác kinh doanh.
- Tìm kiếm đối tác phù hợp để hợp tác kinh doanh phần diện tích đất còn lại hoặc phương án khác nhằm khai thác/sử dụng có hiệu quả nhất đối với diện tích còn lại tại dự án Xưởng cơ khí Miền Trung.

5. Công tác tài chính kế toán

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của PETROCONs trong năm 2024. Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.
- Rà soát, đánh giá, đàm phán với các nhà thầu phụ nhằm giảm công nợ phải trả của PETROCONs trong quá trình thực hiện quyết toán với nhà thầu tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 và NMNĐ Sông Hậu 1.
- Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tiếp tục rà soát các khoản công nợ phải thu, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, thúc đẩy quyết toán các Hợp đồng tại dự án Nghi Sơn, dự án PVTex,.... Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2024 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Rà soát, đánh giá trách nhiệm của PETROCONs đối với các Thư bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị thành viên;
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.

6. Các công tác khác

- Tiếp tục phối hợp/tham gia với Cơ quan chức năng có thẩm quyền, các bên Tư vấn Luật trong quá trình tố tụng các vụ việc/vụ án tại các TAND các cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của PETROCONs.

- Tiến hành rà soát, đánh giá phân loại cán bộ để thực hiện kiện toàn công tác tổ chức, điều động, luân chuyển cán bộ tại Công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị thành viên phù hợp với tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và công tác tái cơ cấu Tổng công ty/ các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục xây dựng phương án đề xuất kiện toàn Người đại diện phần vốn và tiến hành kiện toàn Người đại diện tại các Đơn vị; Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát quá trình điều hành và thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại các Đơn vị.
- Thực hiện công tác quản lý, giám sát tình hình thực hiện về lao động, tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách của công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo quy định của Nhà nước và thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Tăng cường thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao; Đào tạo chuyên sâu định hướng chuyên gia cho đội ngũ cán bộ làm công tác thiết kế, thi công công trình trong việc áp dụng công nghệ tiên tiến vào việc thực hiện các dự án; Duy trì và tăng cường đào tạo nội bộ tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT TCT;
- Ban Kiểm soát TCT;
- Ban TGĐ TCT;
- Các Ban, Phòng chuyên môn TCT;
- Lưu VT, KHĐT&TCC.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hoàn

Số: /XLDK-BKS

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
(PETROCONS/Tổng công ty)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua vào ngày 05/10/2023;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, báo cáo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Ban Kiểm soát PETROCONS năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA PETROCONS.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023.

Trên cơ sở kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua, PETROCONS đã chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp, khắc phục các khó khăn, tuy nhiên năm 2023, PETROCONS đã không hoàn thành kế hoạch được giao.

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ hoàn thành KH %	Tỷ lệ 2023/2022 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Giá trị sản xuất kinh doanh					
	- Hợp nhất	1.494,59	1.500,00	914,66	61%	61%
	- Công ty mẹ	956,30	770,00	441,36	57%	46%

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ hoàn thành KH %	Tỷ lệ 2023/2022 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện		
2	Doanh thu					
	- Hợp nhất	1.821,56	1.886,00	1.237,96	66%	68%
	- Công ty mẹ	1.287,53	1.230,00	765,74	62%	59%
3	Lợi nhuận trước thuế					
	- Hợp nhất	2,70		(267,12)		
	- Công ty mẹ	53,00		(162,65)		
4	Lợi nhuận sau thuế					
	- Hợp nhất	2,93		(267,12)		
	- Công ty mẹ	52,30		(162,65)		
5	Số phải nộp NSNN					
	- Hợp nhất	57,2	72	41,05	57%	72%
	- Công ty mẹ	33,12	26	10,67	41%	32%
6	Thu nhập bình quân					
	- Hợp nhất	10,86	11,14	10,58	95%	97%
	- Công ty mẹ	15,95	13,25	13,25	100%	83%

Trong năm 2023, Tổng công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu SXKD so với kế hoạch đề ra về sản lượng, doanh thu.

- Lợi nhuận sau thuế của toàn tổ hợp trong năm 2023 là (265,22) tỷ đồng; lỗ lũy kế đến năm 2023 của toàn tổ hợp là (4.005,3) tỷ đồng. Riêng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ là (162,65) tỷ đồng, lỗ lũy kế đến năm 2023 của Công ty mẹ là (3.770,05) tỷ đồng.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONs tại thời điểm 31/12/2023 là 307,4 tỷ đồng, giảm 162.65 tỷ đồng, tương đương giảm 34,6% so với thời điểm đầu năm.

- Trong 7 đơn vị chi phối hạch toán hợp nhất PETROCONs, có 02/7 đơn vị hoạt động có lãi với giá trị thấp: DOBC có lãi 1,01 tỷ đồng, PVC-Bình Sơn có lãi 0,52 tỷ đồng. Các đơn vị còn lại đều làm ăn thua lỗ đã ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất của PETROCONs như: PVC-MS thua lỗ 159,01 tỷ đồng, PVC-Thái Bình thua lỗ 34,41 tỷ đồng, PVC-IC thua lỗ 19,34 tỷ đồng, PVC-Mekong thua lỗ 8,16 tỷ đồng, PETROCONs-Đông Đô thua lỗ 5,39 tỷ đồng.

Kết quả SXKD một số công ty tiếp tục thua lỗ, nguy cơ về rủi ro tiềm tàng là không bảo toàn được vốn dẫn đến hệ lụy mất vốn Chủ sở hữu do không có các nguồn công việc

mới để duy trì hoạt động, bù đắp các chi phí tối thiểu cho công ty, đồng thời các khoản công nợ phải thu hồi còn gặp rất nhiều khó khăn và các khoản công nợ không có khả năng trả dẫn đến chi phí phát sinh tăng về tài chính; các khoản ủy thác vay vốn Tập đoàn đến hạn trả nợ đều chưa cân đối được nguồn để trả; các đơn vị thành viên có kết quả SXKD đều thua lỗ nhiều năm, khả năng thoái vốn để thu xếp trả nợ nguồn vốn vay ủy thác đầu tư là không có tính khả thi. Khả năng tìm việc tiếp thị/ký hợp đồng mới đạt kết quả thấp, các công trình/dự án có sản lượng và doanh thu còn rất thấp.

2. Công tác thi công các công trình/dự án trọng điểm, công tác tái cơ cấu.

Trong năm 2023, Công ty mẹ PETROCONs tiếp tục thực hiện thi công tại các công trình trọng điểm: NMNĐ Thái Bình 2, NMNĐ Sông Hậu 1, Viện Dầu khí phía Nam (giai đoạn 2);

a. Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:

Trong năm 2023, PETROCONs đã hoàn thành chạy thử và bàn giao cho Chủ đầu tư tổ chức khánh thành nhà máy vào ngày 27/4/2023 và đưa vào sử dụng 2 tổ máy dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Hiện PETROCONs vẫn tiếp tục thực hiện các hạng mục phụ còn lại của dự án, xử lý các tồn đọng phát sinh trong quá trình chạy thử/vận hành. Rà soát, đơn đốc nhà thầu hoàn thiện hồ sơ hai tổ máy với Chủ đầu tư phục vụ bàn giao nhà máy.

b. Dự án Viện Dầu khí phía Nam:

Trong năm 2023, PETROCONs đã hoàn thành công tác sửa chữa và được Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu, hoàn thành sửa chữa và bảo hành công trình ngày 25/10/2023. Hiện các bên đang trong quá trình hòa giải, thống nhất về phương pháp tính giá trị phạt chậm tiến độ hợp đồng, giá trị hỗ trợ do thanh toán chậm.

c. Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1:

- Hợp đồng C11/SH1-LLM-PVC&GEOVN ký ngày 29/5/2015 về việc Thi công xử lý nền: Đã hoàn thành công tác thi công và bảo hành hạng mục công trình, đang trong giai đoạn quyết toán hợp đồng.

- Hợp đồng C15/SH1-LLM-PVC ký ngày 05/4/2016 về việc Thi công các hạng mục xây dựng: Đã hoàn thành công tác thi công chính, đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ chất lượng, khối lượng và thanh/quyết toán hợp đồng. Đối với khối lượng đã nghiệm thu nhưng chưa có đơn giá thanh toán: Hiện nay Chủ đầu tư đã tạm ngưng toàn bộ công tác thống nhất đơn giá tạm thanh toán, chờ phê duyệt đơn giá chính thức để thanh toán chính thức/quyết toán hợp đồng.

3. Công tác tái cơ cấu

- Tại Công ty mẹ PETROCONs đã hoàn thành xây dựng và định biên lao động nhằm đáp ứng phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị; cơ cấu lại chức năng nhiệm vụ của phòng Pháp chế theo hướng chuyên trách thực hiện công tác pháp chế doanh nghiệp của Tổng công ty, điều chuyển nhiệm vụ công tác xử lý và thu hồi công nợ sang ban Tài chính Kế toán - Kiểm toán.

- Tại các đơn vị thành viên: Thực hiện kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua trong năm 2023, PETROCONs đã triển khai một số công việc như sau:

+ Kiện toàn công tác Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại các đơn vị nhằm củng cố và nâng cao hiệu quả công tác quản trị tại các đơn vị.

+ Giao nhiệm vụ cho NĐDPV của Tổng công ty tại PVC-MS và DOBC triển khai kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở đánh giá thực trạng, phương án tái cơ cấu đã xây dựng nhằm đảm bảo các mục tiêu là đơn vị nòng cốt của PETROCONs.

+ Khôi phục hoạt động Khách sạn Lam Kinh: từng bước khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua công tác sửa chữa, duy tu lại các hạng mục của khách sạn và đưa khách sạn hoạt động trở lại.

+ Hỗ trợ PVC-Duyên Hải tháo gỡ một số vướng mắc và thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên khu đất số 441 đường Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Tp. Hải Phòng nhằm hoàn thiện tính pháp lý của tài sản. Hiện PVC-Duyên Hải đã chuyển hồ sơ tài liệu cho Sở TNMT-Tp Hải Phòng chờ ý kiến phản hồi.

4. Công tác hợp đồng kinh tế, tiếp thị đấu thầu, công tác đầu tư.

❖ Công tác ký kết các dự án/hợp đồng:

Trong năm 2023, PETROCONs đã liên danh với VCAPITAL ký được 01 hợp đồng với Chủ đầu tư là Tổng công ty Phát điện 1 với giá trị hợp đồng 106 tỷ trong đó phạm vi công việc của PETROCONs là 6,6 tỷ đồng tại hạng mục Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy 7- NMTĐ Uông Bí, dự kiến triển khai phần việc của PETROCONs trong quý III/2024. Hiện tại, PETROCONs chủ yếu tổ chức triển khai các công việc còn lại từ các hợp đồng chuyển tiếp từ các năm trước, bám sát, đôn đốc các Chủ đầu tư, Tổng thầu để hoàn thành quyết toán các hợp đồng đã thi công xong đang còn vướng mắc.

Tại các đơn vị thành viên: trong năm 2023 đã ký được một số hợp đồng mới bổ sung nguồn việc bao gồm: PVC-MS ký mới 17 hợp đồng với tổng giá trị 537,9 tỷ đồng (trong đó có 2 dự án lớn là Topside Đại Hùng 2 giá trị 129,4 tỷ đồng và Cung cấp dịch vụ chế tạo chân đế điện gió Osterd giá trị 291,4 tỷ đồng); DOBC ký mới 7 hợp đồng với tổng giá trị 26,86 tỷ đồng; PVC-Bình Sơn ký mới 3 hợp đồng với tổng giá trị 19,84 tỷ đồng; PETROCONs- Mekong ký mới 2 hợp đồng với tổng giá trị 19,72 tỷ đồng; PVC-Duyên Hải ký mới 2 hợp đồng với tổng giá trị 23,85 tỷ đồng và PVC-TH ký mới 2 hợp đồng với tổng giá trị 8,6 tỷ đồng.

❖ Công tác tiếp thị đấu thầu:

PETROCONs tiếp tục theo dõi và tiếp cận/ phát triển nguồn việc từ các công trình/dự án: Khu nhà ở CBCNV vận hành NMTĐ Thái Bình 2; Khu nhà ở CBCNV vận hành Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1; Gói thầu EPC số 10 (HH01-OM4): Thiết kế, cung cấp thiết bị và xây dựng nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV; Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1; Dự án Mở rộng mái che kho than NMTĐ Vĩnh Tân 4; Thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình (EPC) – Dự án Xây dựng mở rộng trung tâm dữ

liệu và dịch vụ bang rộng tại KCN Nam Thăng Long, Hà Nội; Thay thế hệ thống DCS Nhà máy thủy điện Bắc Bình, dự án LPG Yên Hưng;....

Ngoài ra, PETROCONs thường xuyên bám sát, làm việc với các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đang chuẩn bị đấu thầu, đồng thời tìm kiếm lựa chọn những đối tác có tiềm năng có thể hợp tác cho các dự án trong tương lai.

Tuy nhiên, do nhiều Chủ đầu tư khó khăn trong việc thu xếp vốn, vướng mắc về thủ tục hành chính pháp lý đã dừng/giãn tiến độ thực hiện các dự án, bên cạnh đó năng lực của PETROCONs còn nhiều hạn chế nên công tác tiếp thị đấu thầu trong năm 2023 của PETROCONs còn hạn chế.

❖ *Công tác đầu tư:*

Năm 2023, PETROCONs không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty mẹ PETROCONs có vốn góp 25 đơn vị với giá trị đầu tư là 2.326,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735.45 tỷ đồng và đầu tư tài chính là 206,2 tỷ đồng.

- Luỹ kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2023 là 1.97,36 tỷ đồng, bằng 77% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONs. Tổng giá trị trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong năm 2023 là 131,85 tỷ đồng.

❖ *Công tác thoái/thu hồi vốn/quản lý tài sản, các dự án của Công ty mẹ:*

- *Công tác chuyển giao dự án Soài Rạp – Tiền Giang:* Ngày 25/10/2023, PETROCONs đã tham gia cuộc họp với UBND tỉnh Tiền Giang về các vấn đề liên quan đến dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, chủ tịch tỉnh Tiền Giang đã chỉ đạo các Sở ban ngành rà soát lại để chính thức có văn bản gửi PETROCONs.

- *Dự án Xưởng cơ khí Miền Trung:* PETROCONs đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty Thái Thành để khai thác 5.000m² mặt bằng hạ tầng. Đối với diện tích 32.000m² còn lại, hiện nay, đối tác là Công ty Toàn Cầu vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất tại Xưởng cơ khí do đơn vị này giãn tiến độ thực hiện các dự án tại khu kinh tế Dung Quất. Tổng công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm đối tác phù hợp để hợp tác kinh doanh phần diện tích đất còn lại hoặc phương án khác nhằm khai thác/sử dụng có hiệu quả tối ưu.

- *Khu đất tại Chùa Hà:* Ngày 11/7/2023, Sở TNMT đã ký xác nhận vào bản đo vẽ hiện trạng. Hiện PETROCONs đang thực hiện các thủ tục xin chỉ giới đường đỏ và thông tin quy hoạch tổng thể để phục vụ cho việc làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất.

- *Đối với khu đất 3.400m² tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc:* Theo bản án hình sự phúc thẩm số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 của TAND cấp cao thành phố Hà Nội và Quyết định số 905/QĐ-CTHADS ngày 01/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; trong đó Công ty Mai Phương phải trả lại cho PETROCONs quyền sử dụng 3.400m² đất tại thửa đất số 6, bản đồ số 20 tại Thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, số BE 416871, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT03371 ngày 31/8/2011 cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương. Hiện PETROCONs đang làm việc với TAND cấp cao và Cục THADS Tp. Hà Nội nhằm yêu cầu thực hiện

bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất nói trên và có biện pháp để Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương thực hiện thi hành án.

- *Thanh lý tài sản là máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng:* PETROCONs đã lên kế hoạch thanh lý tài sản là máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng. Tuy nhiên, hiện tại công tác đấu giá không thành công do không có khách hàng quan tâm, nên PETROCONs tạm dừng công tác đấu giá để xem xét phương án xử lý phù hợp.

5. Tình hình tài chính của PETROCONs.

Một số chỉ tiêu về bảng cân đối kế toán của Tổng công ty tại ngày 31/12/2023.

TÀI SẢN (tỷ đồng)				NGUỒN VỐN (tỷ đồng)			
Diễn giải	Cuối kỳ	Đầu kỳ	So sánh (%)	Diễn giải	Cuối kỳ	Đầu kỳ	So sánh (%)
A- Tài sản ngắn hạn	4.715,40	5.170,09	91,21%	C- Nợ phải trả	5.686,99	5.894,47	96,48%
<i>I Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>315,53</i>	<i>561,63</i>	<i>56,18%</i>	<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>5.503,17</i>	<i>5.704,23</i>	<i>96,48%</i>
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>311,12</i>	<i>271,34</i>	<i>114,66%</i>	<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>183,82</i>	<i>190,24</i>	<i>96,63%</i>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn.</i>	<i>2010,76</i>	<i>2266,52</i>	<i>88,72%</i>	<i>D. Vốn chủ SH</i>	<i>526,64</i>	<i>791,49</i>	<i>66,54%</i>
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>1.928,61</i>	<i>1.944,52</i>	<i>99,18%</i>				
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>149,37</i>	<i>126,07</i>	<i>118,48%</i>				
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.498,22	1.515,87	98,84%				
TỔNG CỘNG	6.213,63	6.685,97	92,94%		6.213,63	6.685,97	92,94%

Các chỉ số tài chính tại ngày 31/12/2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	24%	18%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	76%	82%
2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	92%	90%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	8%	10%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,51	0,57
	Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,86	0,91

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%		1,10%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%		4,15%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%		11,13%

Tỷ số thanh toán nhanh, thanh toán hiện hành cho thấy PETROCONs đang gặp khó khăn về mặt tài chính. Tài sản ngắn hạn không tính đến hàng tồn kho, không đủ thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Hệ số nợ phải trả/ tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2023 là 0,92; điều này cho thấy, PETROCONs đang có những khoản nợ lớn, chiếm phần lớn vốn chủ sở hữu (92%).

Về hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2023 của PETROCONs là 0,51; điều này cho thấy khả năng thanh toán toàn bộ khoản nợ ngắn hạn trong thời gian ngắn hạn của doanh nghiệp là rất khó.

Hai tỷ suất ROA và ROE năm 2023 so với năm 2022 biến động đáng kể. Tỷ suất ROA, ROE năm 2023 bị âm. Nguyên nhân do kết quả hoạt động SXKD của PETROCONs trong năm 2023 lỗ.

- Về việc thu xếp trả nợ khoản vay ủy thác của cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN): Trong năm 2023, PETROCONs và các đơn vị thành viên đã trả một phần nợ gốc vay ủy thác với số tiền 2,5 tỷ đồng. Dư nợ gốc ủy thác tại thời điểm 31/12/2023 là 575,6 tỷ đồng trong đó PETROCONs phải thu các đơn vị: 345,27 tỷ đồng (bao gồm: Khách sạn Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 128,3 tỷ đồng; PVNC: 16,3 tỷ đồng); khoản PETROCONs sử dụng: 230,3 tỷ đồng. Lãi vay PETROCONs còn phải trả PVN: 162,5 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn chưa thanh toán: 90 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả gốc 72,5 tỷ đồng. Hiện PETROCONs vẫn đang tiếp tục kiến nghị PVN trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận miễn giảm các khoản chi phí lãi vay trong hạn/quá hạn này.

- Đến hết năm 2023, PETROCONs còn các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn 155,04 tỷ đồng (trong đó, PVC-HN: 73,67 tỷ đồng; PVC-ME: 64,27 tỷ đồng; PVC-SG: 17,10 tỷ đồng). Các khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PETROCONs đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả đến thời điểm hiện tại là: 137,94 tỷ đồng. Trong năm 2023 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh.

- Tổng công nợ phải thu Công ty Mẹ PETROCONs tại 31/12/2023 là 2.668,57 tỷ đồng, lũy kế trích lập dự phòng 925,89 tỷ đồng. Số trích lập dự phòng thời điểm cuối năm 2023 đã giảm 1,62 tỷ so với đầu năm. Trong năm 2023 Tổng công ty đã xử lý thu hồi được tổng số tiền 11,766 tỷ đồng, cụ thể: PVC-HN (0,214 tỷ đồng), PVNC (10,468

tỷ đồng thông qua thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 và bù trừ tiền mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2), PETROCONS-Đông Đô (1,083 tỷ đồng). Chi tiết một số khoản công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

- + Phải thu khách hàng: 1.439 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 197 tỷ đồng, trong đó công nợ với Ban quản lý Dự án NMNĐ Thái Bình 2 là 1.050 tỷ đồng;
- + Trả trước cho người bán: 576 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 329 tỷ đồng;
- + Phải thu cho vay ngắn hạn: 356 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 269 tỷ đồng trong đó chủ yếu là khoản phải thu các đơn vị về tiền cho vay ủy thác;
- + Phải thu khác: 273 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 129 tỷ đồng.

II. BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CỦA TỪNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.

2.1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, trong đó:

- + Ông Hứa Xuân Nam – Trưởng Ban Kiểm soát.
- + Ông Nguyễn Ngọc Cương – Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 30/6/2021).
- + Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 30/6/2021).

2.2. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023.

- Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Ban Kiểm soát đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT/TGĐ để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD, tình hình đầu tư, thoái vốn và tái cơ cấu; tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT/TGĐ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các Thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty PETROCONS.

- Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp diễn ra vào ngày 8/03/2023 và ngày 11/12/2023 với nội dung báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trong Quý và triển khai kế hoạch hoạt động Quý tiếp theo. Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên (3/3) tham gia biểu quyết thống nhất thông qua.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại 03 đơn vị: Công ty Cổ phần Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC); Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Lắp máy Dầu khí (PVC-IC); Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH); Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-DH).

- Đối với các đơn vị thành viên khác, Ban Kiểm soát xem xét các báo cáo hoạt động SXKD và các báo cáo có liên quan của Người đại diện/Người đại diện phần vốn

của PETROCONs tại các đơn vị để kịp thời đưa ra các kiến nghị đề xuất đối với HĐQT/TGĐ PETROCONs.

- Ban Kiểm soát đã xem xét, thẩm định BCTC của Công ty mẹ, BCTC hợp nhất của toàn Tổng công ty hàng quý/năm, thẩm định quỹ tiền lương của Công ty mẹ năm 2022.

2.3. Về hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Năm 2022, các Thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty. Cụ thể như sau:

2.3.1. Ông Hứa Xuân Nam - Trưởng Ban: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc:

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Phụ trách chung toàn bộ các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của PETROCONs, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PETROCONs, có trách nhiệm ký các báo cáo định kỳ, đột xuất, theo yêu cầu gửi ĐHĐCĐ, Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công văn, văn bản gửi HĐQT, Ban TGĐ PETROCONs, Người đại diện của PETROCONs tại doanh nghiệp khác; Tham gia các cuộc họp của Tổng công ty PETROCONs và các đơn vị thành viên do Tổng công ty tổ chức; Chủ trì trong công tác lập kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông; lập kế hoạch kiểm tra theo định kỳ, đột xuất trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát PETROCONs.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy định, quy trình, quy chế của Tổng công ty, giám sát việc sửa đổi phù hợp với quy định của Nhà nước; việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với Người lao động, Người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động SXKD hàng năm đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao/chấp thuận; kiểm tra hoạt động của Ban Kiểm soát các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty; kiểm tra giám sát việc quản lý đầu tư tại các dự án, đầu tư tài chính, thoái vốn, chuyển nhượng vốn tại các dự án, doanh nghiệp; giám sát tình hình thực hiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Ban Điều hành Dự án của Tổng công ty; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS); Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC).

2.3.2. Ông Nguyễn Ngọc Cương - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: lập Báo cáo hoạt động năm, kế hoạch hoạt động hàng năm tiếp theo của Ban Kiểm soát, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty; Dự thảo lịch kiểm tra các đơn vị và biên bản kiểm tra các đơn vị theo kế hoạch kiểm tra của Ban Kiểm soát; Tham gia các cuộc kiểm tra của Ban Kiểm soát đối với các đơn vị Ban Kiểm soát đến kiểm tra; Có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị mình theo dõi gửi báo cáo theo các văn bản Ban Kiểm soát ban hành tháng, quý, năm và xem xét các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát của các Đơn vị thành viên, Ban Kiểm soát các đơn vị thành viên, các Ban Điều hành được phân công theo dõi, tổng hợp số liệu và lập dự thảo báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: kiểm tra giám sát tình hình thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2; Kiểm tra giám sát tình hình thu hồi, xử lý công nợ của Công ty mẹ và các Ban Điều hành các Dự án của Tổng công ty; kiểm tra giám sát tình hình quản lý và xử lý tài sản, thiết bị của Tổng Công ty; kiểm tra, xem xét các số liệu báo cáo kế toán của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; xem xét chuẩn bị các nội dung trong báo cáo tài chính kế toán, nội dung cần thẩm định, để Ban Kiểm soát thực hiện công việc thẩm định báo cáo 6 tháng, báo cáo năm của Tổng công ty; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PETROCONS- Đông Đô); Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC- Thái Bình).

2.3.3. Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Tham gia các cuộc kiểm tra của cơ quan cấp trên đến Ban Kiểm soát PETROCONS kiểm tra; Có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị mình theo dõi gửi báo cáo theo các văn bản Ban Kiểm soát ban hành, xem xét các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát của các đơn vị thành viên, Ban Kiểm soát các đơn vị thành viên, các Ban Điều hành được phân công theo dõi. Soạn thảo nội dung văn bản về các vấn đề liên quan đến phần việc được phân công khi Trưởng Ban Kiểm soát yêu cầu gửi đến các cơ quan, đơn vị, Ban Điều hành liên quan đến nội dung công việc được phân công theo dõi.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp, việc thực hiện ban hành quy chế quản lý tài chính, quy chế nội bộ, kiểm tra giám sát việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; Kiểm tra, xem xét các số liệu báo cáo kế toán của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; tổng hợp số liệu để dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát theo quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm; Xem xét, chuẩn bị các nội dung trong báo cáo tài chính, nội dung cần thẩm định, làm các thủ tục để Ban Kiểm soát thực hiện công việc thẩm định báo cáo 6 tháng, báo cáo năm của Tổng công ty; kiểm tra giám sát

việc quản lý đầu tư tại các dự án, đầu tư tài chính, thoái vốn, chuyển nhượng vốn tại các dự án, doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát việc trích lập dự phòng, hoàn nhập dự phòng của Công ty mẹ; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC - Bình Sơn); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC- IC); Công ty CP Phát triển Đô Thị Dầu khí (PVC- Mekong).

III. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.

- Đối với Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là Người đại diện của cổ đông lớn là PVN: thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và thực tế kết quả SXKD của đơn vị.

- Đối với Thành viên Ban Kiểm soát hưởng thù lao không chuyên trách: đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua và các chi phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền lương/ thù lao năm 2023	Ghi chú
1	Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	400.523.625	
2	Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	32.400.000	
3	Phùng Văn Sỹ	Thành viên kiêm nhiệm	32.400.000	
	Tổng cộng		465.323.625	

** Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023 là: 71.522.455 đồng.*

Chi phí hoạt động năm 2023: Các chi phí hành chính và liên quan phục vụ hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện theo các quy định của PETROCONS.

IV. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT.

Năm 2023, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp với sự có mặt đầy đủ của các Thành viên Ban Kiểm soát để thống nhất các kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong công tác giám sát, kiểm tra tại cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Ban Kiểm soát có 2 thành viên kiểm soát làm kiêm nhiệm, do vậy các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc trao đổi, đóng góp các ý kiến về công tác hoạt động của Ban Kiểm soát bằng các hình thức gọi điện thoại, gửi email để thảo luận, thống nhất một số nội dung hoạt động của Ban Kiểm soát, các vấn đề phát sinh cũng như trao đổi công tác chuyên môn...

STT	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
1	3/3	- Triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2023
2	3/3	- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2024.

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY KHÁC DO TỔNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH.

- Trong năm 2023, các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của PETROCONS đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

- Trong năm 2023, PETROCONS không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY.

Công tác điều hành SXKD của HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty trong năm 2023 nhìn chung đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật có liên quan.

6.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2023, Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT/Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp giao ban, đột xuất hàng tháng, quý.

Hội đồng quản trị PETROCONS đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023. HĐQT PETROCONS đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành; các Ban chức năng tại Công ty mẹ và Người đại diện phần vốn tại các Công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tiến hành tổ chức SXKD theo hướng phát huy tối đa nguồn lực của PETROCONS đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và đã ban hành một số văn bản, nghị quyết. HĐQT đã thực hiện vai trò chủ đạo, giám sát điều hành của Ban Tổng

giám đốc trong công tác điều hành SXKD nhằm tháo gỡ các khó khăn, tồn tại, hạn chế, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, duy trì bộ máy điều hành hoạt động SXKD ổn định, tổ chức họp thường xuyên và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty.

HĐQT đã duy trì hình thức thông qua phiếu lấy ý kiến để ban hành các Nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Điều lệ Tổng công ty. Trong năm 2023, HĐQT họp 06 phiên họp thường kỳ và 99 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 42 Nghị quyết, 38 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PETROCONs. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2023 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 10/BC-XLDK ngày 24/01/2024 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

HĐQT đã thực hiện vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONs.

HĐQT thực hiện việc tái cấu trúc, sắp xếp lại hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONs nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONs.

HĐQT đã thực hiện nghiêm túc báo cáo công tác giám sát gửi đến cổ đông là PVN các báo cáo như báo cáo giám sát tài chính đặc biệt, báo cáo định kỳ kết quả SXKD.

6.2. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty.

Trong bối cảnh đầy khó khăn, thách thức, Ban Tổng giám đốc PETROCONs đã quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc thực hiện đúng vai trò chức trách trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tuân thủ đúng, đầy đủ các quy chế, quy định của pháp luật, PVN và Tổng công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các biện pháp củng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm mới; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PETROCONs.

Ban Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Dự án đã hoàn thành một số cột mốc quan trọng và đã được Chủ đầu tư tổ chức khánh thành vào ngày 27/4/2023.

Việc trả lương cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty và Ban ĐH dự án thuộc Tổng công ty được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ Tổng công ty, thu nhập ổn định. Tuy nhiên, còn một số đơn vị do không có nguồn công việc đã tồn tại kéo dài nhiều năm, nên còn nợ đọng tiền lương, BHXH.

VII. BÁO CÁO GIÁM SÁT SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và các cổ đông dựa trên nguyên tắc trung thực, khách quan, minh bạch vì sự ổn định, phát triển bền vững của Tổng công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã được cung cấp các tài liệu họp của HĐQT, Ban TGD do HĐQT, Ban TGD chủ trì và tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia góp ý kiến liên quan đến nhận diện và cảnh báo rủi ro trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát được HĐQT và Ban TGD xem xét thực hiện đảm bảo lợi ích của Tổng công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã hợp tác tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ: như việc cung cấp các thông tin tài liệu, cử cán bộ phối hợp với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban TGD Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm. Ban Kiểm soát đã phối hợp với các Ban chức năng của Tổng công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của các đơn vị thành viên và thông báo cáo kết quả cho HĐQT/TGD.

Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát lập báo cáo kiểm tra giám sát quý, năm gửi cho cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đồng thời gửi tới HĐQT và Ban TGD PETROCONS.

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ, tạo điều kiện của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các đối tượng kiểm soát phù hợp với yêu cầu kiểm soát, giúp kết quả kiểm soát được đưa ra khách quan, phản ánh đúng bản chất hoạt động của Tổng công ty.

Đối với cổ đông khác: Ban Kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo ĐHĐCĐ, công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành, thông tin báo cáo tới ĐHĐCĐ một cách trung thực, cẩn trọng, chính xác. Trong năm 2023, không phát sinh bất cứ yêu cầu nào từ các cổ đông về hoạt động kiểm soát bất thường cũng như về hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Đối với cổ đông lớn nhất là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ hàng quý/năm và báo cáo đột xuất khi Tập đoàn yêu cầu. Ban Kiểm soát đã gửi đúng theo nội dung và thời hạn quy định.

VIII. CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH BÁO CÁO

8.1. Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.

Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành. Về cơ bản, các báo cáo tài chính của Tổng công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động SXKD. Việc ghi chép, hạch toán, trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

8.2. Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT.

HĐQT đã lập báo cáo hoạt động trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Trong đó, báo cáo đã đánh giá cụ thể các mặt hoạt động của Tổng công ty trong năm 2023 từ công tác thực hiện định hướng chiến lược, tái cơ cấu doanh nghiệp, quản lý chi phí, quản trị doanh nghiệp, công tác đầu tư... HĐQT luôn giám sát, chỉ đạo và định hướng Tổng công ty thực hiện vấn đề quan trọng, cấp thiết có liên quan đến các định hướng về đầu tư, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức và sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ quản lý; sửa đổi, ban hành quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty.

Báo cáo hoạt động của HĐQT về công tác quản lý, điều hành Tổng công ty năm 2023 phù hợp với thực tiễn; quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

1. Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Ban Tổng giám đốc. Trong đó Ban Tổng giám đốc đã báo cáo chi tiết về từng hoạt động của hoạt động của Tổng công ty, công tác tái cơ cấu, công tác thi công các công trình/dự án trọng điểm, đặc biệt tình hình hoạt động SXKD tại dự án trọng điểm như Dự án NMNĐ Thái Bình 2 ... Báo cáo kết quả kinh doanh và công tác quản lý, điều hành năm 2023 của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trong báo cáo được phản ánh và ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

XI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
I	Nhiệm vụ thường xuyên	
1.	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ đơn vị, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐQT PVN có liên quan đến hoạt động đơn vị của Người đại diện phần vốn PVN, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đơn vị.	Thường xuyên
2.	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư.	Thường xuyên

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
3.	Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn, của đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.	Thường xuyên
4.	Phối hợp với Người đại diện phần vốn của PVN trong việc quản lý phần vốn của PVN tại đơn vị và phần vốn đơn vị đầu tư vào doanh nghiệp khác	Thường xuyên
5.	Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.	Thường xuyên
6.	Thực hiện các công việc khác của Người đại diện của PVN làm công tác kiểm soát theo yêu cầu của PVN, của ĐHĐCĐ và các quy định hiện hành; đề xuất ĐHĐCĐ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;	Thường xuyên/theo yêu cầu
II	Nhiệm vụ định kỳ	
1	Thực hiện/phối hợp với Thành viên BKS lập báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và tổ chức thực hiện.	Quý I
2	Thực hiện/phối hợp với Thành viên BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và Tập đoàn DKVN các báo cáo: Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023, thẩm định báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý năm 2023 của Hội đồng quản trị đơn vị.	Quý I
3	Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	Hàng quý
4	Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị khi xét thấy cần thiết.	Khi cần
5	Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chỉ thị/Nghị quyết được phê duyệt.	Tháng 11
6	Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.	Hàng quý
7	Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng/cả năm 2024.	Hàng quý
8	Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của Người lao động và Người quản lý đơn vị.	Quý II/2024

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
9	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, chức năng có thẩm quyền tại đơn vị.	Hàng quý
10	Lập báo cáo giám sát hàng quý theo Quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các báo cáo khác theo yêu cầu.	Hàng quý/theo yêu cầu
11	Lập Kế hoạch hoạt động năm 2025 trình HĐQT PVN thông qua	Tháng 11
12	Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị	31/12/2024
13	Giám sát việc xây dựng, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của đơn vị.	Quý I
III	Công tác kiểm tra/giám sát chuyên đề, Dự án, Công ty con, Công ty liên kết.	
1	Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Quý III
2	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	Quý III
3	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	Quý IV

Trên đây là tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát PETROCONs trong năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024. Ban Kiểm soát PETROCONs kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xem xét/thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PETROCONs;
- Ban TGD PETROCONs;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Hứa Xuân Nam

Số: /TTr-XLKD

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết 232/NQ-XLKD-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2023;

Thực hiện Nghị quyết số 146/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 06/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về việc thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC bao gồm:

1- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2023.
- Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023.

2- Phương án phân phối lợi nhuận Công ty Mẹ:

Đvt: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Công ty Mẹ	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2023	(162.652.761.738)	
II	Lỗ lũy kế đến 31/12/2023	(3.770.052.922.180)	
IV	Trích lập các quỹ		
1	Quỹ đầu tư phát triển	0	
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	
V	Chia cổ tức năm 2023	0	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS,HDQT,TCKT.

(Đính kèm: BCTC Công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán năm 2023 của PETROCONs)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nghiêm Quang Huy

Số: /TTr-XLKD

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONs) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết 232/NQ-XLKD-DHĐCĐ ngày 05/10/2023;

Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2024 của Tổng công ty PETROCONs và ưu tiên đơn vị có kinh nghiệm, thực hiện kiểm toán tại đa số các đơn vị thành viên của Tổng công ty để thuận lợi trong công tác kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty. Trong trường hợp không ký kết được hợp đồng kiểm toán với một trong ba Công ty nêu trên thì kính trình Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán theo đúng quy định, đảm bảo tuân thủ thời hạn công bố thông tin của Công ty niêm yết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT TCT;
- Lưu VT, BKS, TCKT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Hứa Xuân Nam

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
(PETROCONS/Tổng công ty)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua ngày 05/10/2023;
- Thực hiện Nghị quyết số 146/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 06/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và phương án tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 của Tổng công ty như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát năm 2023:

Tiền lương/Thù lao của HDQT, Ban Kiểm soát năm 2023 thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 146/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 06/6/2023, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tiền lương/thù lao năm 2023		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Hội đồng quản trị	2.496.600.000	2.096.281.896	84%
2	Ban Kiểm soát	593.450.000	465.323.625	78%
	Tổng cộng	3.090.050.000	2.561.605.521	83%

2. Phương án tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2024:

- Tiền lương và thù lao của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát chuyên trách: thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONs phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và thực tế kết quả SXKD của PETROCONs.

- Tiền lương, thù lao của thành viên độc lập HĐQT: i) Trường hợp thành viên làm việc thường xuyên theo chế độ làm việc tại Cơ quan Tổng công ty được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với thành viên HĐQT chuyên trách là Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PETROCONs; ii) Trường hợp thành viên làm việc không thường xuyên tại Cơ quan Tổng công ty (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao bằng 70% mức lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.

- Thù lao kiêm nhiệm của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách tối đa bằng 20% mức tiền lương chức danh của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát chuyên trách.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nghiêm Quang Huy

Số: /BB-ĐHĐCĐ-XLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

BIÊN BẢN HỌP

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

- ❖ Tên công ty: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
- ❖ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3500102365 thay đổi lần thứ 22 ngày 18/1/2024.
- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, Lô HH2-1, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2023 tại Tầng 12 – Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, số phố 167 Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS) được tiến hành với các nội dung sau:

A. PHẦN THỨ NHẤT: KHAI MẠC, THÀNH PHẦN THAM DỰ, TÍNH HỢP PHÁP HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Khai mạc Đại hội đồng cổ đông

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông tuyên bố lý do khai mạc Đại hội và giới thiệu khách mời tham dự:

- ❖ Ông, Bà đại diện cho các cổ đông Chiến lược, các đối tác của Tổng công ty.
- ❖ Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam gồm các Ông/Bà:
 - + Phó Bí thư Phụ trách Đảng ủy Tổng công ty.
 - + Các thành viên Hội đồng quản trị.
 - + Các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng công ty.
 - + Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty.
 - + Trưởng các Ban/Phòng/Văn phòng Đảng đoàn thể.

2. Thành phần tham dự, tính hợp pháp hợp lệ của Đại hội

Đại hội đã nghe Ông Phạm Vũ Tuấn – Trưởng Ban Tổ chức hành chính Tổng công ty, Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

Tổng số cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 là cổ đông, sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tương đương

cổ phần. Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (Thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, ngày đăng ký cuối cùng là 24/4/2024) của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Tổng số cổ đông có mặt tham dự trực tiếp Đại hội: ... cổ đông, sở hữu cổ phần chiếm ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của PETROCONs.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONs, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của PETROCONs hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

3. Đại hội thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu

Để điều hành Đại hội, giúp việc Đoàn Chủ tịch ghi chép Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kiểm phiếu các nội dung thông qua tại Đại hội, Đại hội đã thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

❖ Đoàn Chủ tịch gồm 05 thành viên sau:

- + Ông Nghiêm Quang Huy – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa
- + Ông Phạm Văn Khánh – Thành viên độc lập HĐQT – Thành viên
- + Ông Trần Hải Bằng – Thành viên HĐQT – Thành viên
- + Ông Chu Thanh Hải – Thành viên HĐQT – Thành viên
- + Ông Nguyễn Hoài Nam – Thành viên HĐQT – Thành viên

❖ Ban Thư ký gồm 02 thành viên sau:

- + Ông Nguyễn Phương Nam – Người phụ trách quản trị Tổng Công ty kiêm Thư ký Tổng Công ty – Trưởng ban
- + Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Chuyên viên Phòng Pháp chế – Thành viên

❖ Ban Kiểm phiếu gồm 07 thành viên sau:

- + Ông Phạm Vũ Tuấn – Trưởng Ban TCHC – Trưởng Ban
- + Bà Nguyễn Thị Giang – Phó trưởng Ban KHĐT&TCC kiêm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty, Thư ký Tổng Công ty – Phó Ban
- + Bà Nguyễn Phương Thảo – Chuyên viên Ban KTKT – Ủy viên (Đại diện cổ đông)
- + Ông Nguyễn Công Thật – Phó trưởng Ban TCHC – Ủy viên
- + Bà Dương Thị Vân Trang – Chuyên viên Ban KHĐT&TCC – Ủy viên (Đại diện cổ đông)
- + Bà Lương Thị Yến – Thư ký HĐQT – Ủy viên (Đại diện cổ đông)
- + Ông Đỗ Anh Thủy – Chuyên viên Ban TCHC – Ủy viên
- + Ông Trương Hoài Phong – Chuyên viên Ban TCHC – Ủy viên

4. Thông qua Chương trình Đại hội

Đại hội đã nghe Ông Nghiêm Quang Huy – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty, Chủ tọa Đoàn Chủ tịch Đại hội trình bày Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của PETROCONs.

Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành là ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Chương trình Đại hội

Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024; Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT;

Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024;

Nội dung 3: Báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024;

Nội dung 4: Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023;

Nội dung 5: Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024;

Nội dung 6: Tờ trình về việc Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

5. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội

Đại hội đã nghe Ông – Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, Thành viên Đoàn Chủ tịch Đại hội trình bày Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của PETROCONs.

Đại hội đã thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành là ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của PETROCONs (Chi tiết đính kèm).

B. PHẦN THỨ HAI: NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của PETROCONs đã triển khai các nội dung sau:

1. Ông – trình bày Báo cáo số/BC-XLTK về hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và kế hoạch năm 2024.

(Chi tiết Báo cáo kèm theo).

2. Ông – trình bày Báo cáo số/BC-XLTK về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

(Chi tiết Báo cáo kèm theo).

3. Ông – trình bày Báo cáo số/XLDK-BKS của Ban Kiểm soát về Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024.
(Chi tiết Báo cáo kèm theo).
4. Ông– trình bày Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2023; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.
(Chi tiết Tờ trình kèm theo).
5. Ông – trình bày Tờ trình số .../TTr-XLDK về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
(Chi tiết Tờ trình kèm theo).
6. Ông – trình bày Tờ trình số/TTr-XLDK về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024.
(Chi tiết Tờ trình kèm theo).
7. Các cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung từ mục 1 đến mục 6 nêu trên bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội.

C. PHẦN THỨ BA: THẢO LUẬN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

Các cổ đông đã nêu một số câu hỏi về tình hình sản xuất kinh doanh, kế hoạch, tài chính của PETROCONs và Đoàn chủ tịch đã trả lời đầy đủ nội dung câu hỏi tại Đại hội.

D. PHẦN THỨ TƯ: KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

Ông Phạm Vũ Tuấn - Trưởng Ban Tổ chức hành chính, Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết như sau:

1. Kết quả biểu quyết như sau:

1.1 Báo cáo số/BC-XLDK về hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và kế hoạch năm 2024:

Tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

1.2 Báo cáo số/BC-XLDK về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

Tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

1.3 Báo cáo số/XLDK-BKS của Ban Kiểm soát về Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024:

Tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

1.4 Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2023; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 (chi tiết theo Tờ trình số /TTr-XLDK)

Tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

1.5 Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (chi tiết theo Tờ trình số ... /TTr-XLDK)

Tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

1.6 Tờ trình số/TTr-XLDK về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024:

Tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

E. TRÌNH BÀY NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Ông Nguyễn Phương Nam – Người phụ trách quản trị Tổng Công ty kiêm Thư ký Tổng Công ty – Trưởng ban Thư ký Đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết của Đại

hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

F. PHẦN THỨ SÁU: THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của PETROCONs đã được Ban Thư ký ghi lại đầy đủ, trung thực và được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với số phiếu biểu quyết là ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập tại thời điểm ... giờ ... phút cùng ngày và thành ba (03) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của PETROCONs vào lúc ... giờ ... phút cùng ngày.

TM. BAN THƯ KÝ

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Số: /NQ-ĐHĐCĐ-XLTK

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam số ngày/...../2024;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo số/BC-XLTK về hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và kế hoạch năm 2024

Nội dung: Theo Báo cáo số/BC-XLTK đính kèm.

Đại hội nhất trí thông qua với cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 2. Thông qua Báo cáo số/BC-XLTK về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

❖ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ hoàn thành KH (%)	Tỷ lệ 2023/2022 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.494,59	1.500,00	912,38	61%	61%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>956,30</i>	<i>770,00</i>	<i>441,36</i>	<i>57%</i>	<i>46%</i>

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ hoàn thành KH (%)	Tỷ lệ 2023/2022 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.821,56	1.886,00	1.237,96	66%	68%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.287,53</i>	<i>1.230,00</i>	<i>765,74</i>	<i>62%</i>	<i>59%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,70	-	(267,12)	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>53,00</i>	<i>-</i>	<i>(162,12)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,93	-	(265,22)	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>52,30</i>	<i>-</i>	<i>(162,65)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
5	Số phải Nộp NSNN	Tỷ đồng	57,20	72,00	41,05	57%	72%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>33,12</i>	<i>26,00</i>	<i>10,67</i>	<i>41%</i>	<i>32%</i>
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,86	11,14	10,58	95%	97%
	<i>Công ty mẹ</i>		<i>15,95</i>	<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	<i>100%</i>	<i>83%</i>

❖ Kế hoạch năm 2024 với các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	1.500,00	912,38	61%	1.532,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>770,00</i>	<i>441,36</i>	<i>57%</i>	<i>884,00</i>
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.886,00	1.237,96	66%	1.704,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>1.230,00</i>	<i>765,74</i>	<i>62%</i>	<i>1.055,00</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-	(267,12)	-	3,70
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>-</i>	<i>(162,65)</i>	<i>-</i>	<i>9,48</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-	(265,22)	-	3,70
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>-</i>	<i>(162,65)</i>	<i>-</i>	<i>9,48</i>
5	Nộp NSNN	tỷ đồng	72,00	41,05	57%	47,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>26,00</i>	<i>10,67</i>	<i>41%</i>	<i>14,00</i>
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	11,14	10,58	95%	10,84
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tr.đ/ tháng</i>	<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	<i>100%</i>	<i>13,25</i>

Đại hội nhất trí thông qua với cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 3. Thông qua Báo cáo số/XLĐK-BKS của Ban Kiểm soát về Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Nội dung: Theo Báo cáo số/XLĐK-BKS đính kèm.

Đại hội nhất trí thông qua với cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 4. Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2023; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Nội dung: Theo Tờ trình số/TTr-XLĐK đính kèm.

Stt	Chỉ tiêu	Công ty Mẹ	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2023	(162.652.761.738)	
II	Lỗ lũy kế đến 31/12/2023	(3.770.052.922.180)	
III	Trích lập các quỹ		
1	Quỹ đầu tư phát triển	0	
2	Quỹ dự phòng tài chính	0	
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	
IV	Chia cổ tức năm 2022	0	

Đại hội nhất trí thông qua với cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số/TTr-XLĐK về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024

Nội dung: Theo Tờ trình số/TTr-XLĐK đính kèm.

Đại hội nhất trí thông qua với cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 6. Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Nội dung: Theo Tờ trình số/TTr-XLĐK đính kèm

1. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023: Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 (thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 146/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 06/6/2023):

STT	Nội dung	Tiền lương/thù lao năm 2023		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Hội đồng quản trị	2.496.600.000	2.096.281.896	84%

2	Ban Kiểm soát	593.450.000	465.323.625	78%
	Tổng cộng	3.090.050.000	2.561.605.521	83%

2. Phương án tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024:

- Tiền lương và thù lao của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát chuyên trách là Người đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PETROCONs: thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONs phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và thực tế kết quả SXKD của PETROCONs.
- Tiền lương, thù lao của thành viên độc lập HĐQT: i) Trường hợp thành viên làm việc thường xuyên theo chế độ làm việc tại Cơ quan Tổng công ty được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với Thành viên HĐQT chuyên trách; ii) Trường hợp thành viên làm việc không thường xuyên tại Cơ quan Tổng công ty (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao bằng 70% mức lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.
- Thù lao kiêm nhiệm của Thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát không chuyên trách tối đa bằng 20% mức tiền lương chức danh của Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát chuyên trách.

Đại hội nhất trí thông qua với cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 7. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 23/5/2024.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai các nội dung đã thông qua tại Đại hội trên cơ sở đảm bảo lợi ích của PETROCONs và lợi ích của cổ đông, phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONs và các quy định pháp luật hiện hành. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua toàn văn tại cuộc họp ngày 23/5/2024 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Như Điều 7 (để t/h);
- UBCKNN, Sở GDCKHN (để b/c);
- Người CBTT (để CBTT);
- Website PETROCONs (thay cho gửi TB tới cổ đông);
- Lưu HĐQT, VT, PC.

Nghiêm Quang Huy



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 131/XLTK-TCKT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023 của
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên đơn vị : Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS)
- Mã chứng khoán : PVX
- Trụ sở chính : Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 04.37689291 Fax: 04.37689290
- Người thực hiện công bố thông tin: **Ngô Thị Thu Hoài**
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04.37689291 Fax: 04.37689290
- Nội dung của thông tin công bố:

Ngày 24/01/2024, HĐQT Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã ký ban hành Báo cáo số 10/BC-XLTK: Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023 (đính kèm).

8. Địa chỉ Website đăng tải nội dung CBTT của PetroCons: <http://pvc.vn> hoặc <http://petrocons.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PETROCONS, Ban KS (b/c);
- TGD PETROCONS (b/c);
- Người PT quản trị kiêm thư ký Công ty;
- Lưu: VT, TCKT-KT.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBT

Ngô Thị Thu Hoài

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo số 10/BC-XLTK ngày 24/01/2024 về việc Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023;

Số: 11 /BC-XLKD

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2024

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY (BẢN RÚT GỌN)
năm 2023**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons).
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14 tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 024.37689291 Fax: 024.37689290 Email: info@pvc.vn
- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng)
- Mã chứng khoán: PVX
- Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: có bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
1	146/NQ-ĐHĐCĐ - XLKD	06/6/2023	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
2	232/NQ-ĐHĐCĐ- XLKD	02/10/2023	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

II. Hội đồng quản trị

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT	
			Ngày bầu/bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HDQT	04/11/2021	
2	Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HDQT	30/6/2021	
3	Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HDQT	30/6/2021	
4	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HDQT	20/01/2022	
5	Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HDQT	24/6/2020	

2. Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nghiêm Quang Huy	05/06	83%	Ủy quyền cho UV.HĐQT
2	Ông Chu Thanh Hải	06/06	100%	
3	Trần Hải Bằng	06/06	100%	
4	Nguyễn Hoài Nam	06/06	100%	
5	Ông Phạm Văn Khánh	06/06	100%	

3. Các hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

- Hội đồng quản trị theo dõi và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị đã đề ra.

- Hội đồng quản trị tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng giám đốc gửi Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý của Tổng công ty.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2023):

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
1	16/NQ-XLTK	07/02/2023	Nghị quyết v.v Chấp thuận để Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại PVC-IC thực hiện việc cơ cấu, sắp xếp Phòng/Ban của đơn vị
2	33/NQ-XLTK	24/02/2023	Nghị quyết v/v chấp thuận để Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại PVC-MS thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại Phòng chức năng, Đơn vị trực thuộc
3	38/NQ-XLTK	16/3/2023	Nghị quyết về việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
4	39/NQ-XLTK	21/3/2023	Nghị quyết về việc sửa đổi bảo lãnh đảm bảo hoàn công nợ (lần 2) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông
5	56/NQ-XLTK	06/4/2023	Nghị Quyết v.v Công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí
6	58/NQ-XLTK	10/4/2023	Nghị quyết về việc Thông qua kế hoạch tổ chức và nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
7	70/NQ-XLTK	17/4/2023	Nghị Quyết v.v Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
8	82/NQ-XLDK	21/4/2023	Nghị Quyết v.v Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)
9	88/NQ-XLDK	24/4/2023	Nghị Quyết v.v Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PetroCons-Đông Đô)
10	89/NQ-XLDK	24/4/2023	Nghị Quyết v.v Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)
11	90/NQ-XLDK	25/4/2023	Nghị Quyết v.v Chấp thuận giới thiệu thay đổi nhân sự Thành viên độc lập Hội đồng quản trị PVC-MS
12	92/NQ-XLDK	25/4/2023	Nghị Quyết v.v kiện toàn công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của PetroCons tại Công ty CP Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)
13	97/NQ-XLDK	25/4/2023	Nghị Quyết v.v Chấp thuận kiện toàn nhân sự Người đại diện phần vốn của PetroCons, Thành viên Hội đồng Quản trị DOBC từ nguồn tại chỗ
14	106/NQ-XLDK	05/5/2023	Nghị Quyết v.v Điều chỉnh điều kiện của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/2084729/HĐTĐ giữa Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Đông
15	114/NQ-XLDK	11/5/2023	Nghị Quyết v.v Chấp thuận công tác cán bộ tại Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)
16	123/NQ-XLDK	26/5/2023	Nghị Quyết v.v Giới thiệu nhân sự làm Thành viên Ban kiểm soát và giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát PVC-HN
17	125/NQ-XLDK	26/5/2023	Nghị quyết v/v thay đổi công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của Petrocons tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)
18	146/NQ-XLDK	06/6/2023	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
19	159/NQ-XLDK	14/6/2023	Nghị quyết về việc giới thiệu thay đổi công tác cán bộ/ Người đại diện phần vốn của PetroCons tại PVC-ME và PVC-ID
20	168/NQ-XLDK	16/6/2023	Nghị Quyết v.v Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC - Bình Sơn)
21	183/NQ-XLDK	26/6/2023	Nghị quyết về việc nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)
22	184/NQ-XLDK	27/6/2023	Nghị quyết Về việc: Sửa đổi bảo lãnh bảo đảm hoàn công nợ (lần 3) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Đông
23	187/NQ-XLDK	28/6/2023	Nghị quyết Về việc thay đổi công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của PetroCons tại PVC-Mekong

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
24	191/NQ-XLKD	29/6/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận công tác cán bộ tại PVC-Bình Sơn
25	199/NQ-XLKD	20/7/2023	Nghị quyết v/v giới thiệu nhân sự giữ chức giám đốc PVC-HN
26	203/NQ-XLKD	01/8/2023	Nghị quyết về việc thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Nguyễn Trung Trí
27	205/NQ-XLKD	01/8/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận để Người đại diện phần vốn của PetroCons tại PVC Duyên Hải thực hiện bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty
28	209/NQ-XLKD	21/8/2023	Nghị quyết v/v thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
29	14/NQ-XLKD	30/8/2023	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
30	218/NQ-XLKD	07/9/2023	Nghị quyết v/v giới thiệu/thông qua nhân sự tham gia Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát PVC-ME
31	225/NQ-XLKD	15/9/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận tiếp nhận và bổ nhiệm Trưởng Ban Kỹ thuật - An toàn Tổng công ty
32	232/NQ-XLKD	02/10/2023	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
33	234/NQ-XLKD	02/10/2023	Nghị quyết v/v Chấp thuận bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Phạm Trung Kiên
34	236/NQ-XLKD	4/10/2023	Nghị quyết v/v Chấp thuận để Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí (PVC-ID) biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung nhân sự Thành viên Ban kiểm soát Công ty
35	243/NQ-XLKD	25/10/2023	Nghị quyết Về việc chấp thuận bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Tổng công ty ông Nguyễn Văn Đồng
36	250/NQ-XLKD	6/11/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Hoàng Quyết Thắng
37	252/NQ-XLKD	22/11/2023	Nghị quyết v/v Chấp thuận bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Bùi Sơn Trường
38	254/NQ-XLKD	22/11/2023	Nghị quyết v/v Giới thiệu thay đổi nhân sự giữ chức Chủ tịch HĐQT PVC-MS
39	258/NQ-XLKD	30/11/2023	Nghị quyết v/v thay đổi Người đại diện phần vốn và giới thiệu thay đổi nhân sự giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị PVC Thái Bình
40	262/NQ-XLKD	05/12/2023	Nghị quyết v/v cử Người đại diện phần vốn của PetroCons và giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát PVC-SG

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
41	266/NQ-XLKD	06/12/2023	Nghị quyết v/v Thay đổi nhân sự giữ chức Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)
42	272/NQ-XLKD	28/12/2023	Nghị Quyết v/v Chấp thuận công tác cán bộ Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
II	Quyết định		
1	02/QĐ-XLKD	05/01/2023	Quyết định v.v Phê duyệt và ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
2	03/QĐ-XLKD	06/01/2023	Quyết định v.v Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty PetroCons
3	9/QĐ-XLKD	16/01/2023	Quyết định v.v Phê duyệt và ban hành Quy chế đào tạo của Công ty mẹ Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
4	31/QĐ-XLKD	22/02/2023	Quyết định v.v Chấp thuận cử ông Phan Tử Giang - Tổng Giám đốc Tổng công ty đi công tác nước ngoài
5	35/QĐ-XLKD	28/02/2023	Quyết định về việc tạm chấp thuận kế hoạch chi phí quản lý năm 2023 của Công ty mẹ Tổng công ty và dự toán chi phí quản lý năm 2023 của Cơ quan Tổng công ty
6	47/QĐ-XLKD	28/3/2023	Quyết định v.v Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
7	67/QĐ-XLKD	14/4/2023	Quyết định về việc Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Cơ quan Tổng công ty
8	68/QĐ-XLKD	14/4/2023	Quyết định về việc phê duyệt Phương án định biên lao động tại cơ quan Tổng công ty năm 2023
9	71/QĐ-XLKD	17/4/2023	Quyết định v.v Phê duyệt điều chỉnh nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
10	93/QĐ-XLKD	25/4/2023	Quyết định v.v Giao quản lý phần vốn góp của PetroCons cho Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)
11	98/QĐ-XLKD	25/4/2023	Quyết định v.v Giao quản lý phần vốn góp của PetroCons cho Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)
12	126/QĐ-XLKD	26/5/2023	Quyết định v/v giao quản lý phần vốn góp của Petrocons cho Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải
13	147/QĐ-XLKD	07/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý vật tư máy móc thiết bị của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
14	150/QĐ-XLKD	08/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Ban điều hành dự án Vũng áng - Quảng Trạch
15	151/QĐ-XLKD	08/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Ban điều hành dự án Nhà máy sản xuất Ethanol
16	152/QĐ-XLKD	08/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Ban điều hành dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester
17	153/QĐ-XLKD	09/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Ban điều hành các dự án PVC tại Phía Nam
18	160/QĐ-XLKD	14/6/2023	Quyết định về việc giao quản lý phần vốn góp của PetroCons cho Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí (PVC-ID)
19	161/QĐ-XLKD	14/6/2023	Quyết định về việc thay đổi Người đại diện phần vốn của PetroCons tại Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)
20	166/QĐ-XLKD	15/6/2023	Quyết định v/v Phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2022 của Ban điều hành dự án NMNĐ Thái Bình 2
21	172/QĐ-XLKD	20/6/2023	Quyết định về việc Phê duyệt kết quả đánh giá mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ Người đại diện của PetroCons tại Doanh nghiệp khác năm 2022
22	176/QĐ-XLKD	22/6/2023	Quyết định v/v Áp dụng mức thù lao đối với Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam
23	182/QĐ-XLKD	23/6/2023	Quyết định V/v: Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2023
24	188/QĐ-XLKD	28/6/2023	Quyết định Về việc giao quản lý phần vốn góp của PetroCons cho Người đại diện phần vốn tại PVC-Mekong
25	204/QĐ-XLKD	01/8/2023	Quyết định về việc thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty
26	207/QĐ-XLKD	07/8/2023	Quyết định phê duyệt kế hoạch chi phí quản lý năm 2023 của Công ty mẹ Tổng công ty và dự toán chi phí quản lý năm 2023 của Cơ quan Tổng công ty
27	235/QĐ-XLKD	02/10/2023	Quyết định v/v Chấp thuận bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Phạm Trung Kiên
28	240/QĐ-XLKD	06/10/2023	Quyết định v/v sửa đổi và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty PetroCons
29	241/QĐ-XLKD	06/10/2023	Quyết định v/v phê duyệt và ban hành "Sổ tay văn hóa PetroCons"
30	242/QĐ-XLKD	10/10/2023	Quyết định về việc cử cán bộ tham gia lớp Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 2 khóa 121 năm 2023

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
31	244/QĐ-XLKD	25/10/2023	Quyết định Về việc chấp thuận bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Tổng công ty ông Nguyễn Văn Đồng
32	251/QĐ-XLKD	06/11/2023	Quyết định về việc chấp thuận thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Hoàng Quyết Thắng
33	253/QĐ-XLKD	22/11/2023	Quyết định v/v Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Bùi Sơn Trường
34	255/QĐ-XLKD	22/11/2023	Quyết định v/v Phân bổ lại nguồn vốn của NĐDPV của Tổng công ty tại PVC-MS
35	259/QĐ-XLKD	30/11/2023	Quyết định v/v Giao quản lý phần vốn góp của PetroCons cho Người đại diện phần vốn tại PVC Thái Bình
36	263/QĐ-XLKD	05/12/2023	Quyết định v/v Cử Người đại diện quản lý phần vốn của PetroCons tại PVC-SG
37	273/QĐ-XLKD	28/12/2023	Quyết định v/v Thôi giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam đối với ông Phan Tử Giang
38	274/QĐ-XLKD	28/12/2023	Quyết định v/v Tiếp nhận và bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam đối với ông Trần Quốc Hoàn

III. Ban Kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	01/07/2021	Thạc sĩ QTKD Cử nhân Kinh tế - Ngành Kế toán
2	Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên kiêm nhiệm	01/07/2021	Kỹ sư ngành Điều khiển và tự động hóa các công nghệ lọc hóa dầu
3	Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	01/07/2021	Kỹ sư Nhiệt điện, Cử nhân kinh tế đầu tư

2. Cuộc họp của BKS: năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp, với sự tham dự của 03/03 thành viên Ban Kiểm soát.

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

3.1. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2023, Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT/Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp giao ban, đột xuất hàng tháng, quý.

Hội đồng quản trị PetroCons đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023. HĐQT PetroCons đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành; các Ban chức năng tại Công ty mẹ và Người đại diện phần vốn tại các Công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tiến hành tổ chức SXKD theo hướng phát huy tối đa nguồn lực của PetroCons đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và đã ban hành một số văn bản, nghị quyết. HĐQT đã thực hiện vai trò chủ đạo, giám sát điều hành của Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành SXKD nhằm tháo gỡ các khó khăn, tồn tại, hạn chế, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, duy trì bộ máy điều hành hoạt động SXKD ổn định, tổ chức họp thường xuyên và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty.

- HĐQT đã thực hiện vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của PetroCons.

- HĐQT thực hiện việc tái cấu trúc, sắp xếp lại hoạt động sản xuất kinh doanh của PetroCons nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của PetroCons.

3.2. Kết quả giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Trong bối cảnh đầy khó khăn, thách thức, Ban Tổng giám đốc PetroCons đã quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc thực hiện đúng vai trò chức trách trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tuân thủ đúng, đầy đủ các quy chế, quy định của pháp luật, PVN và Tổng công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các biện pháp củng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm mới; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PetroCons.

Ban Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Dự án đã hoàn thành một số cột mốc quan trọng và đã được Chủ đầu tư tổ chức khánh thành vào ngày 27/4/2023.

Việc trả lương cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty và Ban ĐH dự án thuộc Tổng công ty được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ Tổng công ty, thu nhập ổn định. Tuy nhiên, còn một số đơn vị do không có nguồn công việc đã tồn tại kéo dài nhiều năm, nên còn nợ đọng tiền lương, BHXH.

3.3. Đối với cổ đông:

- Ban Kiểm soát đã có báo cáo gửi Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát, thù lao của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát 2024.

- Đối với cổ đông lớn nhất là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát định kỳ hàng quý/năm, báo cáo đột xuất khi Tập Đoàn yêu cầu. Ban Kiểm soát đã gửi đúng theo nội dung và thời hạn quy định.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc được thực hiện trên nguyên tắc vì sự ổn định, phát triển bền vững của Tổng công ty và đảm bảo quyền lợi của Cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao, phối hợp trong các hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp các thông tin tài liệu, cử các cán bộ phối hợp làm việc với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu; tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp của Tổng công ty.

- Ban Kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm. Ban Kiểm soát đã phối hợp với các Ban chức năng của Tổng công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các đơn vị thành viên và báo cáo kết quả cho HĐQT được biết.

- Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát lập báo cáo kiểm tra giám sát quý, năm gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đồng thời gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc PetroCons.

IV. Ban điều hành

TT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phan Tử Giang	07/6/1972	Kỹ sư thiết bị điện	06/8/2021	
2	Ông Nguyễn Trung Trí	15/5/1972	Thạc sĩ QTKD; Kiến trúc sư - ngành Kiến trúc Cử nhân chính trị - ngành Chính trị		01/07/2023
3	Ông Nguyễn Văn Đồng	30/4/1965	Cử nhân Kinh tế	08/7/2011	
4	Ông Bùi Sơn Trường	24/3/1970	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Kỹ sư - ngành cơ khí chế tạo máy	29/10/2018	
5	Vũ Mạnh Quang	12/01/1979	Kỹ sư Nhiệt điện	16/9/2021	
6	Hoàng Quyết Thắng	12/12/1979	Kỹ sư công nghệ Hàn và công nghệ		01/11/2023

TT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
			vật liệu kim loại		
7	Phạm Trung Kiên	26/6/1978	Kỹ sư máy và Thiết bị hóa chất Dầu khí	02/10/2023	

V. Kế toán trưởng

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Vũ Minh Công	30/01/1979	Cử nhân Kinh tế	04/01/2022	

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Năm 2023, Tổng công ty cử cán bộ quản lý tham dự các khóa đào tạo, hội thảo do Tập đoàn tổ chức, cụ thể như sau:

- Chương trình đào tạo “Lãnh đạo tầm vóc” theo quyết định số 2290/QĐ-DKVN ngày 10/4/2023 và Quyết định số 3969/QĐ-DKVN ngày 05/6/2023 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Nhà lãnh đạo dẫn dắt trong thế giới biến động theo Quyết định số 626/QĐ-DKVN ngày 09/2/2023 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Hội thảo chuyên môn về công tác kiểm soát tại các đơn vị năm 2023 theo công văn số 3772/DKVN-HĐTV ngày 07/6/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn DKVN

- Khóa học Chứng nhận thành viên Hội đồng quản trị theo thông báo số 6745/DKVN-QTNL ngày 13/10/2023.

- Khóa học tổng quan về ESG và những vấn đề đặt ra với PVN và các đơn vị thành viên theo QĐ số 6239/QĐ-DKVN ngày 21/9/2023

- Đề án xây dựng khung Quản trị rủi ro của Công ty mẹ PVN.

- Chương trình chuyển đổi số dành cho lãnh đạo quản lý nâng cao.

- Khóa bồi dưỡng kiến thức QP&AN theo Quyết định số 6569/QĐ-DKVN ngày 06/10/2023.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Năm 2023) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:

1. Danh sách về người có liên quan của công ty:

Tại Phụ lục mẫu số PVX-MS3 đính kèm.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có.

4.2. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Tại Phụ lục mẫu số PVX-MS3 đính kèm

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết: Không có.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD PetroCons;
- Ban TCKT&KT, TCHC PetroCons;
- Người công bố thông tin của TCT;
- Lưu VT, HĐQT.

nam

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Nghiêm Quang Huy

**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ KÈM THEO BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY
THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 MỤC VII PHỤ LỤC V BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 96/2020/TT-BTC**

Mã chứng khoán:

PVX

Tên Công ty:

Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày chốt:

31/12/2023

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
1	Nghiêm Quang Huy		1						0	0.00%	
1.1	Nguyễn Thị Quyên								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Mẹ đẻ
1.1	Nguyễn Hoàng Trinh								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Vợ
1.2	Nghiêm Anh Duy								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Con
1.3	Nghiêm Anh Khôi								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - con Lý do không có NSH : còn nhỏ
1.4	Nghiêm Quỳnh Chi								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Chị gái
1.5	Trần Tuấn Anh								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Anh rể
1.6	Nguyễn Thị Uyên								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Mẹ vợ
2	Trần Hải Bằng		2						0	0.00%	
2.1	Trần Thị Hương Lan								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Vợ
2.2	Trần Hải Hà								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Con
2.3	Trần Minh Đức								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
2.4	Trần Khánh Vy								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
2.5	Trần Thị Anh Thư								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Chị gái
2.6	Trần Thị Thúy								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Chị gái

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
2.7	Trần Thị Ngân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Chị gái
2.8	Trần Thị Ngoan								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Chị gái
2.9	Trần Thị Huyền								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Chị gái
2.1	Phạm Thị My								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Mẹ vợ
2.11	Trần Thanh Hải								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Anh rể
2.12	Trần Đình Phiếu								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Anh rể
2.13	Mai Văn Việt								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Anh rể
2.14	Trần Minh Thu								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Anh rể
3	Chu Thanh Hải		2						0	0.00%	
3.1	Chu Như Đàm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Điềm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Mẹ đẻ
3.3	Trịnh Thị Kim Huyền								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Mẹ vợ
3.4	Ngô Thu Hoài								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Vợ
3.5	Chu Thái An								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Con
3.6	Chu An Khang								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Con do không có NSH : còn nhỏ
3.7	Chu Thị Việt Giang								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Chị gái
3.8	Trần Văn Việt								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Anh rể
3.9	Chu Thanh Quân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - em trai
3,10	Hoàng Thị Hương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - em dâu
4	Phạm Văn Khánh		2						0	0.00%	
4.1	Nguyễn Thị Hồng Hà								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh - Vợ
4.2	Phạm Việt Anh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh - Con

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
4.3	Phạm Hồng Anh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh - Con
4.4	Nguyễn Văn Việt								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh - Bố vợ
4.5	Nguyễn Thị Hồng Quế								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh - Mẹ vợ
4.6	Trần Thị Cúc								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh -con dâu
4.7	Trần Anh Tú								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh -con rể
5	Nguyễn Hoài Nam		2						0	0.00%	
5.1	Lê Thị Bích Đợc								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam - Mẹ đẻ
5.2	Bùi Tuyết Nga								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam - Mẹ vợ
5.3	Đặng Thị Tuyết Nhung								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam - Vợ
5.4	Nguyễn Đặng Bảo Tâm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam - Con gái
5.5	Nguyễn Minh Sơn								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
5.6	Nguyễn Thúy Hằng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam -Em gái
5.7	Phạm Đức Dương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam -Em rể
6	Phan Tử Giang		3-4						0	0.00%	Người nội bộ
6.1	Phan Tử Diên								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phan Tử Giang -Bố đẻ
6.2	Ngô Cẩm Na								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phan Tử Giang - vợ
6.3	Phan Tử Anh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phan Tử Giang -con
6.4	Phan Tử Ý An								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phan Tử Giang -con

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
6.5	Trần Thị Hợi								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phan Tử Giang -Mẹ vợ
6.6	Phan Duệ Thanh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phan Tử Giang -em gái
7	Nguyễn Văn Đồng		5						0	0.00%	Người nội bộ
7.1	Nguyễn Thị Hạnh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Đồng -Chị gái
7.2	Nguyễn Thị Phúc								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Đồng -Chị gái
7.3	Lê Thị Hải Yến								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Đồng -Vợ
7.4	Nguyễn Thị Hoài Thu								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Đồng -Con đẻ
7.5	Nguyễn Thị Mỹ Linh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Đồng -Con đẻ
7.6	Trần Thị Chất								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Đồng -Mẹ vợ
7.7	Ngô Cư An								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Đồng -Anh rể
7.8	Nguyễn Tuấn Hoàng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Đồng -Con rể
7.9	Lê Quang Thái								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Đồng -con rể
8	Bùi Sơn Trường		5						0	0.00%	Người nội bộ
8.1	Bùi Đăng Sơn								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - Bố đẻ
8.2	Bùi Thị Sâm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - mẹ đẻ
8.3	Đào Thị Hà Ninh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - vợ
8.4	Bùi Trường An								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - con
8.5	Bùi Trường Minh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - con
8.6	Bùi Thị Hương Giang								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường -em gái
8.7	Bùi Thị Hồng Hà								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường -em gái
8.8	Bùi Thị Bích Hương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường -em gái
8.9	Trần Thị Đan								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường -Mẹ vợ

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
8.1.0	Ngô Quốc Hùng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - Em rể
8.1.1	Phạm Sỹ Hùng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - Em rể
9	Nguyễn Trung Trí		5						0	0.00%	Người nội bộ
9.1	Phạm Thị Thu								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Trung Trí - Mẹ đẻ
9.2	Nguyễn Trung Nhân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Trung Trí - Anh trai
9.3	Lê Trần Phương Dao								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Trung Trí - Vợ
9.4	Nguyễn Lê Thiên Ý								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Trung Trí - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
9.5	Nguyễn Trung Hưng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Trung Trí - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
10	Vũ Mạnh Quang		5						0	0.00%	Người nội bộ
10.1	Vũ Mạnh Đăng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Mạnh Quang - Bố đẻ
10.2	Nguyễn Thị Nguyệt								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Mạnh Quang - Mẹ đẻ
10.3	Nguyễn Văn Cừ								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Mạnh Quang - Bố vợ
10.4	Nguyễn Thu Hương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Mạnh Quang - Vợ
10.5	Vũ Hương Linh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Mạnh Quang - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
10.6	Vũ Quang Ngọc								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Mạnh Quang - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
10.7	Vũ Thị Kim Dung								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Mạnh Quang - Em gái
10.8	Vũ Mạnh Dương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Mạnh Quang - Em trai
10.9	Phan Văn Ánh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Mạnh Quang - Em rể
10.1.0	Nguyễn Thị Kim Dung								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Mạnh Quang - Em dâu
11	Hoàng Quyết Thắng		5						0	0.00%	Người nội bộ

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
11.1	Hoàng Kim Chung								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- Bố đẻ
11.2	Cao Thị Ngát								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- Mẹ đẻ
11.3	Lê Quang Trung								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- Bố vợ
11.4	Phan Thị Lâm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- Mẹ vợ
11.5	Hoàng Tiến Dũng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- Anh trai
11.6	Nguyễn Thị Tuyền								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- chị dâu
11.7	Hoàng Quyết Tiến								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- anh trai
11.8	Trần Thị The								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- chị dâu
11.9	Lê Trung Thành								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- em vợ
11.10	Đào Xuân Nguyên								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- em rể
11.11	Hoàng Thị Bích Thủy								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- Em gái
11.12	Lê Phan Thủy Trinh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng- vợ
11.13	Hoàng Lê Gia Huy								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
11.14	Hoàng Lê Gia Minh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
11.15	Hoàng Lê Gia Hưng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
11.16	Hoàng Lê Gia Mẫn								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hoàng Quyết Thắng - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
12	Phạm Trung Kiên		5						0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên -
10.1	Phạm Huy Học								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên -
10.2	Nguyễn Thị Nhẫn								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - Bố đẻ
10.3	Nguyễn Thành An								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - Mẹ đẻ

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
10.4	Trần Thị Hiến								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - Vợ
10.5	Nguyễn Thị Hải Ngọc								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - vợ
10.6	Phạm Ngọc My								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - con đẻ
10.7	Phạm Ngọc Mai								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - con đẻ Lý do không có NSH : còn nhỏ
10.8	Phạm Huy Khánh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - con đẻ Lý do không có NSH : còn nhỏ
10.9	Phạm Trung Định								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - em ruột
10.10	Hà Thị Bích Ngọc								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - em dâu
13	Hứa Xuân Nam		7						0	0.00%	
13.1	Hứa Kông Luân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Anh trai
13.2	Hứa Thị Hương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Chị gái
13.3	Hứa Thị Lịch								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Chị gái
13.4	Hứa Văn Sáng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Em trai
13.5	Hứa Xuân Sinh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Em trai
13.6	Hoàng Đỗ Thanh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Vợ
13.7	Hứa Anh Quân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Con trai
13.8	Hứa Hoàng Bảo Ngân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Con gái
13.9	Nguyễn Văn Thêm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Anh rể
13.10	Dương Thanh Bình								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Anh rể
13.11	Đỗ Thị Hồng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Mẹ vợ
13.14	Đào Thị Thanh Nga								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Chị Dâu
13.15	Ngô Thị Hoàng Anh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - em dâu
13.16	Nguyễn Thúy An								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - em Dâu
14	Phùng Văn Sỹ		8						0	0.00%	

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
14.1	Nguyễn Thị Ngọc Dung								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Vợ
14.2	Phùng Thế Quang								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
14.3	Phùng Tất Quý								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
14.4	Nguyễn Thị Vân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Mẹ đẻ
14.5	Phùng Đức Dũng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Anh ruột
14.6	Lê Thị Hoa								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Chị dâu
14.7	Nguyễn Ngọc Vệ								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Bố vợ
14.8	Trần Thị Thịnh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Mẹ vợ
15	Nguyễn Ngọc Cương		8						0	0.00%	
15.1	Nguyễn Ngọc Cấn								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Bố đẻ
15.2	Đoàn Thị Hào								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Bố đẻ
15.3	Phạm Văn Phi								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Bố vợ
15.4	Nguyễn Thị Nhâm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - mẹ vợ
15.5	Phạm Việt Nga								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Vợ
15.6	Nguyễn Ngọc Tùng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Con trai
15.7	Nguyễn Ngọc Lam Anh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
15.8	Nguyễn Ngọc Phương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Em trai
15.9	Nguyễn Ngọc Hà								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Em trai
15.10	Nguyễn Thị Việt Hoa								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Em dâu
15.11	Đông Thị Huyền								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Em dâu
16	Vũ Minh Công		6						0	0.00%	

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
16.1	Vũ Quang Chiêu								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - Bố đẻ
16.2	Trịnh Thị Chiến								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - Mẹ đẻ
16.3	Đồng Thị Thanh Nhã								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - Vợ
16.4	Vũ Quang Vinh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
16.5	Vũ Thị Lan Phương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - Chị gái
16.6	Trần Ngọc Đôn								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - anh rể
16.7	Vũ Anh Đức								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - em trai
16.8	Đặng Thị Nhuận								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - Mẹ vợ
17	Nguyễn Phương Nam	058C88382	9,12						0	0.00%	
17.1	Trần Thanh Hằng	A05183							0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Vợ
17.2	Nguyễn Hà Thu								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
17.3	Nguyễn Minh Thành								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
17.4	Nguyễn Văn Phong								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Bố đẻ
17.5	Phan Bích Vân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Mẹ đẻ
17.6	Vũ Thị Hồng Hạnh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Mẹ vợ
17.7	Trần Văn Thọ								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Bố vợ
17.8	Nguyễn Ngọc Linh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - em trai
17.9	Vũ Mai Phương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - em dâu
18	Ngô Thị Thu Hoài	011C128829 014C506116	10						0	0.00%	
18.1	Vũ Thị Dung								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - Mẹ đẻ
18.2	Nguyễn Khánh Vy								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - con đẻ
18.3	Nguyễn Hồng Anh								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - con đẻ

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
18.4	Ngô Thị Huệ								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - em gái
18.5	Trịnh Vương Thuận								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - em rể
18.6	Ngô Quốc Trường								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - em trai
18.7	Phan Thị Kiều Oanh								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - em dâu

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

mauw

Nghiêm Quang Huy

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TÓNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 47
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 47

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Phan Tử Giang	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 tháng 2023)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 tháng 2023)

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Quốc Hoàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2023, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.770,05 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 4.032,66 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 299,09 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2023 là 575,67 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2023 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

3. Tại ngày 31/12/2023, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 14) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2023 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là khoảng 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng lần lượt là 779,04 tỷ VND và 714,41 tỷ VND, các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (Thuyết minh số 4). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31/12/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.733.573.097.802 ✓	3.908.258.480.331
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	250.481.504.058 ✓	415.096.736.295
111	1. Tiền		210.481.504.058	330.096.736.295
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	85.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	206.237.960.000 ✓	205.955.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.600.000.000	14.600.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		205.522.960.000	205.240.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.719.777.240.475 ✓	1.925.152.443.801
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.439.645.450.279	1.637.732.124.817
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	576.070.790.736	586.305.073.950
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	356.277.576.669
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	273.544.789.764	271.167.413.351
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(925.885.731.823)	(927.054.733.012)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		724.988.026	724.988.026
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.437.002.007.370 ✓	1.267.607.841.830
141	1. Hàng tồn kho		1.452.198.633.493	1.289.512.278.558
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(15.196.626.123)	(21.904.436.728)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		120.074.385.899	94.446.458.405
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	187.369.949	328.319.950
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		98.532.775.720	72.763.761.825
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	21.354.240.230	21.354.376.630

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		729.650.313.157	864.204.468.424
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.893.210.988	22.893.210.988
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	22.893.210.988	22.893.210.988
220	II. Tài sản cố định		12.227.372.972	13.165.298.568
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	11.782.372.970	13.106.498.568
222	- Nguyên giá		76.547.420.220	77.722.722.271
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(64.765.047.250)	(64.616.223.703)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	445.000.002	58.800.000
228	- Nguyên giá		5.505.180.340	5.005.180.340
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.060.180.338)	(4.946.380.340)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	14	158.163.600.046	158.163.600.046
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		24.471.433.315	24.471.433.315
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		133.692.166.731	133.692.166.731
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	528.475.777.109	660.321.608.352
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.384.909.968.398	1.384.909.968.398
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		735.449.467.055	735.449.467.055
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		191.595.000.000	191.595.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.783.478.658.344)	(1.651.632.827.101)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.890.352.042	9.660.750.470
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	7.890.352.042	9.660.750.470
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>4.463.223.410.959</u>	<u>4.772.462.948.755</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.155.819.050.405	4.302.405.826.463
310	I. Nợ ngắn hạn		4.032.660.730.737	4.177.799.665.243
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.679.520.818.552	2.593.945.043.430
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	168.355.667.015	162.474.041.184
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.047.920.226	16.827.115.304
314	4. Phải trả người lao động		16.533.484.203	16.658.443.370
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	118.341.799.657	305.867.455.984
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.511.477.908	1.511.477.908
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	409.694.709.563	398.164.426.689
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	642.936.064.686	689.632.872.447
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
330	II. Nợ dài hạn		123.158.319.668	124.606.161.220
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	71.064.369.884	71.064.369.884
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	52.080.093.597	53.527.935.149
337	3. Phải trả dài hạn khác	20	13.856.187	13.856.187
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		307.404.360.554	470.057.122.292
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	307.404.360.554	470.057.122.292
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(29.710.000)	(29.710.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		76.986.992.734	76.986.992.734
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		500.000.000	500.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.770.052.922.180)	(3.607.400.160.442)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.607.400.160.442)	(3.659.702.617.654)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(162.652.761.738)	52.302.457.212
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.463.223.410.959	4.772.462.948.755



Vũ Thị Châm
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	731.970.173.839	1.258.874.858.362
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		731.970.173.839	1.258.874.858.362
11	3. Giá vốn hàng bán	25	700.964.919.513	1.122.495.037.475
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.005.254.326	136.379.820.887
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	26	31.977.257.307	24.144.439.157
22	6. Chi phí tài chính	27	172.826.932.385	84.905.890.274
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.021.998.667	10.522.643.769
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	50.518.423.765	20.632.548.720
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(160.362.844.517)	54.985.821.050
31	9. Thu nhập khác	29	1.789.186.097	4.513.371.880
32	10. Chi phí khác	30	4.079.103.318	6.498.793.473
40	11. Lợi nhuận khác		(2.289.917.221)	(1.985.421.593)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(162.652.761.738)	53.000.399.457
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	-	697.942.245
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>(162.652.761.738)</u>	<u>52.302.457.212</u>

Vũ Thị Châm
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(162.652.761.738)	53.000.399.457
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.476.915.596	1.964.921.256
03	- Các khoản dự phòng		123.969.019.449	31.406.612.447
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(740.448.665)	8.211.659.911
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.159.924.965)	(15.556.581.525)
06	- Chi phí lãi vay		12.021.998.667	10.522.643.769
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(40.085.201.656)	89.549.655.315
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		181.545.861.058	210.959.568.463
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(162.686.354.935)	(163.246.209.293)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(106.342.269.013)	10.281.345.255
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.911.348.429	462.000.094
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.690.312.074)	(6.949.908.606)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(697.942.245)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.270.000.000	13.503.700.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.068.336.810)	(14.349.142.437)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(133.145.265.001)	139.513.066.546
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(538.990.000)	(36.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		64.545.449	6.161.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(282.960.000)	(35.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		600.623.176	70.605.749.170
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.339.855.288
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.633.127.799	8.995.784.101
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		15.476.346.424	55.066.843.104
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		127.280.500.855	191.365.828.550
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(173.977.308.616)	(187.154.441.718)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(46.696.807.761)	4.211.386.832

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(164.365.726.338)	198.791.296.482
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		415.096.736.295	219.805.568.506
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(249.505.899)	(3.500.128.693)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>250.481.504.058</u>	<u>415.096.736.295</u>

Vũ Thị Châm
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

* Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: 4.000.000.000.000 VND

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 161 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 229 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Việc áp dụng tỷ lệ lỗ gộp trên được thực hiện bắt đầu từ đầu năm 2022 và chênh lệch giá vốn lũy kế do áp dụng tỷ lệ lỗ gộp cũ (là 1,28%) đã được hạch toán điều chỉnh vào chỉ tiêu Giá vốn hàng bán trong năm 2022. Điều này là nguyên nhân khiến cho tỷ lệ lãi gộp năm nay giảm mạnh so với năm trước. Ngoài ra, Tổng Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào một số Công ty con, công ty liên kết dẫn tới chi phí tài chính tăng mạnh so với năm trước. Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm nay bị lỗ 162,65 tỷ VND, trong khi năm trước có lãi hơn 52,3 tỷ VND.

Áp dụng giá định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 31/12/2023, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.770,05 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 4.032,66 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 299,09 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2023 là 575,67 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2023 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Thái Bình	Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch	Hà Tĩnh	Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng - Quảng Trạch
Ban điều hành các dự án PVC phía Nam	Tp Hồ Chí Minh	Quản lý dự án
Ban điều hành các dự án Nhà máy xử sọt tổng hợp Polyester	Hải Phòng	Quản lý dự án
Ban điều hành các dự án Nhà máy Etanol Phú Thọ	Phú Thọ	Quản lý dự án
Chi nhánh phía Bắc	Hà Nội	Xây lắp

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

Khả năng so sánh của thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Các thông tin trên báo cáo tài chính riêng đã được Tổng Công ty trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tổng Công ty và các Công ty con.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính riêng/báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
- Phần mềm quản lý	3 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí tiền thuê văn phòng trả trước được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê trong hợp đồng.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

2.20 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty do Tổng Công ty công bố đồng thời báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2.25 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.118.593.740	639.035.152
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	209.362.910.318	329.457.701.143
Các khoản tương đương tiền (i)	40.000.000.000	85.000.000.000
	<u>250.481.504.058</u>	<u>415.096.736.295</u>

(i) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 40.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất từ 2,3% - 2,9%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 31/12/2023, các đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 205.522.960.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất 4% - 4,9% %/năm đang được cầm cố cho các khoản vay tại các Ngân hàng này (Xem thuyết minh 21).

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu				
- Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
	<u>14.600.000.000</u>	<u>(13.885.000.000)</u>	<u>14.600.000.000</u>	<u>(13.885.000.000)</u>

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2023			01/01/2023		
		Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con		1.384.909.968.398	(921.065.505.382)		1.384.909.968.398	(789.975.669.903)	
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình		325.000.000.000	(233.435.186.854)	72,22%	325.000.000.000	(208.581.376.657)	72,22%
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PXS	286.227.385.833	(225.773.665.949)	50,97%	286.227.385.833	(144.721.499.173)	50,97%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn		170.000.000.000	(32.751.904.599)	52,56%	170.000.000.000	(32.994.755.947)	52,56%
- Công ty CP Dầu khí Đông Đô	PFL	195.150.582.565	(117.799.821.111)	34,87%	195.150.582.565	(115.921.837.569)	34,87%
- Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	PXC	153.532.000.000	(153.532.000.000)	53,44%	153.532.000.000	(153.532.000.000)	53,44%
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	PXI	153.000.000.000	(83.591.547.262)	51,00%	153.000.000.000	(59.526.862.517)	51,00%
- Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PXT	102.000.000.000	(74.181.379.607)	51,00%	102.000.000.000	(74.697.338.040)	51,00%
Đầu tư vào công ty liên kết		735.449.467.055	(702.336.100.042)		735.449.467.055	(701.580.104.278)	
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	83.271.467.055	(83.271.467.055)	24,72%	83.271.467.055	(83.271.467.055)	24,72%
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		58.050.000.000	(26.636.395.483)	42,46%	58.050.000.000	(25.880.399.719)	42,46%
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	75.600.000.000	(75.600.000.000)	36,00%	75.600.000.000	(75.600.000.000)	36,00%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	72.400.000.000	(72.400.000.000)	48,27%	72.400.000.000	(72.400.000.000)	48,27%
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	PVA	54.395.000.000	(54.395.000.000)	22,64%	54.395.000.000	(54.395.000.000)	22,64%
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)		57.000.000.000	(57.000.000.000)	43,16%	57.000.000.000	(57.000.000.000)	43,16%
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (i)		200.000.000.000	(200.000.000.000)	40,00%	200.000.000.000	(200.000.000.000)	40,00%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (i)		107.500.000.000	(107.500.000.000)	35,83%	107.500.000.000	(107.500.000.000)	35,83%
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí (i)	PID	19.993.000.000	(19.993.000.000)	49,98%	19.993.000.000	(19.993.000.000)	49,98%
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC (i)		3.740.000.000	(3.740.000.000)	44,00%	3.740.000.000	(3.740.000.000)	44,00%
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		3.500.000.000	(1.800.237.504)	35,05%	3.500.000.000	(1.800.237.504)	35,05%
Các khoản đầu tư khác		191.595.000.000	(160.077.052.920)		191.595.000.000	(160.077.052.920)	
- Công ty CP Xi măng Hạ Long		147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%	147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (i)		23.500.000.000	(11.288.806.120)	15,67% (*)	23.500.000.000	(11.288.806.120)	15,67% (*)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (i)		12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%	12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (i)		3.000.000.000	-	3,99%	3.000.000.000	-	3,99%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (i)		2.795.000.000	-	5,00%	2.795.000.000	-	5,00%
- Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (i)		2.500.000.000	-	10,00%	2.500.000.000	-	10,00%
		2.311.954.435.453	(1.783.478.658.344)		2.311.954.435.453	(1.651.632.827.101)	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con:

Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí với giá trị là 153,5 tỷ VND căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 tự lập và chưa được kiểm toán của Công ty này.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác:

Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư tài chính trên dựa theo các căn cứ sau:

Đơn vị	Căn cứ trích lập dự phòng	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Khoản đầu tư đã thu thập được Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán		148.000.000.000	(148.000.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	BCTC tại ngày 31/12/2023 đã kiểm toán	75.600.000.000	(75.600.000.000)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	BCTC tại ngày 31/12/2023 đã kiểm toán	72.400.000.000	(72.400.000.000)
Các khoản đầu tư chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán		779.044.467.055	(714.413.152.962)
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	BCTC tại ngày 31/12/2023 tự lập	54.395.000.000	(54.395.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	BCTC tại ngày 31/12/2021 đã kiểm toán	83.271.467.055	(83.271.467.055)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	BCTC tại ngày 31/12/2022 đã kiểm toán	58.050.000.000	(26.636.395.483)
- Công ty CP Xi măng Hạ Long	BCTC tại ngày 31/12/2022 đã kiểm toán	147.300.000.000	(147.300.000.000)
- Các đơn vị còn lại (i)	BCTC gần nhất thu thập được (i)	436.028.000.000	(402.810.290.424)

(i) Tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của các công ty này.

(*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và
- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương") mà hiện nay cũng đang là chủ thể đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất nêu trên.

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;
- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này Tổng Công ty đã thống nhất với Mai Phương để thuê tổ chức độc lập thực hiện định giá lô đất và Tổng Công ty đang làm việc với PVC Kinh Bắc để xác định lại tỷ lệ góp vốn.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31/12/2023 như sau:

Công ty con

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	46,51%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đông Đô	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00%	51,00%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00%	51,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

Công ty liên kết				
Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Hà Nội	40,00%	40,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	35,83%	35,83%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72%	24,72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	42,46%	42,46%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	36,00%	36,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Đà Nẵng	48,27%	48,27%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	35,01%	43,16%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	22,64%	22,64%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	49,98%	49,98%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	44,00%	44,00%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Hà Nội	97,22%	35,05%	Truyền thông và thương mại

Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro - link) tại ngày 31/12/2023 là 97,22% tuy nhiên tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 35%, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định và trình bày khoản đầu tư vào Petro - link là đầu tư vào công ty liên kết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm xi măng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	15,67%	15,67%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Bình	3,99%	3,99%	Xây dựng dân dụng, đầu tư, kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng...
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Nam Định	5,00%	5,00%	Tư vấn thi công xây dựng
Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Tư vấn thi công xây dựng

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.050.512.879.774	-	1.200.174.933.455	-
Viện Dầu khí Việt Nam	42.686.383.664	(747.531.048)	32.854.230.083	(747.531.048)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.451.422.013	(91.451.422.013)	91.683.988.145	(91.665.699.713)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	41.635.737.524	(14.648.480.719)	48.467.434.602	(13.900.997.283)
Các khoản phải thu khách hàng khác	213.359.027.304	(91.055.637.019)	264.551.538.532	(91.055.637.020)
	1.439.645.450.279	(197.903.070.799)	1.637.732.124.817	(197.369.865.064)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	113.386.879.741	(17.856.157.637)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Các đối tượng khác	353.818.992.219	(202.542.234.602)	364.053.275.433	(202.542.234.608)
	576.070.790.736	(329.263.311.015)	586.305.073.950	(329.263.311.021)

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ii)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	16.922.614.402	(5.461.481.792)	-	600.623.176	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	356.277.576.669	(269.172.594.062)	-	600.623.176	355.676.953.493	(269.172.594.052)

- (i) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.
- (ii) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần;

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank, thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	9.575.961.408	(9.575.961.408)	10.658.775.000	(10.658.775.000)
Phải thu về tạm ứng	9.116.121.205	(980.806.391)	8.813.816.517	(795.806.391)
Ký cược, ký quỹ	409.275.926	-	419.275.926	-
Phải thu khác	254.443.431.225	(118.989.988.158)	251.275.545.908	(119.794.381.474)
- <i>Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)</i>	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
- <i>Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả</i>	103.642.031.545	(27.733.568.215)	98.342.190.862	(28.298.568.215)
- <i>Các khoản khác</i>	108.031.084.855	(48.927.570.968)	110.163.040.221	(49.166.964.284)
	273.544.789.764	(129.546.755.957)	271.167.413.351	(131.248.962.865)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	22.893.210.988	-	22.893.210.988	-
	22.893.210.988	-	22.893.210.988	-

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 33).

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	208.459.768.132	-	208.674.045.832	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	128.357.292.532	-	128.357.292.532	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.739.518.828	-	75.739.518.828	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	44.766.872.297	13.993.969.679	42.875.884.022	12.249.841.663
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	55.539.737.388	-	55.539.737.388	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	43.977.863.758	6.714.619.343	43.977.863.758	6.714.619.343
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Vinaconex 39	35.925.998.583	1.057.959.818	35.925.998.583	1.057.959.818
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	30.495.449.099	100.965.000	30.495.449.099	100.965.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	18.265.262.039	-	18.265.262.039	-
Các đối tượng khác	96.547.154.620	12.897.644.700	97.549.091.317	12.797.997.649
	1.036.294.740.360	110.409.008.537	1.035.619.966.482	108.565.233.470

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.825.344.133	-	1.825.344.133	-
Công cụ, dụng cụ	431.700.000	-	431.700.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.426.114.048.541	-	1.252.954.247.697	-
Hàng hoá	23.827.540.819	(15.196.626.123)	34.300.986.728	(21.904.436.728)
	1.452.198.633.493	(15.196.626.123)	1.289.512.278.558	(21.904.436.728)

Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	1.158.830.163.123	982.883.352.724
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (i)	245.057.868.468	245.057.868.468
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (ii)	12.883.135.080	13.568.343.859
Các công trình khác	9.342.881.870	11.444.682.646
	<u>1.426.114.048.541</u>	<u>1.252.954.247.697</u>

(i) Các công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 34 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(ii) Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1

- Địa điểm xây dựng: Ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;
- Chủ đầu tư: Chủ đầu tư là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký kết hợp đồng 2348/HĐ-DKVN ngày 10/04/2015 EPC với Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành viên;
- Đơn vị là nhà thầu phụ cho Tổng thầu theo Hợp đồng số C15/SH1-LLM-PVC gói thầu thi công các hạng mục xây dựng;
- Tổng giá trị hợp đồng: 2.555.445.781.034 VND (sau thuế);
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Thời gian bắt đầu năm 2016, thời gian kết thúc dự kiến 2018;
- Đến nay dự án đã hoàn thành và đang chờ quyết toán.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	17.250.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	187.369.949	311.069.950
	<u>187.369.949</u>	<u>328.319.950</u>
b) Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng (i)	6.777.404.290	8.082.426.971
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.112.947.752	1.578.323.499
	<u>7.890.352.042</u>	<u>9.660.750.470</u>

(i) Chi phí trả trước về tiền thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng toà nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08/01/2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH San Nam.

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	18.569.727.102	20.224.016.846	27.571.384.270	11.357.594.053	77.722.722.271
- Mua trong năm	-	-	-	38.990.000	38.990.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(128.129.990)	-	(1.086.162.061)	(1.214.292.051)
Số dư cuối năm	18.569.727.102	20.095.886.856	27.571.384.270	10.310.421.992	76.547.420.220
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.011.605.899	19.258.255.475	27.224.529.560	11.121.832.769	64.616.223.703
- Khấu hao trong năm	740.235.444	169.008.238	346.854.710	107.017.206	1.363.115.598
- Thanh lý, nhượng bán	-	(128.129.990)	-	(1.086.162.061)	(1.214.292.051)
Số dư cuối năm	7.751.841.343	19.299.133.723	27.571.384.270	10.142.687.914	64.765.047.250
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	11.558.121.203	965.761.371	346.854.710	235.761.284	13.106.498.568
Tại ngày cuối năm	10.817.885.759	796.753.133	-	167.734.078	11.782.372.970

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 58.714.858.636 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 55.420.801.596 VND).



13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phản mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	5.005.180.340	5.005.180.340
- Mua trong năm	500.000.000	500.000.000
Số dư cuối năm	5.505.180.340	5.505.180.340
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	4.946.380.340	4.946.380.340
- Khấu hao trong năm	113.799.998	113.799.998
Số dư cuối năm	5.060.180.338	5.060.180.338
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	58.800.000	58.800.000
Tại ngày cuối năm	445.000.002	445.000.002

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5.005.180.340 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 4.652.380.340 VND).

14 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án Nhà máy Xơ sợi	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	7.329.825.521	1.618.216.162	7.329.825.521	1.618.216.162
	71.051.054.915	24.471.433.315	71.051.054.915	24.471.433.315

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	127.973.080.823	127.973.080.823
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)	1.835.100.923	1.835.100.923
	133.692.166.731	133.692.166.731

- (ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCDN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng Công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND Tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

- (iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim	1.021.927.357.960	1.021.927.357.960	952.693.445.386	952.693.445.386
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	290.662.562.403	290.662.562.403	367.417.252.017	367.417.252.017
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	177.207.065.265	177.207.065.265	177.049.565.265	177.049.565.265
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	73.096.041.436	73.096.041.436	94.467.329.478	94.467.329.478
Tập đoàn Sojitz	139.552.763.255	139.552.763.255	135.609.626.210	135.609.626.210
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	138.384.094.434	138.384.094.434	-	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	57.924.311.377	57.924.311.377	58.374.311.377	58.374.311.377
Các đối tượng khác	780.766.622.422	780.766.622.422	808.333.513.697	808.333.513.697
	<u>2.679.520.818.552</u>	<u>2.679.520.818.552</u>	<u>2.593.945.043.430</u>	<u>2.593.945.043.430</u>

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	55.897.285.149	50.009.054.320
Các đối tượng khác	29.679.905.967	29.686.510.965
	<u>168.355.667.015</u>	<u>162.474.041.184</u>

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	26.600.011	9.327.092.916	15.445.231	9.342.037.897	26.600.011	500.250
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	6.501.308	6.501.308	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	-	21.256.556.285	-
Thuế thu nhập cá nhân	51.181.911	1.601.761.685	2.395.523.564	2.751.091.097	51.045.511	1.246.057.752
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.167.033.962	171.030.788	-	996.003.174
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.635.334.215	6.800.015.483	9.776.752.053	-	658.597.645
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	783.720	2.262.926.488	288.243.215	2.404.408.298	783.720	146.761.405
	21.354.376.630	16.827.115.304	10.672.762.763	24.451.821.441	21.354.240.230	3.047.920.226

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	113.229.848.569	300.265.278.645
Chi phí phải trả khác	5.111.951.088	5.602.177.339
	<u>118.341.799.657</u>	<u>305.867.455.984</u>
b) Dài hạn		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	71.064.369.884	71.064.369.884
	<u>71.064.369.884</u>	<u>71.064.369.884</u>

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	1.511.477.908	1.511.477.908
	<u>1.511.477.908</u>	<u>1.511.477.908</u>
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	52.080.093.597	53.527.935.149
	<u>52.080.093.597</u>	<u>53.527.935.149</u>

(i) Trong đó bao gồm: 42.996.289.426 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.393 VND. Sau tháng 12 năm 2014 dự án có chủ trương bàn giao về cho UBND tỉnh Tiền Giang đến nay vẫn chưa hoàn thành (xem thuyết minh số 14) do đó Tổng Công ty vẫn chưa làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

20 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.356.218.552	978.164.226
Bảo hiểm xã hội	173.593.017	57.116.800
Bảo hiểm y tế	106.448.912	78.930.306
Bảo hiểm thất nghiệp	54.110.669	51.153.179
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	408.001.338.413	396.996.062.178
- Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	162.596.140.733	152.399.613.457
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
- Các đối tượng khác	53.363.953.678	52.555.204.719
	<u>409.694.709.563</u>	<u>398.164.426.689</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.856.187	13.856.187
	<u>13.856.187</u>	<u>13.856.187</u>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 33.

(ii) Lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/ năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 21. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iii) Trong đó bao gồm 42,22 tỷ VND là khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

21 VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn (i)						
Vay ngắn hạn	110.411.790.312	110.411.790.312	127.280.500.855	170.426.383.603	67.265.907.564	67.265.907.564
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	579.221.082.135	579.221.082.135	-	3.550.925.013	575.670.157.122	575.670.157.122
	<u>689.632.872.447</u>	<u>689.632.872.447</u>	<u>127.280.500.855</u>	<u>173.977.308.616</u>	<u>642.936.064.686</u>	<u>642.936.064.686</u>
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn (ii)	579.221.082.135	579.221.082.135	-	3.550.925.013	575.670.157.122	575.670.157.122
	<u>579.221.082.135</u>	<u>579.221.082.135</u>	<u>-</u>	<u>3.550.925.013</u>	<u>575.670.157.122</u>	<u>575.670.157.122</u>
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(579.221.082.135)	(579.221.082.135)		(3.550.925.013)	(575.670.157.122)	(575.670.157.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			-	-

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
						VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (nay là Chi nhánh Hà Đông)	VND	Thả nổi	11 tháng	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp (*)	67.265.907.564	110.411.790.312
						<u>67.265.907.564</u>	<u>110.411.790.312</u>

(*) Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi (Xem thuyết minh số 4).

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
						VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương						575.670.157.122	579.221.082.135
- Hợp đồng số 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 20/10/2010	VND	4,90%	31/12/2017	Đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Tín chấp	200.000.000.000	200.000.000.000
- Hợp đồng số 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	4,90%	31/12/2017	Vay đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	65.000.000.000	65.000.000.000
- Hợp đồng số 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	5,50%	31/12/2017	Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng	Tín chấp	310.670.157.122	314.221.082.135
						575.670.157.122	579.221.082.135
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng						(575.670.157.122)	(579.221.082.135)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						-	-

Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của OceanBank, thời hạn các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
- Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương	575.670.157.122	162.596.140.733	579.221.082.135	152.399.613.457
	575.670.157.122	162.596.140.733	579.221.082.135	152.399.613.457

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.659.702.617.654)	417.754.665.080
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	52.302.457.212	52.302.457.212
Số dư cuối năm trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.607.400.160.442)	470.057.122.292
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.607.400.160.442)	470.057.122.292
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(162.652.761.738)	(162.652.761.738)
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.770.052.922.180)	307.404.360.554



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND		VND	
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	76.986.992.734	76.986.992.734
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	500.000.000	500.000.000
	<u>77.486.992.734</u>	<u>77.486.992.734</u>

23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
USD	8.459.296,60	12.029.668,26

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	9.716.217.233	9.716.217.233

24 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	707.462.488.841	1.234.606.539.683
Doanh thu bán hàng	21.578.119.707	21.074.345.396
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.929.565.291	3.193.973.283
	731.970.173.839	1.258.874.858.362

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	673.229.330.607	1.098.098.301.807
Giá vốn bán hàng	30.821.750.597	20.266.730.380
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.621.648.914	4.130.005.288
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.707.810.605)	-
	700.964.919.513	1.122.495.037.475

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.095.379.516	11.987.789.576
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.908.905.395	12.156.649.581
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	989.954.564	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.983.017.832	-
	31.977.257.307	24.144.439.157

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.021.998.667	10.522.643.769
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	22.312.487.565	1.640.947.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	249.505.899	8.211.659.911
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	131.845.831.243	57.508.365.014
Chi phí tài chính khác	6.397.109.011	7.022.274.446
	172.826.932.385	84.905.890.274

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	36.922.840.500	30.293.830.885
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	344.723.781	336.614.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	769.344.600	1.283.602.505
Thuế, phí và lệ phí	1.129.076.878	346.608.780
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng	(1.169.001.189)	(26.101.752.558)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.911.416.657	9.987.444.397
Chi phí khác bằng tiền	6.610.022.538	4.486.199.754
	<u>50.518.423.765</u>	<u>20.632.548.720</u>

29 THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	64.545.449	3.568.791.949
Tiền phạt được hưởng	1.720.549.012	-
Thu nhập khác	4.091.636	944.579.931
	<u>1.789.186.097</u>	<u>4.513.371.880</u>

30 CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	174.859.081	2.555.795.037
Các khoản khác	3.904.244.237	3.942.998.436
	<u>4.079.103.318</u>	<u>6.498.793.473</u>

31 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(162.652.761.738)	53.000.399.457
Các khoản điều chỉnh tăng	2.994.999.415	7.274.463.170
- Chi phí không được trừ	2.994.999.415	7.274.463.170
Chuyển lỗ các năm trước	-	(60.274.862.627)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(159.657.762.323)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(21.256.556.285)	(21.256.556.285)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	(21.256.556.285)	(21.256.556.285)
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh BĐS	-	3.489.711.225
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	3.489.711.225
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	697.942.245
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ của HĐKD bất động sản	-	(697.942.245)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD BĐS	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(21.256.556.285)	(21.256.556.285)

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.609.770.586	23.619.869.304
Chi phí nhân công	58.553.986.333	58.190.261.707
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.534.943.359	491.890.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.476.915.596	1.772.235.756
Thuế, phí và lệ phí	1.410.022.564	2.216.187.692
Hoàn nhập dự phòng	(1.169.001.189)	(25.465.540.244)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	833.596.119.472	1.239.647.571.286
Chi phí khác bằng tiền	8.338.198.006	5.901.319.642
	931.350.954.727	1.306.373.795.488

33 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm VND	Dư nợ vay quá hạn cuối năm VND	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			155.046.350.336	155.046.350.336	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngày sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023:

(i) Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoản 91 tỷ VND;

(ii) Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoản 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.

Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 kỳ ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty CP Xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại OceanBank - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó thanh tra chính phủ kiến nghị:

- (i) Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối,
- (ii) Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lắp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTCTP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng Công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

34 THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc tập đoàn Dầu Khí Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án của là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty và Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đang đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC. Đồng thời, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng công ty

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLTK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025.

35 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.

36 THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:


	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Hội đồng quản trị		2.258.749.896	2.622.478.923
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	543.276.735	711.573.063
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	249.555.000	337.050.000
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	504.420.370	520.122.405
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	465.736.130	627.780.716
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	495.761.660	425.952.738
Ban Tổng Giám đốc		2.155.452.151	2.867.428.893
Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2024	-	-
Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/01/2024	580.148.335	578.334.951
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	497.083.200	692.554.114
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	484.725.812	649.484.639
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 26/01/2022	-	110.006.864
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc	85.347.000	54.000.000
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/10/2023	76.673.500	-
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/11/2023	102.897.000	54.000.000
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/07/2023	328.577.304	729.048.325
Ban Kiểm soát		502.385.625	666.007.456
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	432.185.625	601.207.456
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát	35.100.000	32.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	35.100.000	32.400.000


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

37 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.


Vũ Thị Châm
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng


Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(đã được kiểm toán)



Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	08 - 60
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 60



Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Phan Tử Giang	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 tháng 2023)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 tháng 2023)

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Quốc Hoàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 08 đến trang 60, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2023, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.005,33 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.503,17 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 787,77 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2023 là 1.063,22 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2023 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

3. Tại ngày 31/12/2023, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2023 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là khoảng 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý IV năm 2023 chưa được kiểm toán (trong đó: Tại ngày 31/12/2023 Tổng tài sản là 15,65 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 192,9 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm lần lượt là 4,23 tỷ VND và âm 8,16 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.
6. Tại ngày 31/12/2023, Công ty mẹ Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 206,31 tỷ VND và 169,709 tỷ VND (dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được). Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.
7. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2023 và tại ngày 31/12/2023 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.
8. Tại ngày 31/12/2023, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty CP Dầu khí Đông Đô bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 57,97 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023: 61,21 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.
9. Tại ngày 31/12/2023, số dư khoản góp vốn của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) vào dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28, đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội" (Dự án Dolphin Plaza) là 27,2 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 27,2 tỷ VND) (Thuyết minh số 16). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản góp vốn đầu tư này hay không.

10. Tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với giá trị lần lượt là 29,17 tỷ VND và 14,25 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với giá trị lần lượt là: 25,53 tỷ VND và 15,51 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2023 là 13,27 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.

11. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi chưa thu thập được dự toán chi phí đã được Hội đồng quản trị Công ty này phê duyệt đối với các dự án: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của doanh thu, giá vốn mà Công ty này đã ghi nhận từ hai dự án này cũng như ảnh hưởng của các số liệu đó tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Các số liệu Công ty này đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cụ thể như sau:

Diễn giải	Lũy kế đến ngày 01/01/2023 VND	Trong năm VND	Lũy kế đến ngày 31/12/2023 VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2			
<i>Doanh thu</i>	798.164.456.646	19.862.921.914	818.027.378.560
<i>Giá vốn</i>	875.269.887.541	23.739.439.239	899.009.326.780
Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam			
<i>Doanh thu</i>	2.529.053.012.156	81.830.424.374	2.610.883.436.530
<i>Giá vốn</i>	2.553.716.068.756	134.272.868.266	2.687.988.937.022
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I			
<i>Doanh thu</i>	68.241.835.342	1.771.439.032	70.013.274.374
<i>Giá vốn</i>	84.136.839.260	1.771.439.032	85.908.278.292

12. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Tại Thuyết minh số 13 của Báo cáo tài chính hợp nhất này đã trình bày việc Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với nguyên giá là 15.166.470.000 VND, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 6.074.334.707 VND. Khu đất này đã được chuyển đổi mục đích đầu tư dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng do chính Công ty làm chủ đầu tư và đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2014. Ngày 24/08/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi khu đất này để cấp lại quyền sử dụng cho các chủ sở hữu thuộc dự án. Trong đó, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc dự án này. Tuy nhiên, Công ty chưa tính giá trị quyền sử dụng đất này vào giá thành của dự án. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

13. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): gói thầu "Thi công 02 chân đế JA&KA thuộc Dự án phát triển mỏ Gallaf 3" đã hoàn thành trong năm 2023, Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn theo kết quả quyết toán vào kết quả kinh doanh năm 2023 với giá trị lần lượt là 55,37 tỷ VND và 120 tỷ VND; lỗ gộp là 64,63 tỷ VND. Tuy nhiên, Công ty không cung cấp được đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá được sự phù hợp về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công trình này đã trích lập trên Báo cáo tài chính năm trước, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

14. Tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,897 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

15. Tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải trả tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với giá trị cùng là: 11,67 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2023 là 106,22 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nào về các báo cáo tài chính này.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÃNG KIỂM TOÁN
AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Duy Quảng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.715.401.378.806	5.170.090.784.717
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	315.530.103.712	561.632.676.583
111	1. Tiền		249.067.219.323	374.444.507.393
112	2. Các khoản tương đương tiền		66.462.884.389	187.188.169.190
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	311.127.549.041	271.344.315.068
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.900.000.000	14.900.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		310.112.549.041	270.329.315.068
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.010.762.321.383	2.266.520.235.339
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.778.603.348.159	2.048.572.941.392
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	580.598.469.744	583.279.284.527
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	356.277.576.669
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	399.325.071.226	378.392.726.266
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.104.319.216.689)	(1.100.879.988.965)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		877.695.450	877.695.450
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.928.609.601.351	1.944.523.515.637
141	1. Hàng tồn kho		2.073.825.706.264	2.106.988.854.021
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(145.216.104.913)	(162.465.338.384)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		149.371.803.319	126.070.042.090
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.138.799.066	4.435.304.412
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		111.859.213.274	86.280.932.151
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	35.373.790.979	35.353.805.527

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.498.227.890.963	1.515.875.875.936
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		31.713.977.662	24.647.144.775
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	12.485.376.511	12.485.376.511
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	31.414.369.209	33.560.998.047
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(12.185.768.058)	(21.399.229.783)
220	II. Tài sản cố định		1.011.122.079.780	1.040.739.070.967
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	752.911.097.840	780.755.945.661
222	- Nguyên giá		1.648.521.708.443	1.632.216.023.937
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(895.610.610.603)	(851.460.078.276)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	258.210.981.940	259.983.125.306
228	- Nguyên giá		284.392.878.902	288.905.440.726
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.181.896.962)	(28.922.315.420)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	77.965.780.369	81.301.732.065
231	- Nguyên giá		101.148.289.217	108.717.372.483
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.182.508.848)	(27.415.640.418)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	136.725.481.822	137.259.386.266
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		25.064.213.539	25.064.213.539
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		111.661.268.283	112.195.172.727
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	69.717.480.211	70.483.753.787
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		33.113.367.012	33.869.362.777
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		206.313.000.000	206.313.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(169.708.886.801)	(169.698.608.990)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		170.983.091.119	161.444.788.076
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	111.621.834.406	103.978.597.428
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34	19.230.752.273	17.335.686.208
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	40.130.504.440	40.130.504.440
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.213.629.269.769	6.685.966.660.653

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.686.992.765.922	5.894.478.674.203
310	I. Nợ ngắn hạn		5.503.169.045.805	5.704.234.711.045
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	3.340.526.731.717	3.326.153.177.700
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	213.715.212.808	192.884.279.788
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	122.243.739.620	140.104.925.637
314	4. Phải trả người lao động		58.835.792.162	56.106.585.285
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	451.822.676.931	609.291.339.401
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	3.181.130.462	2.903.820.933
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	587.654.331.570	575.967.531.145
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	729.443.048.917	801.059.519.538
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	24	-	2.616.500.000
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(4.253.618.382)	(2.852.968.382)
330	II. Nợ dài hạn		183.823.720.117	190.243.963.158
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	71.310.452.285	71.389.452.285
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	52.375.689.485	53.919.875.653
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	1.649.775.187	1.688.588.636
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	38.000.000.000	50.608.800.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	24	20.487.803.160	12.637.246.584
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		526.636.503.847	791.487.986.450
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	526.636.503.847	791.487.986.450
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.831.719.482	6.831.719.482
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.681.220.411	22.681.220.411
415	4. Cổ phiếu quỹ		(29.720.195)	(29.720.195)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		150.859.427.814	150.859.427.814
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		233.648.426	2.162.412.232
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.005.332.783.992)	(3.847.827.273.370)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.845.710.214.787)	(3.894.840.357.730)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(159.622.569.205)	47.013.084.360
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		351.392.991.901	456.810.200.076
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.213.629.269.769	6.685.966.660.653



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



* Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023		Năm 2022	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.189.720.911.616	1.782.910.460.622		
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.189.720.911.616	1.782.910.460.622		
11	3. Giá vốn hàng bán	28	1.284.156.315.702	1.652.383.999.528		
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(94.435.404.086)	130.526.461.094		
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	29	41.635.334.682	30.550.391.298		
22	6. Chi phí tài chính	30	71.090.156.881	59.030.921.100		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		41.107.144.907	39.156.039.609		
24	7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(755.995.765)	-		
25	8. Chi phí bán hàng		427.626.451	396.214.181		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	126.121.618.228	94.198.869.411		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(251.195.466.729)	7.450.847.700		
31	11. Thu nhập khác	32	7.357.209.444	8.098.801.306		
32	12. Chi phí khác	33	23.277.496.839	12.848.700.835		
40	13. Lợi nhuận khác		(15.920.287.395)	(4.749.899.529)		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(267.115.754.124)	2.700.948.171		
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	697.942.245		
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34	(1.895.066.065)	(924.657.952)		
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>(265.220.688.059)</u>	<u>2.927.663.878</u>		
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(159.622.569.205)	47.013.084.360		
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(105.598.118.854)	(44.085.420.482)		
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	(399)	118		


Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng




Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(267.115.754.124)	2.700.948.171
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		43.987.463.802	47.727.791.829
03	- Các khoản dự phòng		(17.779.133.085)	(23.258.217.338)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		254.169.100	8.211.659.911
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(24.241.047.444)	(22.606.632.315)
06	- Chi phí lãi vay		41.107.144.907	39.156.039.609
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(223.787.156.844)	51.931.589.867
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		223.360.408.047	247.603.924.443
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		24.137.884.628	(233.223.111.337)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(160.202.718.176)	157.594.491.979
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.346.731.632)	(4.879.295.156)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.019.012.743)	(27.812.158.031)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(782.987.045)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.270.000.000	13.503.700.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.931.160.581)	(14.598.860.610)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(145.518.487.301)	189.337.294.110
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(860.405.861)	(5.351.830.071)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	6.909.543.622
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(69.298.960.000)	(35.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		30.116.349.203	71.129.178.914
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.339.855.288
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.680.592.035	11.664.561.044
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.362.424.623)	53.691.308.797

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		146.549.402.895	402.179.809.523
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(230.774.673.516)	(469.640.838.357)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(84.225.270.621)	(67.461.028.834)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(246.106.182.545)	175.567.574.073
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		561.632.676.583	389.565.231.203
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.609.674	(3.500.128.693)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	315.530.103.712	561.632.676.583



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 161 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 229 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Việc áp dụng tỷ lệ lỗ gộp trên được thực hiện bắt đầu từ đầu năm 2022 và chênh lệch giá vốn lũy kế do áp dụng tỷ lệ lỗ gộp cũ (là 1,28%) đã được hạch toán điều chỉnh vào chỉ tiêu Giá vốn hàng bán năm 2022, đồng thời ở Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí 9 (công ty con) có lãi gộp giảm mạnh do quyết toán Gói thầu A2 Kho chứa và các đường ống dẫn liên kết thuộc Tổ hợp Hoá dầu Long Sơn. Điều này là nguyên nhân khiến cho tỷ lệ lãi gộp năm nay giảm mạnh so với năm trước. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính với khoản đầu tư dài hạn khác khiến chi phí tài chính giảm mạnh. Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm nay bị lỗ 265,22 tỷ VND, trong khi năm trước có lãi hơn 2,92 tỷ VND.

Áp dụng giá định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 31/12/2023, lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.005,33 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 3.847,83 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.503,17 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 787,77 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 5.704,23 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn là 534,14 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2023 là 1.063,22 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 859,31 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Một số Báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty cũng tồn tại nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục như: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, Công ty Cổ

phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Đến nay, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam phê duyệt phương án tái cơ cấu các khoản đầu tư, Tổng Công ty cũng đang xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển Tổng Công ty trình Tập đoàn phê duyệt. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang quyết liệt thực hiện các giải pháp khác và tin tưởng rằng các giải pháp này sẽ thành công và Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	48,62%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đông Đô	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Hàng năm, Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết".

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu năm báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Tổng Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các năm trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong năm, Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết năm báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Tổng Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê đất
- Phần mềm quản lý	3 - 5 năm

2.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 38 năm
--------------------------	-------------

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, các BCC của Tổng Công ty là BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, kế toán tiếp tục thực hiện:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.16 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010

2.17 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.22 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.24 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.25 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.26 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai (do việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 Thông tin bộ phận

Do Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	4.222.971.623	3.827.669.003
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	244.844.247.700	370.616.838.390
Các khoản tương đương tiền (i)	66.462.884.389	187.188.169.190
	315.530.103.712	561.632.676.583

(i) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 66.462.884.389 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,8 %/năm đến 4,5 %/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	310.112.549.041	-	270.329.315.068	-
	310.112.549.041	-	270.329.315.068	-

(i) Tại ngày 31/12/2023, các đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 310.112.549.041 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4 %/năm đến 7,3 %/năm.

Trong đó:

- Các khoản tiền với giá trị là 205.522.960.000 VND đang được cầm cố cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (Xem thuyết minh 23);
- Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 45,3 tỷ VND gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoản tiền này sẽ được chi trả khi có chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
- Khác	300.000.000	-	300.000.000	-
	14.900.000.000	(13.885.000.000)	14.900.000.000	(13.885.000.000)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Mã CK	Địa chỉ	31/12/2023			01/01/2023		
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			%	%	VND	%	%	VND
Đầu tư vào công ty liên kết					33.113.367.012			33.869.362.777
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC		Hà Nội	44,00%	44,00%	-	44,00%	44,00%	-
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	PID	Hà Nội	49,98%	49,98%	-	49,98%	49,98%	-
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	PVA	Nghệ An	22,64%	22,64%	-	22,64%	22,64%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72%	24,72%	-	24,72%	24,72%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		Hải Phòng	42,46%	42,46%	31.413.604.516	42,46%	42,46%	32.169.600.281
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (I)		Hà Nội	97,22%	35,05%	1.699.762.496	97,22%	35,05%	1.699.762.496
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)		Hà Nội	35,83%	35,83%	-	35,83%	35,83%	-
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí		Hà Nội	40,00%	40,00%	-	40,00%	40,00%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	Thanh Hóa	36,00%	36,00%	-	36,00%	36,00%	-
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh		Thanh Hóa	35,01%	43,16%	-	35,01%	43,16%	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	Đà Nẵng	48,27%	48,27%	-	48,27%	48,27%	-
					33.113.367.012			33.869.362.777

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31/12/2023 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Tại ngày 31/12/2023, giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết được Tổng Công ty đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị thu thập được tại thời điểm gần nhất.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong năm: Chi tiết xem tại Thuyết minh 41.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023				01/01/2023			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	VND		VND	VND	VND	
Đầu tư vào đơn vị khác								
- Công ty CP Xi măng Hạ Long (ii)	147.300.000.000		(147.300.000.000)	7,58%	147.300.000.000		(147.300.000.000)	7,58%
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (ii)	23.500.000.000		(11.288.806.120)	15,67% (*)	23.500.000.000		(11.288.806.120)	15,67% (*)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (ii)	12.500.000.000		(1.488.246.800)	2,50%	12.500.000.000		(1.488.246.800)	2,50%
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (ii)	3.000.000.000		-	3,99%	3.000.000.000		-	3,99%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (ii)	2.795.000.000		-	5,00%	2.795.000.000		-	5,00%
- Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (ii)	2.500.000.000		-	10,00%	2.500.000.000		-	10,00%
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (ii)	5.400.000.000		(5.400.000.000)	7,25%	5.400.000.000		(5.400.000.000)	7,25%
- Các khoản đầu tư dài hạn khác (ii)	9.318.000.000		(4.231.833.881)		9.318.000.000		(4.221.556.070)	
	206.313.000.000	-	(169.708.886.801)		206.313.000.000	-	(169.698.608.990)	

(ii) Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư này lần lượt là 206,31 tỷ VND và khoảng 169,709 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: khoảng là 206,31 tỷ VND và khoảng 169,698 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2023 và năm 2022 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư khác, do đó dự phòng đầu tư tài chính đang được trích theo báo cáo tài chính các năm trước của các Công ty này.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và
- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương") mà hiện nay cũng đang là chủ thể đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất nêu trên.

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;
- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này Tổng Công ty đã thống nhất với Mai Phương để thuê tổ chức độc lập thực hiện định giá lô đất và Tổng Công ty đang làm việc với PVC Kinh Bắc để xác định lại tỷ lệ góp vốn.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	15,67%	15,67%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Xây lắp
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Bình	3,99%	3,99%	Xây lắp
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Nam Định	5,00%	5,00%	Xây lắp
Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C	Hà Nội	7,25%	7,25%	Xây lắp

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.371.328.933.805	(173.174.086.828)	1.529.249.371.723	(172.640.881.092)
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	5.546.942.139	(4.011.796.202)	5.546.942.139	(4.011.796.202)
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.054.967.889.619	-	1.204.629.943.300	-
Viện Dầu khí Việt Nam	42.686.383.664	(747.531.048)	32.854.230.083	(747.531.048)
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	49.889.130.241	-	49.889.130.241	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.451.422.013	(91.451.422.013)	91.683.988.145	(91.665.699.713)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.291.878.505	(23.291.878.505)	23.293.447.505	(23.291.878.505)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.858.853.155	(27.158.853.155)	27.858.853.155	(27.158.853.155)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	(1.518.493.750)	6.097.621.800	(1.518.493.750)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	-	16.811.955	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	41.635.737.524	(14.648.480.719)	48.467.434.602	(13.900.997.283)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	40.631.752	-	1.487.184.270	-
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	-	-	4.315.066	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	532.785.009	(532.785.009)	532.785.009	(532.785.009)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.446.793.927	(9.446.793.927)	9.446.793.927	(9.446.793.927)
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	(366.052.500)	366.052.500	(366.052.500)
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	-	-	9.573.838.024	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	-	2.000.000.002	-
Bên khác	407.274.414.354	(125.104.654.618)	519.323.569.669	(121.505.144.805)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	90.555.700.071	-	108.813.094.137	-
Các đối tượng khác	316.718.714.283	(125.104.654.618)	410.510.475.532	(121.505.144.805)
	1.778.603.348.159	(298.278.741.446)	2.048.572.941.392	(294.146.025.897)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>	272.124.069.091	(195.293.398.227)	248.175.290.279	(195.293.398.227)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	(47.905.728.732)	54.324.395.257	(47.905.728.732)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	(160.772.360)	229.674.800	(160.772.360)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	12.377.571.689	(11.617.459.964)	12.377.571.689	(11.617.459.964)
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu Khí	3.418.342.062	-	3.418.342.062	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	50.693.297.207	(26.744.518.395)	26.744.518.395	(26.744.518.395)
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	-	42.215.869.300	-
<i>Bên khác</i>	308.474.400.653	(139.003.459.391)	335.103.994.248	(139.003.459.397)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	113.386.879.741	(17.856.157.637)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Các đối tượng khác	195.087.520.912	(121.147.301.754)	221.717.114.507	(121.147.301.760)
	580.598.469.744	(334.296.857.618)	583.279.284.527	(334.296.857.624)
b) Dài hạn				
<i>Bên khác</i>	12.485.376.511	(12.185.768.058)	12.485.376.511	(12.185.768.058)
Các đối tượng khác	12.485.376.511	(12.185.768.058)	12.485.376.511	(12.185.768.058)
	12.485.376.511	(12.185.768.058)	12.485.376.511	(12.185.768.058)

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan						
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	16.922.614.402	(5.461.481.792)	-	600.623.176	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	356.277.576.669	(269.172.594.062)	-	600.623.176	355.676.953.493	(269.172.594.052)

(i) Các khoản phải thu về cho vay bao gồm:

- Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần;
- Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank, thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	2.927.020.063	-	1.509.803.315	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.750.990.000	(6.750.990.000)	6.750.990.000	(6.750.990.000)
Phải thu về tạm ứng	33.656.335.841	(2.314.861.215)	32.027.812.876	(1.575.197.044)
Ký cược, ký quỹ	2.877.906.083	-	3.354.953.304	-
Phải thu khác	353.112.819.239	(193.505.172.348)	334.749.166.771	(194.938.324.348)
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	103.642.031.545	(27.733.568.215)	98.342.190.862	(28.298.568.215)
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
- Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
- Phải thu các đội xây dựng	16.819.381.673	(16.819.381.673)	16.819.381.673	(16.819.381.673)
- Quỹ Khen thưởng phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	(4.917.824.644)	4.917.824.644	(4.917.824.644)
- Các đối tượng khác	158.548.872.975	(75.291.155.264)	145.485.061.190	(76.159.307.264)
	399.325.071.226	(202.571.023.563)	378.392.726.266	(203.264.511.392)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	24.600.907.484	-	24.347.536.322	-
Phải thu khác	6.813.461.725	-	9.213.461.725	(9.213.461.725)
- Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	6.813.461.725	-	9.213.461.725	(9.213.461.725)
	31.414.369.209	-	33.560.998.047	(9.213.461.725)
c) Trong đó: Bên liên quan				
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	33.204.502.135	(62.118.449)	30.967.883.260	(62.118.449)
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	45.288.741.083	(6.138.310.290)	41.955.665.851	(6.138.310.290)
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	(4.742.067.735)	6.840.056.555	(4.742.067.735)
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	(3.899.613.813)	5.360.238.712	(3.899.613.813)
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	(8.125.138.911)	20.507.270.308	(8.125.138.911)
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ	2.155.023.952	-	1.859.877.376	-
- Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	5.546.942.139	(2.008.154.052)	2.469.138.586	(2.008.154.052)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	368.366.166	-	955.614.239	-
- Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	274.000.624	-	265.370.827	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	(28.795.218.993)	28.795.218.993	(28.795.218.993)
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	-	1.669.212.234	-
	176.423.966.478	(80.185.015.820)	168.059.940.518	(80.185.015.820)

- (i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 38).

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	208.609.114.167	-	208.674.045.832	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	155.516.145.687	-	155.516.145.687	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	44.766.872.297	13.993.969.679	42.875.884.022	12.249.841.663
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.739.518.828	-	75.739.518.828	41.510.769
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	55.539.737.388	-	55.539.737.388	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	46.748.000.242	-	46.748.000.242	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	59.191.781.536	6.714.619.343	59.191.781.536	6.714.619.343
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Vinaconex 39	35.925.998.583	1.057.959.818	35.925.998.583	1.057.959.818
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	30.495.449.099	100.965.000	30.495.449.099	100.965.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Công ty CP Hasky	8.000.000.000	-	9.300.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái sơn	21.759.494.013	-	21.759.494.013	-
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	-	-	9.213.461.725	-
Đối tượng khác	203.980.164.430	30.475.750.770	199.328.183.249	30.439.557.950
	1.244.492.099.354	127.987.114.607	1.248.527.523.288	126.248.304.540

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.381.458.734	(3.249.102.270)	9.466.242.497	(2.895.561.226)
Công cụ, dụng cụ	5.316.250.080	(126.922.432)	4.811.707.179	(126.922.432)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.000.581.148.008	(126.643.454.088)	2.010.806.910.006	(137.538.417.998)
(i)				
Hàng hoá (ii)	61.546.849.442	(15.196.626.123)	81.903.994.339	(21.904.436.728)
	2.073.825.706.264	(145.216.104.913)	2.106.988.854.021	(162.465.338.384)

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.466.587.845.156	1.347.940.268.086
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	245.057.868.468	245.057.868.468
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	32.986.594.500	33.241.702.671
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	108.261.716.656	109.036.396.783
Dự án Hóa dầu Long Sơn	-	136.520.427.495
Các công trình khác	147.687.123.228	139.010.246.503
	2.000.581.148.008	2.010.806.910.006

(*) Công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lương hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(ii) Giá trị hàng hóa tồn kho tại 01/01/2023 và 31/12/2023 bao gồm các căn hộ thuộc dự án chung cư khách sạn Dầu khí Thái Bình có giá trị 36.302.881.834 VND do Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình là chủ đầu tư. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của các bất động sản này và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	591.987.049	1.464.504.313
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.546.812.017	2.970.800.099
	2.138.799.066	4.435.304.412
b) Dài hạn		
Chi phí hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	80.035.871.604	82.128.431.700
Chi phí thuê văn phòng	6.777.404.290	9.429.571.835
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.812.380.793	9.747.276.803
Chi phí sửa chữa tài sản	6.490.156.446	371.730.111
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.506.021.273	2.301.586.979
	111.621.834.406	103.978.597.428

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.146.027.819.526	336.467.528.443	120.591.251.826	29.129.424.142	1.632.216.023.937
- Mua trong kỳ	1.843.147.800	-	-	38.990.000	1.882.137.800
- Phân loại lại	21.001.346.395	-	-	-	21.001.346.395
- Giảm khác	(222.052.460)	-	-	-	(222.052.460)
- Thanh lý, nhượng bán	(4.461.355.178)	(621.729.990)	-	(1.272.662.061)	(6.355.747.229)
Số dư cuối năm	1.164.188.906.083	335.845.798.453	120.591.251.826	27.895.752.081	1.648.521.708.443
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	407.345.793.865	295.630.056.740	119.726.723.179	28.757.504.492	851.460.078.276
- Khấu hao trong năm	27.045.875.711	12.296.521.095	968.990.107	175.777.693	40.487.164.606
- Phân loại lại	9.603.192.656	-	-	-	9.603.192.656
- Tăng khác	415.922.294	-	-	-	415.922.294
- Thanh lý, nhượng bán	(4.461.355.178)	(621.729.990)	-	(1.272.662.061)	(6.355.747.229)
Số dư cuối năm	439.949.429.348	307.304.847.845	120.695.713.286	27.660.620.124	895.610.610.603
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	738.682.025.661	40.837.471.703	864.528.647	371.919.650	780.755.945.661
Tại ngày cuối năm	724.239.476.735	28.540.950.608	(104.461.460)	235.131.957	752.911.097.840

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 348.134.184.482 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 350.281.260.846 VND);

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 427.227.389.180 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 384.970.486.236 VND)

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	269.334.148.344	19.571.292.382	288.905.440.726
- Mua trong năm	-	1.889.920.000	1.889.920.000
- Do phân loại lại	(4.407.000.000)	-	(4.407.000.000)
- Giảm khác	(1.995.481.824)	-	(1.995.481.824)
Số dư cuối năm	<u>262.931.666.520</u>	<u>21.461.212.382</u>	<u>284.392.878.902</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.616.222.667	19.306.092.753	28.922.315.420
- Khấu hao trong năm	854.368.608	360.769.502	1.215.138.110
- Do phân loại lại	(3.084.900.000)	-	(3.084.900.000)
- Giảm khác	(870.656.568)	-	(870.656.568)
Số dư cuối năm	<u>6.515.034.707</u>	<u>19.666.862.255</u>	<u>26.181.896.962</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	<u>259.717.925.677</u>	<u>265.199.629</u>	<u>259.983.125.306</u>
Tại ngày cuối năm	<u>256.416.631.813</u>	<u>1.794.350.127</u>	<u>258.210.981.940</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 19.571.292.382 VND (tại ngày 01/01/2023 là 18.682.615.582 VND).

- (i) Bao gồm trong đó giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu của Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được UBND tỉnh Bà Rịa Vũng tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28 tháng 07 năm 2008 với nguyên giá 15.166.470.000 VND và giá trị còn lại tại 31/12/2023 là 9.092.135.293 VND.

Khu đất này được đầu tư xây dựng dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng và đã được bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2014. Vào ngày 24/08/2017, thửa đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi để cấp mới cho tài sản trên đất là các căn hộ chung cư và khối văn phòng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 920280 và Giấy chứng nhận theo hồ sơ số 000038.TS, Tổng Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng tại thửa đất số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Giá trị tài sản là phần diện tích khu văn phòng cho thuê nêu trên đang được Tổng Công ty trình bày trên khoản mục tài sản cố định hữu hình với giá trị là 15.166.470.000 VND và bất động sản đầu tư với giá trị là 37.885.895.556 VND.

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	108.717.372.483	108.717.372.483
- Phân loại lại	(7.569.083.266)	(7.569.083.266)
Số dư cuối năm	101.148.289.217	101.148.289.217
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	27.415.640.418	27.415.640.418
- Khấu hao trong năm	2.285.161.086	2.285.161.086
- Tăng do phân loại lại	(6.518.292.656)	(6.518.292.656)
Số dư cuối năm	23.182.508.848	23.182.508.848
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	81.301.732.065	81.301.732.065
Tại ngày cuối năm	77.965.780.369	77.965.780.369

Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 54.001.414.669 VND (tại ngày 01/01/2023 là 70.299.807.229 VND)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	7.922.605.745	2.210.996.386	7.922.605.745	2.210.996.386
	71.643.835.139	25.064.213.539	71.643.835.139	25.064.213.539

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty đã thi công tại công trình này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp (ii)	103.182.526.261	103.182.526.261
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)	1.835.100.923	1.835.100.923
- Các công trình, dự án khác (iii)	2.759.656.114	3.293.560.558
	<u>111.661.268.283</u>	<u>112.195.172.727</u>

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND Tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

16 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Dolphin Plaza (i)	27.233.304.440	27.233.304.440
Góp vốn hợp tác Dự án Long Sơn Riverside	12.897.200.000	12.897.200.000
	<u>40.130.504.440</u>	<u>40.130.504.440</u>

(i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 ký giữa Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô - công ty con của Tổng Công ty), Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID với tổng giá trị vốn góp khoảng 51,1 tỷ VND. Theo nội dung Hợp đồng, ba bên thỏa thuận cùng đầu tư vốn để thực hiện Dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội". Tại ngày 18 tháng 01 năm 2015, PVC-Đông Đô đã ký kết Phụ lục số 03 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 với Công ty Cổ phần TID để rút một phần vốn đã góp với giá trị khoảng 14 tỷ VND khỏi dự án. Tỷ lệ tham gia góp vốn của PVC-Đông Đô vào dự án này sau khi rút một phần vốn giảm từ 19% xuống còn 1,6%. Theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP308/HĐ/TID-PVFCLAND ký ngày 18 tháng 01 năm 2017, PVC-Đông Đô đã nhận chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại có diện tích 154 m² trị giá khoảng 3,5 tỷ VND từ Công ty Cổ phần TID và được quyền thanh toán số tiền này bằng việc bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010. Ngày 23/12/2022, Công ty đã nhận 3 căn hộ trị giá 9.867.235.294 VND theo biên bản thỏa thuận về xử lý nghĩa vụ thanh toán số 5010-3/2022/ĐĐ-HP-TID, 5000-3/2022/ĐĐ-HP-TID và 4990-1/2022/ĐĐ-HP-TID ngày 23/12/2022. Giá trị 3 căn hộ này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	363.884.800.571	363.884.800.571	365.353.195.711	365.353.195.711
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	9.868.980	9.868.980	9.868.980	9.868.980
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	11.660.000	11.660.000	11.660.000	11.660.000
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	7.653.351.367	7.653.351.367	8.829.246.507	8.829.246.507
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	177.207.065.265	177.207.065.265	177.049.565.265	177.049.565.265
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	60.699.700.035	60.699.700.035	61.149.700.035	61.149.700.035
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	223.766.591	223.766.591	223.766.591	223.766.591
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
Bên khác	2.976.641.931.146	2.976.641.931.146	2.960.799.981.989	2.960.799.981.989
Công ty Công nghiệp Daelim	1.021.927.357.960	1.021.927.357.960	952.693.445.386	952.693.445.386
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	290.662.562.403	290.662.562.403	367.417.252.017	367.417.252.017
Tập đoàn Sojitz	139.552.763.255	139.552.763.255	135.609.626.210	135.609.626.210
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	111.729.842.747	111.729.842.747	122.612.404.794	122.612.404.794
Tổng Công ty Ba Sơn - Công ty TNHH MTV	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914
Các đối tượng khác	1.351.790.448.867	1.351.790.448.867	1.321.488.297.668	1.321.488.297.668
	<u>3.340.526.731.717</u>	<u>3.340.526.731.717</u>	<u>3.326.153.177.700</u>	<u>3.326.153.177.700</u>
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Phải trả cho các đối tượng khác	408.935.840.838	408.935.840.838	202.041.116.656	202.041.116.656
	<u>408.935.840.838</u>	<u>408.935.840.838</u>	<u>202.041.116.656</u>	<u>202.041.116.656</u>

(i) Số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày tại Thuyết minh số 38).

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÃN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	108.560.908.084	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	25.782.432.185	-
<i>Bên khác</i>	105.154.304.724	110.105.803.889
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	55.897.285.149	50.009.054.320
Các đối tượng khác	31.644.080.275	42.483.810.269
	<u>213.715.212.808</u>	<u>192.884.279.788</u>

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm (đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	30.465.765	66.702.030.166	18.565.836.877	27.727.312.832	30.465.765	57.540.554.211
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	28.187.342	28.187.342	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.244.408.046	7.286.427.819	(344.780.574)	5.197.485.714	35.244.408.046	1.744.161.531
Thuế thu nhập cá nhân	58.893.293	4.868.221.143	4.345.326.434	4.126.075.285	78.878.745	5.107.457.744
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	11.281.690.180	7.907.052.363	5.702.507.715	-	13.486.234.828
Các loại thuế khác	-	4.297.218.420	9.218.551.191	12.136.847.011	-	1.378.922.600
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	783.720	45.669.337.909	1.330.845.482	4.013.774.685	783.720	42.986.408.706
	<u>35.353.805.527</u>	<u>140.104.925.637</u>	<u>41.051.019.115</u>	<u>58.932.190.584</u>	<u>35.373.790.979</u>	<u>122.243.739.620</u>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	172.754.276.659	145.768.522.939
Trích trước chi phí công trình xây lắp	256.446.230.095	448.371.519.200
Chi phí phải trả khác	22.622.170.177	15.151.297.262
	<u>451.822.676.931</u>	<u>609.291.339.401</u>
b) Dài hạn		
Trích trước chi phí công trình xây lắp	71.310.452.285	71.389.452.285
	<u>71.310.452.285</u>	<u>71.389.452.285</u>

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	3.181.130.462	2.903.820.933
	<u>3.181.130.462</u>	<u>2.903.820.933</u>
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	52.080.093.597	53.527.935.149
Lãi bán tài sản và thuê lại thuê tài chính	295.595.888	391.940.504
	<u>52.375.689.485</u>	<u>53.919.875.653</u>

(i) Trong đó bao gồm: 42.996.289.426 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.393 VND. Sau tháng 12 năm 2014 dự án có chủ trương bàn giao về cho UBND tỉnh Tiền Giang đến nay vẫn chưa hoàn thành (xem thuyết minh số 15) do đó Tổng Công ty vẫn chưa làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

22 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	17.130.137	17.130.137
Kinh phí công đoàn	10.545.587.233	10.544.546.393
Bảo hiểm xã hội	9.746.256.579	10.383.067.010
Bảo hiểm y tế	1.559.849.946	1.699.347.573
Bảo hiểm thất nghiệp	840.643.598	832.477.637
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.736.317.506	1.137.275.182
Cổ tức lợi nhuận phải trả	41.546.662.078	41.546.662.078
Các khoản phải trả, phải nộp khác	520.661.884.493	509.807.025.135
- Chi phí lãi vay	3.927.276.443	4.021.425.275
- Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	162.596.140.733	152.399.613.457
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (iv)	50.000.000.000	50.000.000.000
- Phí bảo trì chung cư phải trả	10.727.767.930	12.988.963.930
- Các quỹ ủng hộ	3.914.284.784	3.954.284.784
- Các khoản khác	97.455.170.601	94.401.493.687
	587.654.331.570	575.967.531.145
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.599.775.187	1.628.790.587
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.000.000	59.798.049
	1.649.775.187	1.688.588.636
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Bảo hiểm xã hội	9.206.362.585	5.968.030.599
- Bảo hiểm y tế	689.412.985	884.199.511
- Bảo hiểm thất nghiệp	130.903.714	271.012.442
- Cổ tức phải trả	44.335.430.209	45.418.243.801
- Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí	1.334.818.785	1.334.818.785
	55.696.928.278	53.876.305.138
d) Trong đó: Bên liên quan		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.098.464.510	54.098.464.510
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đăm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
	112.796.151.136	112.796.151.136

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 38.

(ii) Lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương bao gồm chi phí lãi vay của Tổng công ty và chi phí lãi vay mà Tổng công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 7) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/ năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 23. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

(iv) Khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư cho Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con của Tổng Công ty) tại dự án Bạc Liêu Tower. Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí có nghĩa vụ phải thanh toán cho Tổng Công ty Khí Việt Nam số tiền này theo hợp đồng ký ngày 12 tháng 8 năm 2010.

23 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong kỳ		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn (i)						
Vay ngắn hạn	182.734.757.403	182.734.757.403	146.549.402.895	227.020.748.503	102.263.411.795	102.263.411.795
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	618.324.762.135	618.324.762.135	12.608.800.000	3.753.925.013	627.179.637.122	627.179.637.122
	<u>801.059.519.538</u>	<u>801.059.519.538</u>	<u>159.158.202.895</u>	<u>230.774.673.516</u>	<u>729.443.048.917</u>	<u>729.443.048.917</u>
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn (ii)	668.933.562.135	668.933.562.135	-	3.753.925.013	665.179.637.122	665.179.637.122
	<u>668.933.562.135</u>	<u>668.933.562.135</u>	<u>-</u>	<u>3.753.925.013</u>	<u>665.179.637.122</u>	<u>665.179.637.122</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(618.324.762.135)	(618.324.762.135)	(12.608.800.000)	(3.753.925.013)	(627.179.637.122)	(627.179.637.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>50.608.800.000</u>	<u>50.608.800.000</u>			<u>38.000.000.000</u>	<u>38.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
						VND	VND
Vay ngắn hạn						102.263.411.795	182.734.757.403
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	VND	Thả nổi	8 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	22.921.891.805	24.168.155.863
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Thả nổi	11 tháng	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp	67.265.907.564	110.411.790.312
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	VND	Thả nổi	1 năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp	1.705.612.426	35.983.447.529
Đối tượng khác	VND	(*)	1 năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	10.370.000.000	12.171.363.699
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						627.179.637.122	618.324.762.135
						<u>729.443.048.917</u>	<u>801.059.519.538</u>

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(*) Các khoản vay đối tượng khác là vay cá nhân có lãi suất từ 0% đến 12%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư gốc vay ngắn hạn đã quá hạn, chưa được thanh toán của Tổng Công ty là 22.541.829.915 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 24.168.155.863 VND), Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

	Loại tiền	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
						VND	VND
Vay dài hạn							
Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương						575.670.157.122	579.221.082.135
- Hợp đồng số 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 20/10/2010	VND	4,90%	Năm 2017	Đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Tin chấp	200.000.000.000	200.000.000.000
- Hợp đồng số 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	4,90%	Năm 2017	Vay đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Tin chấp	65.000.000.000	65.000.000.000
- Hợp đồng số 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	5,50%	Năm 2017	Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng	Tin chấp	310.670.157.122	314.221.082.135
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam						89.295.080.000	89.295.080.000
- Hợp đồng số 02/2015/HDDHM/PVB-CNTB ngày 04/06/2015	VND	Thả nổi	Năm 2027	Bù đắp vốn đầu tư công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Tin chấp	89.295.080.000	89.295.080.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	VND	11,00%	Năm 2024	Đầu tư mua máy móc thiết bị	Thế chấp	214.400.000	417.400.000
						<u>665.179.637.122</u>	<u>668.933.562.135</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(627.179.637.122)	(618.324.762.135)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						<u>38.000.000.000</u>	<u>50.608.800.000</u>

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29//10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của OceanBank, thời hạn các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Dự phòng phải trả khác	-	2.616.500.000
	<u>-</u>	<u>2.616.500.000</u>
b) Dài hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	20.487.803.160	12.637.246.584
	<u>20.487.803.160</u>	<u>12.637.246.584</u>

25 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối (đã điều chỉnh)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	2.162.412.232	(3.889.882.234.085)	498.035.469.318	790.658.294.977
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	47.013.084.360	(44.085.420.482)	2.927.663.878
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(4.958.123.645)	2.860.151.240	(2.097.972.405)
Số dư cuối năm trước	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>6.831.719.482</u>	<u>22.681.220.411</u>	<u>(29.720.195)</u>	<u>150.859.427.814</u>	<u>2.162.412.232</u>	<u>(3.847.827.273.370)</u>	<u>456.810.200.076</u>	<u>791.487.986.450</u>
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	2.162.412.232	(3.847.827.273.370)	456.810.200.076	791.487.986.450
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(159.622.569.205)	(105.598.118.854)	(265.220.688.059)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	188.294.777	180.910.679	369.205.456
Số dư cuối năm nay	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>6.831.719.482</u>	<u>22.681.220.411</u>	<u>(29.720.195)</u>	<u>150.859.427.814</u>	<u>233.648.426</u>	<u>(4.005.332.783.992)</u>	<u>351.392.991.901</u>	<u>526.636.503.847</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND		VND	
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
Cộng	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	150.859.427.814	150.859.427.814
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	233.648.426	2.162.412.232
	<u>151.093.076.240</u>	<u>153.021.840.046</u>

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
USD	8.454.808,97	12.030.160,63

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.112.006.001	11.112.006.001

27 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	8.520.111.090
Doanh thu cung cấp dịch vụ	187.503.077.524	95.137.490.377
Doanh thu hoạt động xây lắp	967.986.570.566	1.650.410.279.760
Doanh thu khác	34.231.263.526	28.842.579.395
	<u>1.189.720.911.616</u>	<u>1.782.910.460.622</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.189.720.911.616</u>	<u>1.782.910.460.622</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	745.929.996.148	1.210.802.429.954

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hoá bất động sản	-	4.360.776.854
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	184.289.184.998	89.550.683.928
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.078.600.437.753	1.528.342.062.229
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.249.233.471)	23.475.053.406
Giá vốn khác	38.515.926.422	6.655.423.111
	<u>1.284.156.315.702</u>	<u>1.652.383.999.528</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	2.172.748.009	12.809.545.580

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.680.592.035	18.393.741.717
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.981.770.251	12.156.649.581
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	989.954.564	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.983.017.832	-
	<u>41.635.334.682</u>	<u>30.550.391.298</u>

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	41.107.144.907	39.156.039.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	22.331.501.488	1.640.947.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.244.123.664	8.211.659.911
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	10.277.811	3.000.000.000
Chi phí tài chính khác	6.397.109.011	7.022.274.446
	71.090.156.881	59.030.921.100
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	26.935.872.213	19.627.749.158

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	776.127.427	958.772.645
Chi phí nhân công	81.261.380.797	71.966.880.523
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	856.022.546	549.969.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.966.898.563	6.847.655.922
Thuế, phí và lệ phí	6.863.980.032	7.514.740.729
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(4.280.392.869)	(30.817.071.440)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.990.247.864	20.338.246.706
Chi phí khác bằng tiền	21.687.353.868	16.839.674.933
Lợi thế thương mại	-	-
	126.121.618.228	94.198.869.411
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	121.800.000	101.454.545

32 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.316.451.174	4.212.890.598
Tiền phạt được hưởng	1.720.549.012	498.719.303
Thu tiền bồi thường	314.006.687	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.616.500.000	-
Thu nhập khác	1.389.702.571	3.387.191.405
	7.357.209.444	8.098.801.306

33 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	193.972.256	7.409.007.218
Các khoản bị phạt	3.925.687.952	-
Các khoản khác	19.157.836.631	5.439.693.617
	<u>23.277.496.839</u>	<u>12.848.700.835</u>

34 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	19.230.752.273	17.335.686.208
	<u>19.230.752.273</u>	<u>17.335.686.208</u>

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.895.066.065)	(924.657.952)
	<u>(1.895.066.065)</u>	<u>(924.657.952)</u>

35 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(159.622.569.205)	47.013.084.360
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(159.622.569.205)	47.013.084.360
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	399.997.029	399.997.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(399)</u>	<u>118</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.609.132.754	165.438.554.760
Chi phí nhân công	276.686.362.494	322.069.408.109
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.864.053.579	636.469.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.987.463.802	48.198.934.827
Thuế, phí và lệ phí	4.717.944.623	3.729.928.526
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(5.774.234.001)	(36.678.678.543)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.341.596.615	1.375.395.539.184
Chi phí khác bằng tiền	42.578.197.418	115.421.272.599
	<u>1.418.010.517.284</u>	<u>1.994.211.428.943</u>

37 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	146.549.402.895	402.179.809.523

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	230.774.673.516	469.640.838.357

38 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			155.046.350.336	155.046.350.336	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngày sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023:

(i) Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoản 91 tỷ VND;

(ii) Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoản 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.

Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 kỳ ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(*) Trong năm 2016, Tổng công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng công ty tại thư bảo lãnh cho công ty CP xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại OceanBank - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank.

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng công ty cam kết và bảo đảm với Tổng công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVE.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó Thanh tra Chính phủ kiến nghị:

- (i) Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối;
- (ii) Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lắp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTCTP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

39 THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban tổng giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc tập đoàn Dầu Khí Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án của là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đang đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC. Đồng thời, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng công ty

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLTK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025.

40 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

41 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	745.929.996.148	1.210.802.429.954
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	735.572.194.711	1.208.301.648.770
Viện Dầu khí Việt Nam	8.938.321.437	(7.716.397)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	1.073.570.914
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.419.480.000	1.434.926.667
Mua hàng hóa dịch vụ	29.230.420.222	32.538.749.283
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	2.172.748.009	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-	12.809.545.580
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	4.200.000	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	26.935.872.213	19.627.749.158
Viện Dầu khí Việt Nam	117.600.000	101.454.545

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Hội đồng quản trị	2.258.749.896	2.622.478.923
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT 543.276.735	711.573.063
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT 249.555.000	337.050.000
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT 504.420.370	520.122.405
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT 465.736.130	627.780.716
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT 495.761.660	425.952.738
Ban Tổng Giám đốc	2.155.452.151	2.867.428.893
Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2024 -	-
Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/01/2024 580.148.335	578.334.951
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc 497.083.200	692.554.114
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc 484.725.812	649.484.639
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 26/01/2022 -	110.006.864
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc 85.347.000	54.000.000
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/10/2023 76.673.500	-
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/11/2023 102.897.000	54.000.000
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/07/2023 328.577.304	729.048.325
Ban Kiểm soát	502.385.625	666.007.456
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát 432.185.625	601.207.456
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát 35.100.000	32.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát 35.100.000	32.400.000

42 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 căn cứ theo việc hồi tố tiền truy thu thuế tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí. Theo đó một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	
a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	125.972.934.807	140.104.925.637	14.131.990.830
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(3.887.633.042.407)	(3.894.840.357.730)	(7.207.315.323)
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	463.734.875.583	456.810.200.076	(6.924.675.507)

Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

